

Học vi nhân sư hành vi thế phạm

Tập 2

Hòa thượng Tịnh Không thuyết giảng

Đây là những bài khai thị buổi sáng của hòa thượng Tịnh Không cho đồng tu khắp nơi, chưa được hòa thượng giám định. Chỉ là do nhóm ghi chép bài giảng đích thân nghe băng thâu âm, ghi lại những điểm chính yếu, chỉnh lý cho gọn rồi viết thành bài nháp này để cúng dường đọc giả.

A. KHAI THỊ VỀ PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Đến cũng không không, đi cũng không không (Buổi sáng 21-11-98)

Tôi cùng Lý hội trưởng đi thăm lão cư sĩ Hồng Cung Lan và tặng cho ông một xâu chuỗi. Lão cư sĩ nói lúc bình thường ông có rất nhiều vọng niệm, sau khi có được xâu chuỗi này thì vọng niệm ít đi. Ông nằm mộng thấy một nam một nữ đến thăm ông, họ nói là do Ngọc Hoàng Đại Đế phái đến để bảo hộ cho ông, khuyên ông phải nhẫn nại, và nói: *‘Đến cũng không không, đi cũng không không’*. Cả đời lão cư sĩ Hồng chẳng có tâm nhẫn nại, tính tình nóng nảy; nghe xong, ông hiểu được và rất hoan hỷ. Sau khi ông tỉnh dậy thì hai người này biến mất. Ông nói ông đã tám mươi tuổi rồi, nhất định không lừa gạt người, đây là cảnh giới thật.

‘Đến cũng không không, đi cũng không không’, hai câu này nói toạc hết nghĩa thú của kinh Bát Nhã. Không những trước lúc chúng ta đến đã không không, đi rồi cũng không không, hiện tại [chẳng phải] cũng không không đó sao? Đức Phật nói chân tướng sự thật là như ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’. Mộng, huyễn, bọt, bóng đều chẳng chân thực, đều là giả tướng, thời gian giả tướng này tồn tại rất ngắn, trong kinh hình dung ‘như sương, như ánh chớp. Như sương là nói tướng tương tục -- tiếp nối, như ánh chớp là nói ‘sát na tế’ -- rất nhanh, nói rõ thật tướng chư pháp đích thật như vậy. Người hiểu rõ và giác ngộ thì được xưng là Phật, Bồ Tát; người mê hoặc và chẳng giác ngộ cho rằng chuyện này không thật, đây là phàm phu. Cho nên sự sai khác giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở tại một niệm giác hay mê. Người giác ngộ trong mộng, huyễn, bọt, bóng được tự tại, người mê hoặc thì rất đau khổ.

Do đó có thể biết đây là ‘duyên sanh’, duyên khởi tánh không. Nghiệp duyên rất phức tạp, gồm có ba thứ: thiện, ác, và vô ký (*vô ký là chẳng thiện, chẳng ác*). Chỉ có người giác ngộ chân chánh mới có thể vận dụng một cách thích hợp, giúp đỡ những chúng sanh chưa giác ngộ có thể khai ngộ, đây tức là chư Phật, Bồ Tát phổ độ chúng sanh. Hiểu rõ chư pháp là vô sở hữu, ‘không không’ cũng là vô sở hữu, liễu bất khả đắc (*trọn chẳng thể có được*); cái tâm niệm có thể đắc và những vật đắc được đều là ‘không không’, tâm chúng ta mới chân chánh trở lại bình tịnh, trở lại thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng là chân tâm bản tánh của chúng

ta, và cũng là ‘minh tâm kiến tánh’ nói trong Tông Môn, [hiểu được như vậy] chúng ta mới thể hội tại sao cả đời giảng kinh thuyết pháp, Thế tôn phải dùng hết hai mươi hai năm để giảng kinh Bát Nhã là vì hết thấy chúng sanh chẳng biết chân tướng sự thật, chẳng biết các pháp đều không, chẳng thể hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo là con đường giác ngộ, phàm phu đi con đường mê hoặc nên mới xuất hiện thập pháp giới, lục đạo, tam đồ. Mê nặng thì là hiện tượng tam đồ, nhẹ hơn thì là lục đạo, nhẹ hơn nữa là tứ thánh pháp giới. Hết thấy tam đồ, lục đạo, tứ thánh pháp giới đều là mê, đều chẳng khế nhập vào ‘lý không’, khế nhập vào ‘lý không’ thì sẽ chứng được Nhất Chân pháp giới.

Nhất Chân cũng là danh tướng nói một cách miễn cưỡng, nếu chúng ta chấp trước có một cái ‘Nhất’, chấp trước có một cái ‘Chân’ thì cũng sai luôn. Đối ngược của một là nhiều, đối ngược của chân là giả, Huệ Năng đại sư nói: *‘Một và nhiều, chân và giả là Nhị pháp, Nhị pháp chẳng phải Phật pháp’*. Cho nên chẳng có ý niệm của ‘nhất’, của ‘chân’ thì mới thực sự là Nhất Chân pháp giới. Do đó có thể biết vừa khởi tâm động niệm một chút thì đã sai mất rồi.

Học Phật thì phải học như thế nào? Tông Môn thường nói: ‘Tu từ căn bản’, căn bản tức là một niệm chẳng sanh, tâm địa thanh tịnh chẳng khởi một tâm niệm gì hết. Nếu nghĩ: ‘hiện giờ một niệm cũng chẳng sanh’ thì đã sanh lên cái tâm ‘một niệm chẳng sanh’, vậy thì cũng sai rồi. Lúc mới bắt đầu học, Tông Môn dùng phương pháp ngồi xếp bằng quay mặt vào vách để tập *‘không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước’*. Sau khi học thành công rồi thì phải thao luyện trong đời sống, khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần phải không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, vậy thì mới thành công, lúc bấy giờ mọi cảnh giới đều là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới chẳng tách lìa thập pháp giới, lục đạo, tam đồ; làm sao có thể gọi là Nhất Chân pháp giới? Do chuyển biến nơi tâm, chuyển biến ở chỗ nhận biết, nhận thức chân tướng của cảnh giới, tức là nhận thức được chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Ý nghĩa của câu ‘Đến cũng không không, đi cũng không không’ rất sâu, nếu nhận thức rõ thì sẽ rất vui vẻ mà nắm lấy duyên, thành tựu vô lượng công đức, đó là tích công lũy đức. Phàm phu nhận lầm cảnh giới, tạo thành tội nghiệp nhưng chẳng phải là cố ý tạo tội. Đức Phật nói nguồn gốc của hết thấy tội nghiệp là ngu si, si tức là chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật nên làm sai, dùng duyên sai lầm. Người giác ngộ hiểu rõ chân tướng sự thật nên khi khởi tâm động niệm, hết thấy hành động đều là tích công lũy đức. Tích công lũy đức là khái niệm của người thế gian, người giác ngộ chẳng có tâm niệm này. Chúng sanh trong thập pháp giới có tâm niệm này, Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới chẳng có tâm niệm này, đó là ‘làm mà không làm, không làm mà làm’.

Chúng sanh có ‘cảm’ thì Phật, Bồ Tát liền ‘ứng’, tự nhiên cảm ứng đạo giao, nhất định chẳng có khởi tâm động niệm. Cổ đức dùng thí dụ đánh khánh, gõ khánh thí dụ cho cái ‘cảm’ của chúng sanh, âm thanh phát ra từ cái khánh thí dụ cho sự ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát. Trên thực tế cái ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát là cảm

ứng của tự tánh. Chúng ta xem Phật, Bồ Tát thành người, xem hết thấy các pháp thành thực thể, tinh nghĩa của Đại thừa chúng ta chẳng có cách nào thể hội được nên chẳng biết hết thấy sự vật trong tận hư không trọn khắp pháp giới đều là tự tánh. Người giác ngộ trong Tông Môn thường nói: *‘Đâu cũng là đạo, trái phải đều về nguồn’*¹, câu này nói toạc chân tướng sự thật, hư không pháp giới đều chỉ là một cái tự tánh mà thôi. Tự tánh là năng biến (*chủ thể có thể biến*), cảm ứng là sở biến (*cái được biến*), chỗ nào có cảm thì chỗ đó có ứng, cảm ứng đạo giao, tơ hào chẳng sai. Lý Sự của cảm ứng sâu rộng vô cùng, chúng ta phải thể hội kỹ càng, sau khi hiểu rõ thì sẽ biết học Phật như thế nào, làm người như thế nào, làm thế nào sinh sống qua ngày, đạt được hạnh phúc chân chánh mỹ mãn.

Thể pháp nói đến ‘chân - thiện - mỹ - huệ’, Phật pháp nói đến ‘thường - lạc - ngã - tịnh’, những thứ này đều là thật; nhưng chúng sanh trong thập pháp giới chẳng có, Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới mới có; cũng có thể nói người khởi tâm động niệm chẳng có, người không khởi tâm động niệm mới có. Phật thí dụ tâm như nước, lúc nước bình tịnh chẳng khởi sóng giống như một cái kiếng, soi những cảnh giới bên ngoài rõ ràng, nước này ví như chân - thiện - mỹ - huệ, thường - lạc - ngã - tịnh. Nhưng lúc nước khởi sóng tuy vẫn có thể chiếu soi cảnh giới nhưng rời rạc, tan nát, cho nên chân thiện mỹ huệ, thường lạc ngã tịnh cũng mất luôn. Từ đây có thể biết dù tâm của Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp nhưng vẫn bình tịnh. Lúc thuyết pháp thì ‘nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói’, lúc thị hiện thì ‘hiện mà chẳng hiện, chẳng hiện mà hiện’ vĩnh viễn trụ trong cảnh giới nhất chân, tâm vĩnh viễn giữ được bình tịnh như nước. Tự tánh công đức tức là ánh sáng của nước có thể chiếu kiến hết thấy vạn pháp. Trong thập pháp giới càng đi xuống thì cường độ rung động của làn sóng tâm càng lớn, càng lên trên thì làn sóng càng nhỏ. Đến lúc nào trong cảnh giới tâm chẳng động nữa, dùng kinh Hoa Nghiêm mà nói thì mức thấp nhất là Viên Giác Sơ Trụ Bồ Tát, lúc đó Bát Nhã, giải thoát, pháp thân của tự tánh sẽ hiện tiền.

1. Phương pháp khai ngộ (*Buổi sáng 24-11-98*)

Cách dạy học thời xưa trong Phật pháp và thể pháp đại khái tương đồng, đều theo quan niệm dùng phương cách khơi gợi, chú trọng ngộ tánh của học sinh. Cách dạy học của nhà Phật là nhằm giúp đỡ học sinh khai ngộ, cách dạy học của Nho gia, Đạo gia cũng vậy, chẳng đề xướng cách học ký vẩn², đích thật chẳng giống với cách dạy học ngày nay. Ngày nay chú trọng cách học thuộc lòng và học tràn lan nhiều môn để tích tụ thường thức phong phú, đây là thuộc cách học ký vẩn. Người xưa chú trọng học thuộc lòng nhằm mục đích tu định, chứ không coi trọng ký ức; người xưa dùng cách học thuộc lòng để đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, khôi phục tâm thanh tịnh, đây là phương pháp khai mở cánh cửa khai ngộ tốt nhất. Vì cánh cửa khai ngộ bị bế tắc nên chúng sanh chẳng thể khai ngộ, nếu

¹ (*Đầu đầu thị đạo, tá hữu phùng nguyên*)

² *Cách học ký vẩn là học thuộc lòng và học nhiều môn để tích tụ kiến thức*

đẹp bỏ phân biệt và chấp trước thì trí huệ sẽ hiện tiền, đó tức là ‘mở tung cái nút chặn’ (mao tắc đốn khai).

Do đây có thể biết phân biệt chấp trước càng nghiêm trọng thì càng chẳng thể khai ngộ; phân biệt chấp trước nhẹ mỏng thì dễ khai ngộ hơn, đây là lý do tại sao thế pháp và Phật pháp đều coi trọng ‘một môn thâm nhập’. Trong một giai đoạn nào đó, chẳng kể là học trình dài ngắn, chỉ cho phép học một môn, bất kỳ khóa trình của một môn nào cũng mong cầu có chỗ ngộ, ngộ nhập trong một môn này thì sự dạy học thành công. Ngược lại nếu chẳng có lãnh ngộ, chẳng khai ngộ, sự dạy học này được kể là thất bại. Do đó giáo học đích thực chú trọng trên trí huệ và đức hạnh, người sơ học thì đức hạnh đứng hàng đầu, trí huệ đi sau. Một người có trí huệ nhưng chẳng có đức hạnh rất dễ tạo nên chuyện ác to lớn, gây hại xã hội, thế nên đức hạnh đứng hàng đầu. Vừa có đức hạnh lẫn trí huệ thì làm việc gì cũng là đại phước, có thể đem lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sanh.

Giáo học của nhà Nho lấy Khổng Lão Phu Tử làm tiêu chuẩn, Khổng Lão Phu Tử dạy bốn khoa: thứ nhất là đức hạnh, thứ nhì là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự (năng lực kỹ thuật), thứ tư là văn học. Lúc đức hạnh và kỹ năng đã được thành tựu, nếu có dư sức lực thì mới học văn học nghệ thuật, đề cao đời sống tinh thần. Thứ tự này rất hợp lý, giáo học của nhà Phật cũng chẳng ngoại lệ, là đoạn thiền nào trước sau đó mới học pháp môn; đoạn thiền nào tức là đức hạnh, học pháp môn tức là chánh sự. Tuy trên phương thức vận dụng có thể biến hóa nhưng nguyên lý và nguyên tắc thì vĩnh viễn chẳng biến đổi, đó là triết lý giáo dục.

Xã hội ngày nay có thể nói là hoàn toàn chẳng giống ngày xưa. Nếu quan niệm giáo học và nguyên tắc sanh hoạt ngày xưa có thể thích ứng và dung hợp với thời đại hiện nay thì chúng sanh sẽ thực sự đạt được hạnh phúc. Đây cũng là điều những người có lòng tốt, trong Phật pháp gọi là những Bồ Tát có tâm đại từ bi muốn tìm cách giúp đỡ chúng sanh. Thế nên Bồ Tát nhất định phải thông suốt hết thầy pháp trong thế gian mới có thể làm thầy của trời và người, mới có năng lực chỉ đạo xã hội, giáo hóa chúng sanh. Năng lực này tức là trí huệ chân thật và thiện xảo phương tiện. Chân thật trí huệ là thể, thiện xảo phương tiện là vận dụng, nếu chẳng có chân thật trí huệ thì chẳng thể vận dụng được thiện xảo phương tiện.

Lấy thí dụ: Xã hội thời xưa truy cầu hòa bình, xã hội ngày nay lại khuyến khích cạnh tranh, bề ngoài hai bên hoàn toàn xung đột thì phải làm thế nào để dung hợp? Nói từ mặt Lý thì dung hợp nhất định có thể làm được vì cả hai đều cùng chung một pháp tánh. Kinh Đại thừa nói tận hư không trọn khắp pháp giới đều cùng chung một lý thể, ngay cả pháp giới địa ngục và pháp giới Phật cũng có thể dung hợp, huống gì là những pháp giới khác? Do đó trên mặt Lý như vậy thì trên mặt Sự đương nhiên cũng có thể làm được. Trên Sự tương chúng ta gặp phải khó khăn, nguyên nhân ở tại phân biệt, chấp trước. Đặc biệt là ngã chấp nặng nề, niệm niệm đều vì ‘lợi ích của tôi’, người nào cũng chấp trước ‘lợi ích của tôi’, đây là cội rễ của vấn đề, tạo thành chẳng thể dung hòa lẫn nhau, và cũng tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp. Nếu ‘tôi’ là thật thì còn có thể chấp nhận được; nào ai biết cái ‘tôi’ này chỉ là một khái niệm trừu tượng, hư giả mà thôi.

Khóa trình cơ bản của Pháp Tướng Tông là ‘Bách Pháp Minh Môn Luận’, trình độ của bộ luận này rất cao, là chỗ nhập môn của pháp Đại thừa, nói rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Bộ luận này thuộc về ‘Tông Kinh Luận’, giải thích rõ tông chỉ của [những gì] đức Phật nói, trên thực tế là giải thích một câu nói của đức Phật. Đức Phật nói: *‘Hết thấy pháp vô ngã’*, Bách Pháp Minh Môn Luận lấy câu này làm tông chỉ, quy nạp hết thấy pháp thành một trăm pháp, bách pháp này tức là hết thấy pháp. ‘Vô ngã’ nói rõ ‘người vô ngã’, ‘pháp vô ngã’, nếu có thể khai ngộ hai việc này thì sẽ hoàn toàn buông xuống ngã chấp và pháp chấp, liền có thể siêu phàm nhập thánh. Phạm phu chấp trước có ngã, có pháp; Phật, Bồ Tát thì giác ngộ ‘vô ngã và vô pháp’ nên Phật, Bồ Tát trong y báo, chánh báo trang nghiêm của thập pháp giới có thể ‘lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, viên dung tự tại’.

Chúng sanh chấp trước có ngã, có pháp thì vĩnh viễn sẽ không thể giải thoát, vĩnh viễn chịu sanh tử luân hồi, khổ chẳng thể tả nổi. Người mê hoặc chẳng hiểu chân tướng sự thật này, chỉ có người giác ngộ hiểu được. Cho dù học tập Phật pháp, nghiên cứu Phật pháp, nhưng họ vẫn còn chấp trước ngã và pháp, vẫn còn khen mình chê người (tự tán hủy tha). Đây là vì còn ngã chấp, chẳng biết chư pháp bình đẳng, chư pháp không tịch, chư pháp duyên sanh nên mới có hành vi này. *Phàm những pháp duyên sanh đều chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, ‘đương thể tức không, liễu bất khả đắc’*. Tướng thì có mà Thể thì không, Sự thì có mà Lý thì không cho nên Tướng là huyễn tướng, Sự như mộng, huyễn, bọt, bóng, đây đều là chân tướng sự thật.

Sau khi hiểu rõ chân tướng rồi thì tâm sẽ định, sẽ thanh tịnh; lúc đó sự cảm thọ, hưởng thọ trong Phật pháp được gọi là ‘chánh thọ’, chánh tức là chánh thường. Hưởng thọ của người thế gian chẳng chân thường, có ‘khổ, vui, sâu, hỷ, xả’; chánh thọ của Phật pháp chẳng có ‘khổ, vui, sâu, hỷ, xả’. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian tuy là có ‘khổ, vui, sâu, hỷ, xả’ nhưng đó là thị hiện, biểu diễn, du hý thần thông, chẳng phải là thiệt. Phạm phu thiệt có ‘khổ, vui, sâu, hỷ, xả’, chẳng phải diễn tuồng, cho nên tạo nghiệp. Người chân chánh giác ngộ thì sẽ giống hết chư Phật, Bồ Tát, du hý thần thông, tự tại vô ngại.

Học Phật phải gánh vác trách nhiệm tiếp nối nối huệ mạng của Phật, gánh vác sứ mạng hoằng pháp lợi sanh, muốn đảm đương sứ mạng này thì nhất định phải ngộ nhập. Phương pháp ngộ nhập chẳng có gì khác ngoài buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà thôi. Lúc xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày phải buông xuống ngã chấp. Kinh Kim Cang nói đến ‘ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng’, chỉ cần buông xuống một tướng này thì sẽ hoàn toàn buông xuống hết. Bốn tướng này có sự liên hệ mật thiết, có một tướng thì bốn tướng sẽ đều có, buông xuống một tướng thì sẽ buông xuống cả bốn. Sau đó đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện tức là công đức chân thật, đây là điều mà chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, khen ngợi. Chúng ta cần phải biết có đủ bốn tướng này là chứng ngại nghiêm trọng cho sự tu học Phật pháp.

Bạn phát tâm từ bi muốn cứu độ hết thầy chúng sanh, muốn cứu chúng sanh thì trước hết phải độ mình cái đã, nếu tự mình chẳng độ được thì sẽ chẳng có năng lực độ chúng sanh. Cho nên tự tu học và tương lai giúp đỡ chúng sanh đều phải nhờ vào chính mình, tuy chư Phật, Bồ Tát từ bi nhưng cũng chẳng giúp được. Chư Phật, Bồ Tát chỉ giúp chúng ta trên việc dạy dỗ, nói rõ sự thật chân tướng cho chúng ta nghe, cung cấp phương pháp cho chúng ta tham khảo, nhưng khế nhập vào cảnh giới nhất định phải là sự việc của chính mình, hy vọng mọi người phải hết lòng nỗ lực.

3. Khỏe mạnh là căn bản của việc tu đạo (Buổi sáng 25-11-98)

a. Khỏe mạnh là căn bản của việc tu đạo

Bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian, nếu chẳng có thân thể cường tráng thì làm việc gì cũng không thể thành tựu. Đời xưa bất luận là trong thiên đường, niệm Phật đường, đả thất là việc rất bình thường, hơn nữa là bảy ngày bảy đêm chẳng ngủ chẳng nghỉ. Cho nên hơn phân nửa là những người trẻ tuổi tham gia, họ có khả năng và thể lực làm việc này, bốn mươi mấy tuổi trở lên thì thể lực đã suy rồi, việc nghiên giáo (nghiên cứu giáo lý) cũng chẳng ngoại lệ. Cho nên thời kỳ thanh thiếu niên là [thời gian] để củng cố cội rễ của học thuật, sự nghiệp.

Tôi sanh vào thời chiến tranh loạn lạc, suốt cả đoạn đời niên thiếu tốt đẹp nhất tôi phải bôn ba, chạy nạn, cho nên cơ sở giáo dục chẳng được củng cố, dù cho ngày nay siêng năng nỗ lực tu học cũng chẳng có thành tựu bằng người đời xưa. Nếu thể chất kém một chút, thân thể suy yếu, nhiều bệnh thì càng khó khăn hơn. Cho dù có ý muốn học, vẫn cảm thấy tâm có dư nhưng sức chẳng đủ, đây là một chuyện vô cùng đáng tiếc. Thế nên trong đời sống thường ngày nhất định phải chú ý đến thân thể của mình.

Phương pháp thay đổi thể chất nhanh chóng và có hiệu quả nhất là tu tâm thanh tịnh, đoạn trừ hết thầy vọng tưởng, tạp niệm, sống cuộc đời đơn giản và có quy luật. Đời sống đơn giản là đời sống khỏe mạnh. Thực sự có thể làm được thiểu dục tri túc, hết lòng hướng về đạo, hết lòng nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đó là đại từ bi. Nhân quả đều có thể chuyển. Có thân tâm khỏe mạnh thì mới có thể phục vụ cho xã hội đại chúng, làm thêm một số việc tốt.

b. Nhân quả

Miền đông bắc Trung Quốc nước sông tràn ngập lênh láng, có rất nhiều người gần chết đói, hy vọng được cứu giúp. Chúng tôi gởi mười vạn bộ áo lạnh và lương thực cho họ, và giúp họ xây dựng lại trường học. Những thời gian chịu đựng khổ nạn này có thể cảnh giác mọi người đừng nên tạo ác nghiệp nữa. Họ tự mình phản tỉnh là do trước kia bắt cá, sát sanh quá nhiều, ngày nay nghĩ lại [mới thấy] cái được chẳng bù nổi cái mất. Có câu 'Ở gần núi thì ăn [đồ ở] núi, ở gần sông thì ăn [đồ ở] sông', ở ven biển hay sông thì làm nghề chài lưới sinh sống,

đời sống được no ấm thì liền biết đủ, như vậy còn có thể tha thứ. Nếu tham hưởng thụ, hy vọng lợi dụng việc sát sanh để phát tài, vậy thì là tạo tội nghiệp, gia đạo làm sao có thể hưởng lâu dài được? Trong lịch sử và cuộc sống hiện thực, nếu chúng ta quan sát kỹ càng thì đích thực nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai.

Từ nghiệp sát này chúng ta liền tưởng đến người hiện nay tạo bốn thứ nghiệp: giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối; trong Phật pháp đây là bốn giới trọng, bất luận là xuất gia, tại gia đều phải tuân thủ. Nhìn vào xã hội ngày nay những gì trong tâm mọi người suy nghĩ, lời nói, hành động đều là giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối, rượu chè (sát, đạo, dâm, vọng, tửu), mỗi ngày đều tạo nên năm thứ tội nghiệp này, trên thực tế tức là tạo ra mười ác nghiệp, tai nạn trên thế gian làm sao tránh nổi?

Nếu muốn cứu mình thì phải hạ quyết tâm ngay tại chỗ này, giữ gìn cấm giới nghiêm túc, y giáo phụng hành. Có thể cứu mình thì mới có thể giúp đỡ người khác, phương pháp duy nhất giúp đỡ người khác cũng chỉ là khuyên nhủ. Những gì đời sống người xuất gia cần thì phải nhờ vào người tại gia cúng dường, cũng chẳng còn sức lực dư thừa để giúp người khác, duy chỉ có thể dùng thân mình làm gương, khuyên mọi người trong xã hội và những người có phước báo lớn nên phát tâm tu phước. Nếu tư tưởng và hành vi của chúng ta chẳng ngay thẳng thì làm sao khuyên người ta cho được, làm sao làm cho người khác tin tưởng? Thế nên phải bắt đầu từ mình mà làm, tâm và hạnh của mình chân chánh thì mới ảnh hưởng người khác được.

Đặc biệt là khuyên những người phú quý, hy vọng họ giác ngộ, đây là duyên đời trước họ tu phước đời này mới hưởng phước, lúc hưởng phước phải tiếp tục tu nhân thì phú quý mới đời đời kiếp kiếp tiếp nối chẳng dứt; nếu trong đời này hưởng hết phú quý thì đời sau nhất định sẽ đọa lạc. Người bần cùng hưởng nhiều khổ nạn vì đời trước chẳng tạo thiện nhân, đời này chưa gặp được thiện duyên, vì vậy nên ngu muội vô tri, tạo tác rất nhiều ác nghiệp. Chúng ta cũng nên khuyên các người nghèo khổ phải giác ngộ, quay trở lại, đoạn ác tu thiện thì đời sau mới được phước báo. Được vậy thì người phú quý hay nghèo khổ gì cũng đều được độ. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian đều là vì công việc này, toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, đây là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Chúng ta làm học trò, đệ tử của Phật, phải học tập và bắt chước tâm nguyện từ bi của Phật, Bồ Tát, phát huy mạnh mẽ sự nghiệp của Phật, Bồ Tát.

c. Mở rộng tâm lượng.

Trong thời đại ngày nay chúng ta phải mở rộng tâm lượng. Vì thông tin phát đạt, giao thông tiện lợi nhanh chóng, những gì phát sanh khắp nơi trên thế giới lập tức liền có thể biết được, thế nên phạm vi hoạt động của chúng ta bằng cả trái đất. Chúng ta phải quan tâm thương mến bất cứ địa khu nào trên trái đất, chẳng thể gò bó trong một phạm vi nhỏ hẹp, như vậy thì tâm lượng quá nhỏ. Ngoài trái đất này ra tâm lượng của chúng ta còn phải mở rộng đến khắp hư không pháp giới thì chúng ta mới có khả năng xuất ly. Nếu chẳng có tâm niệm này thì

làm càng nhiều việc tốt cũng chỉ là phước báo nhân thiên. Có hiểu được lý này thì mới biết tận hư không khắp pháp giới hết thấy chúng sanh hữu tình đều là đồng bào của chúng ta, những đồng bào này có cùng chung một pháp tánh, đều là chân tâm bản tánh của mình biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘tình và vô tình đều viên thành chủng trí’*³. Chỉ có thành Phật mới thực sự nhìn thấy ‘tình và vô tình đều là đồng bào’. Sau khi hiểu rõ thì mới biết trong đời này mình nên làm như thế nào, làm sao nỗ lực mới có thể tương ứng với chư Phật, Như Lai thanh tịnh từ bi.

4. Làm thế nào mới được công phu đắc lực (Buổi sáng 29-11-98)

a. Nhìn thấu. Buông xuống

Trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn ba lần khuyên chúng ta phải nên phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, sáu phương Phật khuyên chúng ta nên tin kinh này và cũng khuyên chúng ta phải tin tưởng lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sáu phương Phật đại biểu cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật, do đó mới biết Thế Tôn khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ cũng tức là mười phương hết thấy chư Phật đều khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, lời khuyên này là lời chân thật, chẳng thể nghĩ bàn, khẩn thiết đến cùng cực.

Tại sao Phật lại khuyên như vậy? Đức Phật giáo hóa chúng sanh là vì muốn chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, mà vãng sanh đến Cực Lạc thế giới mới là phá mê khai ngộ viên mãn, được niềm vui rốt ráo, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển mãi cho đến khi thành Phật. Đó là đại nguyện viên mãn của chư Phật thành Phật đạo, độ chúng sanh, thế nên hết thấy chư Phật mới đau lòng mỗi miệng khuyên [như vậy]. Chúng ta đọc kinh, nghiên giáo phải thể hội được ý chỉ này một cách sâu sắc, hết lòng nỗ lực, thật thà niệm Phật thì mới chẳng phụ lòng hết thấy chư Phật.

Chúng ta đều có tâm niệm này nhưng tại sao công phu vẫn chẳng đắc lực? Đây là do phiền não tập khí đang hoành hành, chướng ngại đạo nghiệp và sự tinh tấn của chúng ta. *Kinh Kim Cang dạy cho chúng ta nguyên tắc vô cùng quan trọng, phương pháp phá trừ chướng ngại là ‘nhìn thấu, buông xuống’*. Không những thế pháp phải nhìn thấu, buông xuống, Phật pháp cũng phải nhìn thấu, buông xuống. Nhìn thấu tức là hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu chúng ta dựa trên nguyên lý, nguyên tắc dạy trong kinh rồi quan sát kỹ càng tất cả hiện tượng trong thế gian và xuất thế gian thì sẽ hiểu rõ. Hiểu rõ chân tướng sự thật, đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa chính là buông xuống. Sau khi buông xuống không những trên sự tu hành chẳng có chướng ngại, lúc xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống sanh hoạt hằng ngày cũng được đại tự tại, cùng chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian du hý thân thông, không hai không khác. Kinh Kim Cang nói “Ta, Người, Chúng sanh, Thọ

³ (tình dữ vô tình đồng viên thành chủng trí)

giả” đều là giả, toàn là mộng, huyễn, bọt, bóng, thời gian tồn tại như sương và như chớp, đó là chân tướng sự thật.

Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh của sự tu hành. Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm chia thành bảy khoa, khoa đầu tiên là ‘Tứ Niệm xứ’ dạy cho chúng ta nhìn thấu. Nội dung của Tứ Niệm Xứ và ‘Ta, Người, Chúng sanh, Thọ giả đều là giả’ nói trong Kinh Kim Cang hoàn toàn là cùng một đạo lý. Kinh Kim Cang dạy cho người Đại Thừa còn Tứ Niệm Xứ dạy cho người Tiểu Thừa. Cho nên Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm giống như sáu chữ hồng danh, tam căn phổ bị (*bao trùm hết ba hạng căn tánh: thượng, trung, hạ*), lợi độn gồm thâu, chín pháp giới chúng sanh tu học cũng chẳng rời nguyên tắc này.

Trong Tứ Niệm Xứ: thứ nhất là ‘Quán thân bất tịnh’: quán sát thân này chẳng tịnh. Thứ nhì: ‘Quán thọ thị khổ’. Thứ ba: ‘Quán tâm vô thường’. Suy nghĩ kỹ càng một người đến thế gian này mấy chục năm ngắn ngủi cho dù trường thọ đến một trăm tuổi thì cũng ngắn ngủi như thời gian búng một ngón tay, trong mấy sát na mà thôi. Thứ tư: ‘Quán pháp vô ngã’ bao gồm ‘Tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả’; quán thân, quán thọ, quán tâm đều thuộc về ‘tướng ta’ (ngã tướng), hoàn toàn tương đồng với chỉ thú của kinh Kim Cang. Sau khi nhìn thấu thì phải buông xuống. ‘Tứ Như Ý Túc’ trong ‘Ba mươi bảy Đạo Phẩm’ tức là buông xuống, chẳng còn nắm giữ pháp thế gian và pháp xuất thế gian trong tâm nữa.

b. Tu Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện

Phật dạy chúng ta đã được thân người, phải trú ở thế gian này mấy chục năm, đúng là *‘đã đến rồi thì hãy ở yên’*⁴. Thế nên người thông minh, có trí huệ tích công lũy đức, vì họ hiểu được *‘vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không’*. Tích công lũy đức như thế nào? Đây là lời dạy trong ‘Tứ Chánh Cần’, đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Đoạn ác nhất định phải đoạn phiền não tập khí của mình, tu thiện nhất định phải tu Giới - Định - Huệ Tam Học, tu Bồ Tát Lục Độ, tu Thập Nguyện Vương. Biến Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện thành kiến giải và hành trì trong đời sống của mình tức là tích công lũy đức.

Hoàn toàn trái ngược với Tam Học: Giới - Định - Huệ là tam độc: tham - sân - si. Phật dạy chúng ta lấy Giới để đoạn tham, lấy Định để đoạn sân, lấy Huệ để đoạn si, biến tham - sân - si thành Giới - Định - Huệ, đây là đoạn ác tu thiện. Bồ Tát Lục Độ nói càng rõ hơn, dùng Bồ Thí đoạn trừ tham lam, lấy Trì Giới đoạn trừ ác nghiệp, lấy Nhẫn Nhục đoạn trừ sân khuê, lấy Tinh Tấn đoạn trừ giải đãi, lấy Thiền Định đoạn trừ tán loạn, lấy Trí Huệ đoạn trừ ngu si. Nếu có thể tuân theo sáu nguyên tắc này khi xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống hằng ngày thì người đó là Bồ Tát. Bồ Tát khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, nhất định phải tương ứng với những nguyên tắc này.

⁴ (*ký lai chi, tắc an chi*)

Phổ Hiền Thập Nguyện là đại hạnh viên mãn của Bồ Tát, trong kinh nói Bồ Tát không tu Phổ Hiền hạnh thì chẳng thể viên thành Phật đạo. Cốt tủy của Phổ Hiền hạnh là tâm lượng viên mãn, *‘tâm bao trùm thái hư, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*⁵, đây là tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát; dùng tâm lượng to lớn này tu hết thấy thiện pháp là Phổ Hiền hạnh. Kinh Hoa Nghiêm quy nạp vô lượng hạnh môn của Phổ Hiền thành mười cương lĩnh, tức là Phổ Hiền thập đại nguyện vương, mười điều này là tổng cương lĩnh của Phổ Hiền hạnh. Mười điều này phải thuận theo thứ tự, chẳng thể thay đổi lộn xộn, thứ nhất là Lễ Kính Chư Phật, đây là căn bản của hạnh môn. Đối với hết thấy người, sự, vật, tận hư không trọn khắp pháp giới hết thấy chúng sanh đều phải cung kính. Trong kinh nói: *‘Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai’*. Dùng tâm hiếu thuận cha mẹ để hiếu thuận hết thấy chúng sanh, dùng tâm tôn kính sư trưởng để tôn kính hết thấy chúng sanh, người này sẽ là Phổ Hiền Bồ Tát. Việc tu học này được gọi là Phổ Hiền hạnh. Đây là cốt lõi của Phổ Hiền hạnh, là cội rễ của Phổ Hiền hạnh.

Dùng Lễ Kính làm cơ sở, điều thứ hai là Xung Tán Như Lai. Cổ thánh tiên hiền dạy người ta dẫu ác, bày thiện, đây là tu dưỡng đức hạnh của mình, và cũng vì xã hội an định, hy vọng mọi người đều nhìn thấy mặt tốt mà thôi. Phiền não tập khí của hết thấy chúng sanh đều chưa đoạn trừ, đều có mặt xấu ác, xấu ác thì chẳng cần phải nói đến, mặt tốt đẹp thì phải tận lực đi tuyên dương, làm cho hết thấy chúng sanh đều giác ngộ đến phải đoạn ác tu thiện. Nếu bạn tạo ác, người ta tha thứ cho bạn, một câu nói cũng chẳng nói đến, bạn sẽ sanh tâm xấu hổ; khi bạn làm một chút chuyện thiện, người khác biểu dương, khen ngợi bạn, đây là để cổ vũ việc tu thiện. Cách dụng tâm này rất hay, rất tốt.

Thứ ba là Quảng Tu Cúng Dường, hết thấy chúng sanh bất luận là trên phương diện vật chất hay tinh thần có thiếu thốn, nếu chúng ta có khả năng thì hãy tận tâm tận lực chủ động giúp đỡ, chẳng cần người ta lại cầu, đây là bố thí cúng dường. Từ Bồ Tát mà nói thì đây là bố thí, sự bố thí của Phổ Hiền Bồ Tát thì gọi là cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát coi hết thấy chúng sanh là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, vì vậy nên gọi là cúng dường, đây là sự tôn kính hết thấy chúng sanh đến cùng cực. Thứ tư là Sám Hối Nghiệp Chướng, đây là nói về sự tu hành của mình.

Trong Phổ Hiền Thập Nguyện vương mỗi một nguyện đều bao hàm hạnh môn viên mãn, nguyện nào cũng như vậy, hàm nhiếp lẫn nhau. Niệm Phật như vậy thì làm sao có việc niệm Phật chẳng đắc lực được? Niệm Phật như vậy thì làm sao chẳng vãng sanh được? Cho nên Phật dạy những nguyên lý, nguyên tắc này, chúng ta nhất định phải nắm chắc [và áp dụng vào] trong đời sống hằng ngày thì mới thật sự thành tựu cho mình, chẳng phụ kỳ vọng của chư Phật Như Lai đối với chúng ta.

⁵ (*tâm bao trùm thái hư, lượng châu sa giới*)

5. Làm thế nào hàng [phục] ma

(Buổi sáng 30-11-98)

Ngạn ngữ có câu: *‘Chuyện tốt có nhiều rắc rối’* (Hào sự đa ma), và: *‘Đạo cao một thước, ma cao một trượng’*. Ma là chướng ngại trong đời sống và sự tu hành của chúng ta. Muốn giải quyết vấn đề này chỉ có học theo phương pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong bát tướng thành đạo Thế Tôn thị hiện ‘hàng phục ma ngoại’ đáng để chúng ta học tập. Phương pháp Thế Tôn hàng phục ma chẳng phải là đối ngoại mà là đối nội. Ma quân tới nhiều loạn, uy hiếp, Thế Tôn chẳng chống lại, ma nữ đến dụ hoặc Thế Tôn cũng chẳng trốn tránh mà dùng Giới Định Huệ Tam Học để giải quyết.

Từ đây chúng ta rút ra được một bài học, khi gặp phải bất kỳ uy hiếp dụ hoặc, hay chướng nạn có bao lớn đi nữa thì chỉ cần tiêu trừ ma oán trong nội tâm, cảnh giới bên ngoài sẽ là *‘chẳng có Phật mà cũng chẳng có ma’*. Cũng như Ngẫu Ích đại sư nói: *‘Cảnh duyên chẳng có tốt xấu, tốt xấu là ở nơi tâm’*. Ma cảnh bên ngoài thật ra là do tâm ma biến hiện ra, có thể biến thành ma cảnh là do tà tri tà kiến của chính mình, phiền não tham - sân của mình, cảnh giới bên ngoài là cảnh bị biến ra (sở biến). Thế Tôn dạy chúng ta phương pháp là phải hàng phục cái tâm năng biến của mình, ma cảnh được biến ở bên ngoài sẽ chẳng gây chướng ngại gì cả.

Kinh Bát Đại Nhân Giác chia Ma thành bốn loại, đó là Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma. Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma đều thuộc về tâm ma của mình; chỉ có Thiên Ma là ở phía ngoài. Thiên Ma từ đâu tới? Cũng là do tâm ma của mình biến hiện ra thôi. Người đời chẳng biết đạo lý này nên khi gặp yêu ma quỷ quái thì liền tìm mọi cách để kháng cự, khắc phục, như vậy vĩnh viễn chẳng thể giải quyết vấn đề. Phương pháp giải quyết vấn đề là phải hóa giải. Bản thân mình có phiền não, tà tri tà kiến, đây là gốc rễ của hết thảy ma chướng. Thế nên chỉ cần làm được ‘tri kiến chánh, trừ phiền não’, ma ngoại cũng sẽ thành Phật luôn. Trong bốn hồng thệ nguyện có nguyện ‘chúng sanh vô biên thệ nguyện độ’, ma cũng là chúng sanh, độ ma thành Phật thì mới đúng là phổ độ chúng sanh.

Chánh tri chánh kiến là từ Tam Muội mà được. Một người tu hành có công phu định lực tương đương thì cũng chẳng biết mình có chánh định hay tà định, thế nên chúng sanh trong chín pháp giới tu hành chẳng thể tách lìa kinh điển. Nếu lý luận, phương pháp tu học và cảnh giới hiện ra trong công phu tương ứng với kinh điển thì là chánh tri, chánh kiến, tức là chánh hạnh, chánh thọ; chánh thọ tức là Tam Muội. Phạm vi của Tam Muội rất rộng lớn, chỉ cần là ‘chánh’ thì là Tam Muội, cho nên chánh tri, chánh giải, chánh hạnh, chánh thọ đều thuộc về Tam Muội.

Chúng ta xem trong kinh, khi Phật thuyết pháp cho chúng sanh trước hết phải thị hiện nhập định, kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng ngoại lệ. Kinh Lăng già nói: *‘Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời’*⁶, Pháp Thân đại sĩ cũng thường ở trong định, Phật còn phải nhập định hay sao? Phật thị hiện nhập định là muốn thuyết minh: thuyết pháp độ sanh dùng Tam Muội làm căn bản, hết thấy pháp đều từ Tam Muội lưu lộ ra; Tam Muội rộng lớn vô cùng, tức là tánh đức lưu xuất.

Cảnh giới trong định là Nhất Chân pháp giới, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng có trước sau, lớn nhỏ, hết thấy khái niệm và sự tương tương đối đều chẳng tồn tại. Nhất Chân tức là sự thật chân tướng mà Như Lai chứng được, điều Như Lai sở chứng tức là tướng cảnh giới được hiện ra trong khi nhập Tam Muội. Cảnh giới này đối với phàm phu chẳng thể nghĩ bàn. Thí dụ trong kinh có nói: *‘Hạt cải chứa Tu Di’*⁷, hạt cải nhỏ cũng như hạt mè vậy, hạt cải chẳng có phóng đại, núi Tu Di cũng chẳng thâm nhỏ, làm sao bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải? Là vì chẳng có lớn nhỏ cho nên có thể tương tức, tương dung (*có thể chính là nhau, dung chứa lẫn nhau*). Chúng ta biết phân biệt lớn nhỏ, chấp trước lớn nhỏ, nhỏ chẳng thể chứa lớn, đây tức là ma cảnh. Ma cảnh là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra; nếu xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng có lớn - nhỏ, trong - ngoài, hạt cải sẽ có thể chứa núi Tu Di.

Phàm phu sanh hoạt trong thời gian, không gian tương đối, khoa học gia gọi là ‘tương đối luận’, tương đối tức là phân biệt chấp trước, chẳng phải thật. Phật, Bồ Tát chẳng có phân biệt chấp trước, chẳng có tương đối, ngay cả Lý Sự cũng chẳng có, cho nên các Ngài không có chướng ngại. Trong cái nhìn của Phật, Bồ Tát, dù là yêu ma quỷ quái thì cũng là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, đều dùng tâm hiếu thuận, cung kính để đối đãi, chẳng có giảm bớt chút nào.

Đây là Thế Tôn thị hiện bản lãnh hàng phục ma, dụng ý là cho chúng ta học tập. Chỉ cần có tà kiến, phiền não thì nhất định sẽ có ma chướng, yêu ma quỷ quái sẽ thường thường bao quanh bên mình. Nếu có thể diệt trừ tà kiến, phiền não thì yêu ma quỷ quái cũng sẽ thành Phật. Từ đây có thể biết Phật và Ma chỉ ở tại một niệm mà thôi. Một niệm mê thì Phật sẽ biến thành Ma; một niệm giác thì Ma sẽ thành Phật. Vì vậy gút mắt ma chướng chẳng ở bên ngoài mà ở trong nội tâm. Người thế gian mê muội gặp yêu ma quỷ quái thì mời đạo sĩ vẽ bùa, niệm chú để trừ tà ma, vậy là dùng võ lực để kháng cự. Cho dù bạn có thể thắng họ thì vấn đề vẫn chưa được giải quyết; tâm oán hận của họ, tâm báo thù vẫn còn, họ vẫn sẽ quay lại trả thù, vả lại sẽ còn mạnh mẽ hơn, như vậy thì sẽ dây dưa chẳng dứt, vấn đề sẽ ngày càng trầm trọng. Cho nên Thế Tôn chẳng chống đối mà dùng tâm

⁶ Na Già là dịch âm tiếng Phạn chữ nāga, có nghĩa là rồng, voi, vô tội, bắt lai. Đây là thuật ngữ để xưng tụng Phật hoặc bậc A La Hán. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chép: “Kinh Không Tước gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử”. Đại Trí Độ Luận quyển ba chép: “Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là Đại Vô Tội”. Thiên Định của đức Phật cũng gọi là Na Già.

⁷ (*Giới tử nạp Tu Di*)

chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để bao dung, cảm hóa. Biến đổi Ma thành Phật là một việc tốt, hai bên đều có lợi. Sau khi Ma thành Phật thì sẽ vĩnh viễn cảm kích bạn, khi bạn thị hiện thành Phật độ sanh, Ma sẽ thị hiện đủ mọi thân phận để hộ pháp, đây mới là cách thực sự giải quyết vấn đề. Phàm ai làm hỏng vấn đề đều là do ngu si tạo nên. Do đó mới biết trí huệ là đáng quý.

Phật pháp từ đầu đến cuối đều truy cầu trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề một cách viên mãn. Tất cả những vấn đề thế gian và xuất thế gian đều có thể giải quyết viên mãn, vì trên Lý là cùng chung một pháp tánh, pháp tánh là cứu cánh viên mãn. Hết thảy sự vật đều y pháp tánh làm tự thể, tự thể viên mãn, tự thể hiện ra tướng cũng nhất định viên mãn. Phàm chẳng thể giải quyết đều là vì trí huệ chẳng đủ, phương pháp chẳng hoàn hảo, phải quay lại tu trí huệ. Phương pháp tức là quyền trí, nhà Phật gọi là thiện xảo phương tiện; quyền trí y vào thực trí, thực trí chính là Tam Muội. Cho nên mới nói tự mình thành Phật rồi nhìn thấy núi sông, sơn hà, đại địa, chúng sanh *‘tinh và vô tinh đều viên thành chủng trí’*. Từ đó có thể biết giải quyết bất kỳ nghi nan tạp chủng trong thế gian, xuất thế gian đều ở tại nội tâm. Phật pháp xưng là Nội Học, chẳng hướng ngoại, hướng ngoại là ngoài tâm cầu pháp, là ngoại đạo. Ngoại đạo chẳng thể giải quyết vấn đề, chỉ có Nội học mới có thể giải quyết vấn đề.

Do đó trong giai đoạn sơ học nhất định phải đọc thuộc Đại Thừa, đặc biệt là những người phát tâm hoằng pháp lợi sanh, không những phải đọc tụng mà còn phải khế nhập vào cảnh giới. Khế nhập tức là ‘tùy văn nhập quán’. Mở quyển kinh ra tùy lời dạy trong kinh mà chuyển biến quan niệm của mình thì gọi là ‘tùy văn nhập quán’. Nhập tức là khế nhập, ý nghĩa của ‘nhập’ bao gồm ‘tín - giải - hành - chứng’. Nhập tức là chứng, có hành mới có chứng, hành là thay đổi quan niệm; thay đổi quan niệm là vì hiểu rõ đạo lý, hiểu lý tức là tin tưởng lời dạy của Phật. Phật nói về ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, chúng ta có thể làm được tín - giải - hành - chứng, cảnh giới liền chuyển, đây tức là ‘tùy văn nhập quán’, đây là chân thật tu hành, có thể đạt được thọ dụng chân thật. Phương pháp tu hành vô lượng vô biên, tùy văn nhập quán là phương pháp tu hành của Giáo Hạ, tức là mở ra cuốn kinh có thể nhập vào cảnh giới Phật. Nhập cảnh giới quan trọng nhất là ở trong sanh hoạt hằng ngày, trong lúc xử sự, đãi người, tiếp vật, lúc nào cũng giữ được, chẳng đánh mất tức là chẳng thoái chuyển. Có bản lãnh này thì khi gặp yêu ma quỷ quái chúng ta sẽ chẳng kinh sợ, chúng ta có khả năng giúp đỡ họ cùng thành Phật đạo, đây là cách giải quyết viên mãn nhất. Đây là lời Phật dạy, đây mới là chân thật, cứu cánh, mỹ mãn.

6. Làm thế nào để đối xử hòa mục với tất cả chúng sanh (Buổi sáng 01-12-98)

Từ xưa đến nay giáo dục của nhà Phật, nhà Nho đều chẳng ra ngoài hai việc: thứ nhất là dạy chúng ta nhận thức quan hệ giữa chúng ta và đại vũ trụ, đây tức là ‘chư pháp thật tướng’. Hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh một cách chính xác là tông chỉ chủ yếu của giáo dục, đây là Thể. Thứ nhì là dạy chúng ta

làm thế nào đối người, đối sự, đối vật và cũng nghĩa là trong sanh hoạt làm sao xử sự, đối người, tiếp vật, đây là Dụng. Hai cái Thể và Dụng này bao gồm toàn bộ giáo học, đây chẳng phải chỉ là lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni mà thôi, mười phương ba đời hết thầy chư Phật giáo hóa tất cả chúng sanh đều chẳng ngoại lệ.

Trên mặt tác dụng tại sao chúng ta không thể đối xử hòa mục với hết thầy chúng sanh? Là vì chẳng hiểu chân tướng sự thật. Chư Phật, Bồ Tát đại thánh đại hiền hiểu rõ chân tướng cho nên có thể đối xử hòa mục với hết thầy chúng sanh. Đức Phật dạy chúng ta phải coi tất cả chúng sanh như cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai; Bồ Tát Giới Bản trong kinh Phạm Võng cũng nói: *'Hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta'*, những chuyện này đều là sự thật, chẳng phải là thí dụ. Kiến giải, tâm tư, thường thức của phàm phu hơn phân nửa giới hạn trong một đời, chẳng biết đời quá khứ và đời vị lai, cho nên sanh ra rất nhiều hiểu biết sai lầm. Phật, Bồ Tát dùng định công thâm sâu đột phá giới hạn của thời gian và không gian, đối với quá khứ vô thí, vị lai vô chung hết thầy đều hiểu rõ, cho nên biết hết thầy chúng sanh đời đời kiếp kiếp đều là quyến thuộc lẫn nhau.

Chư Phật, Bồ Tát dùng tâm gì để đối đãi hết thầy người, sự, vật? Là dùng tâm Hiếu Kính. Câu đầu tiên của Tam Phước trong Quán Kinh: *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng'*. Dùng hiếu thuận, tôn kính đối đãi hết thầy người, sự, vật, đó tức là Phật, Bồ Tát, đại thánh nhân. Tâm tư, quan niệm, hành động của phàm phu hoàn toàn ngược lại. Tương ứng thì là tùy thuận tự tánh, tánh đức, tùy thuận thật tướng của chư pháp. Có thể tùy thuận một cách viên mãn thì là Nhất Chân pháp giới. Nếu chẳng thể tùy thuận, trái ngược với những điều trên thì là lục đạo phàm phu; hoàn toàn trái ngược thì là tam ác đạo. Cho nên làm thánh làm phàm, thiên đường địa ngục đều ở ngay tại một niệm của mình mà thôi. Nếu một niệm này tương ứng với pháp tánh thì là Phật, Bồ Tát; niệm này trái ngược với tánh đức thì là chúng sanh, ác đạo.

Do đây có thể biết cảnh giới bên ngoài thực sự như chư Phật đã nói: 'mộng, huyền, bọt, bóng', cảnh giới biến hóa tùy theo tâm niệm của chúng ta, cũng như kinh Hoa Nghiêm nói: *'Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*. Phật còn nói cho chúng ta biết: *'hết thầy pháp từ tâm tướng sanh'*, tâm là năng biến (*cái có thể biến*), pháp là sở sanh (*cái được sanh ra*). Những pháp được sanh này chẳng như ý là vì cái tâm năng sanh chẳng tương ứng với pháp tánh. Thế nên hết thầy cảnh giới chẳng phải người khác biên hiện ra cho bạn hưởng thụ mà do tự mình biến ra cho mình hưởng dùng, đây là chân tướng sự thật. Sau khi hiểu rõ chân tướng, nếu chúng ta muốn sinh hoạt trong một hoàn cảnh thích hợp với mình thì phải tuân theo lời dạy của Phật. Nói thật ra, tuân theo lời Phật dạy tức là tuân theo tánh đức của tự tánh, pháp tắc của tự tánh. Những gì chư Phật, Bồ Tát nói đều là pháp tắc của tự tánh chúng ta, chẳng phải của riêng Ngài. Thế nên Phật nói Ngài chưa từng nói qua một lời, những gì Ngài nói đều là tánh đức của tự tánh chúng ta khai phát. Chỉ có chân chánh hiểu rõ đạo lý này mới thực sự hoàn toàn tiếp nhận và khâm phục Phật pháp đến năm vóc sát đất.

Cho nên học Phật tức là tùy thuận tự tánh, Phật đại biểu cho tự tánh của chúng ta, Bồ Tát và đại thánh đại hiền là thị hiện của tánh đức, là tánh đức lưu lộ, là tự mình chẳng phải người khác, đây tức là *'ta người không hai'*⁸. Chúng ta phải lãnh hội cái ý tưởng này, từ đó xây dựng lòng tin. Nếu có thể khế nhập thì mới hoằng nhiên đại ngộ, chư Phật, Bồ Tát vốn là tánh đức của mình lưu xuất, thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm cũng là tự tánh lưu lộ. Sau đó mới chân chánh thể hội đến tận hư không trọn khắp pháp giới chỉ là chính mình mà thôi, ngoài chính mình ra, đích thực chẳng có pháp nào cả. Lòng đại từ Vô Duyên, lòng đại bi Đồng Thể tự nhiên sẽ hiện ra, từ bi là tánh đức, tánh đức sẽ hiện ra, lưu lộ viên mãn. Chúng ta hiểu kính đối với Phật, Bồ Tát, đại thánh đại hiền, hiểu kính cha mẹ, sư trưởng, sau đó từ từ sẽ hiểu kính đối với hết thầy chúng sanh, thậm chí đối với oan gia đối đầu của mình, rắn độc thú dữ, địa ngục ngạ quỷ đều hiểu kính như nhau, nhất định sẽ dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối đãi với họ.

Nếu nhập vô cảnh giới này thì bạn đã thành Phật rồi. Cho dù chẳng thành Phật thì cũng là Pháp Thân đại sĩ, trí huệ đã khai mở. Đối với hết thầy vạn pháp trong hư không pháp giới, bạn đã giác ngộ, hiểu rõ rồi, biết được phải làm như thế nào. Đối với những chúng sanh chưa giác ngộ thì cũng biết làm thế nào để giúp đỡ, đây tức là giữ tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Cho nên bất cứ thân phận gì, ngành nghề gì, nam nữ, già trẻ đều có thể tu Bồ Tát đạo viên mãn. Bồ Tát tuyệt đối chẳng giới hạn trong một pháp giới nào, hết thầy pháp giới đều là pháp giới Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói: *'Một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều không hai'* tức là ý nghĩa này.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp tiếp xúc với hết thầy chúng sanh đã kết thiện duyên và cũng có ác duyên. Có nhiều người rất hợp với mình, có duyên và rất thích mình, đây là thiện duyên từ đời quá khứ. Có nhiều người là oan gia đối đầu của mình, đem lại cho mình rất nhiều điều chẳng như ý, đây là oan nghiệp từ kiếp trước. Quá khứ mê hoặc điên đảo nên gây ra oan nghiệp này, hiện nay giác ngộ hiểu rõ rồi, phải hóa giải oan kết này thì cũng dùng 'hiếu kính' như lời Phật dạy. Hiếu thuận và tôn trọng bằng tâm chân thành, oan kết tự nhiên sẽ được hóa giải.

Cho nên đối với hết thầy oán ghét, chúng ta phải tùy thuận, thực sự làm được hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; trong sự tùy hỷ thành tựu trí huệ chân thật cho mình, giới - định - huệ chân thật, đây là công đức. Tùy thuận làm sao có thể thành tựu công đức? Tâm thanh tịnh quan trọng, tâm trí huệ quan trọng, bạn dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi tức là tùy thuận, đây là có công. Có thể thành tựu, tăng thêm lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi của bạn là đức.

Cho nên nếu có một niệm oán trời trách người thì là sai lầm quá đỗi. Khi gặp hết thầy cảnh giới, nghịch duyên không như ý, đều phải quay lại tự mình phản tỉnh, nhất định là do nghiệp chẳng thiện của mình tích lũy lại tạo thành, lỗi lầm

⁸ (tự tha bất nhị)

chẳng ở tại người khác. Quay đầu lại tự mình chân thật sám hối, sửa sai đổi mới, đây là chân tu hành. Là do mình chẳng xem họ như cha mẹ, sư trưởng, chẳng có hiếu thuận, tôn trọng họ, là lỗi của mình, chẳng phải của họ. Chư Phật Như Lai dùng phương pháp này được thành tựu, chúng ta muốn làm Phật, làm Bồ Tát thì cũng chẳng ngoại lệ, vẫn phải dùng phương pháp này. Chúng ta phải thực hiện ‘kính người, kính sự, kính vật’ trong đời sống, niệm niệm chẳng được tách lia; một niệm tách lia là một niệm mê, một niệm tương ứng là một niệm giác, cho nên phải dụng công trong từng tâm niệm. Chẳng thể không đọc kinh điển Đại thừa, chẳng thể không thâm giải ý thú⁹, được vậy chúng ta mới có thể giữ gìn giác chứ không mê, mới có thể đạt được đời sống hạnh phúc mỹ mãn chân chánh.

7. Nói chuyện với đồng tu tại Niệm Phật Đường (Buổi sáng 06-12-98)

Từ lúc khai giảng đến nay Niệm Phật Đường đã từ từ đi vào nề nếp, mọi người đều cảm nhận công đức thù thắng của sự niệm Phật một cách sâu sắc, sanh tâm hoan hỷ. Nhưng cũng có một số đồng tu nói với tôi rằng trong đại chúng còn một số ý kiến. Vấn đề này chúng ta không thể không để ý. Cổ đức thường nói lúc cùng nhau tu tập (*cộng tu*) nếu có nghi hoặc, xen tạp thì sẽ phá hoại công phu niệm Phật. Mục đích của sự niệm Phật là để đạt được ‘nhất tâm bất loạn’, nhất tâm tuy không dễ đạt được, chỉ cần đạt đến cảnh giới này thì nhất định nắm chắc vững sanh bất thoái thành Phật.

Công phu thành phiền tức là chẳng có nghi hoặc, xen tạp, bất loạn là ở chỗ nào lúc nào, dù lúc nửa đêm nằm mộng cũng chẳng quên A Di Đà Phật, đó tức là hình dáng của công phu thành phiền. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, lúc tiếp xúc với hết thầy người, sự, vật phải luôn luôn cảnh giác cao độ, nhất định chẳng để ngoại cảnh dụ hoặc, lay động, đó tức là công phu. Chúng ta muốn đạt được công phu này nhưng tại sao niệm Phật mãi trong Niệm Phật Đường cũng làm không được?

Có hai nguyên nhân:

Một là phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng; tập khí tức là tri kiến, phần nhiều gọi là thành kiến, thành kiến rất nặng, ý kiến quá nhiều, đây là một chuyện rắc rối.

Hai là không thật thà, thật thà cũng chẳng dễ, người có thể làm được thật thà bất luận tu học pháp môn nào đều nhất định có thể thành tựu.

Phương pháp bổ khuyết, bù đắp là đọc kinh, nghe giảng. Đọc kinh nghe giảng giúp cho chúng ta có thể nhìn thấu, buông xuống, giúp cho chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh. Nói một cách khác hiểu rõ chân tướng mình đến thế gian trong đời này. Nếu thực sự hiểu rõ triệt để sinh hoạt và hoàn cảnh xung quanh trong đời này thì tự nhiên sẽ buông xuống. Thế Tôn đã đau lòng

⁹ nghĩa là hiểu sâu ý nghĩa và tông thú. Tông là điều được đề cao bởi kinh điển, tức là pháp môn chủ yếu được dạy trong kinh, thú là đường lối để thực hiện tông. Chẳng hạn, kinh A Di Đà có tông là “nhất tâm bất loạn”, còn thú là “nhất hướng chuyên niệm, trì danh niệm Phật, tích lũy công đức”

mỗi miệng nói hết bốn mươi chín năm, luôn luôn nhắc nhở nhưng chúng ta thực sự đã mê quá sâu đậm. Không ngừng nhắc nhở là hy vọng có một ngày nào đó chúng ta có thể hoằng nhiên đại ngộ, biết được mình đến thế gian chỉ là để thọ báo mà thôi.

Nghiệp đã tạo trong những đời kiếp trước thì đời này đến để thọ nhận quả báo, đây là nhân quả tuần hoàn. Tạo thiện nghiệp nhiều thì đời này hưởng được một chút phước; tạo ác nghiệp nhiều thì đời này phải chịu rất nhiều đau khổ. Nhưng chẳng có người nào trong lúc thọ báo bèn cam chịu thọ báo, vẫn cứ tạo nghiệp y như cũ. Thọ báo rồi tạo nghiệp, tạo nghiệp xong lại thọ báo, vĩnh viễn cứ tuần hoàn. Hiện tượng tuần hoàn này chẳng nâng lên trên mà là từ từ đi xuống, đời này chẳng bằng đời trước, như vậy đau khổ biết bao! Tại sao lại có hiện tượng này? Tại chúng ta tạo ra những nghiệp chẳng thiện. Thế Tôn nói rõ cho chúng ta biết tạo thiện nghiệp thì đi cõi thiện siêu sanh, tạo ác nghiệp thì đi vào cõi ác đọa lạc, đây là chân tướng sự thật của nhân sanh. Thử suy nghĩ kỹ thì đích thực là như vậy. Phật từ bi thương xót những chúng sanh thọ khổ thọ nạn này vì ngu muội vô tri mê mất tự tánh, cho nên mới nói rõ chân tướng sự thật, hy vọng chúng sanh có thể vượt thoát tam giới, lục đạo luân hồi, cùng các Ngài làm Phật, làm Bồ Tát.

Vào Niệm Phật Đường và muốn công phu được đắc lực thì phải buông xuống hết thân tâm thế giới. Không buông xuống nổi là vì không hiểu giáo lý nên phải dùng phương pháp giảng kinh để bổ cứu. Thời xưa Niệm Phật Đường chẳng có giảng kinh, nhưng mỗi cây hương lúc chỉ tịnh¹⁰ đều có giảng khai thị, dụng ý cũng giống với giảng kinh, là giúp mọi người đoạn nghi sanh tín, công phu đắc lực. Đặc biệt là ngày nay thời gian chúng ta nghe kinh ngắn, chẳng đủ căn cơ, tuy là có duyên trụ tại Niệm Phật Đường thù thắng như vậy mà vẫn sanh phiền não, vẫn còn nhiều ý kiến, vẫn gây chướng ngại cho công phu tu học của mình. Do đó có thể biết chẳng thể không đọc kinh, chẳng thể không nghe giảng, mọi người phải hết lòng nỗ lực dụng công.

Sau khi Làng Di Đà xây xong, Niệm Phật Đường có thể chứa từ một đến hai ngàn người. Đồng tu trụ tại Làng Di Đà đều là Phật, Bồ Tát vì những người đến chỗ này chỉ có một mục đích là làm Phật. *‘Niệm Phật là nhân, làm Phật là quả’*. Niệm Phật Đường nhất định niệm Phật chẳng gián đoạn suốt hai mươi bốn giờ, ngày ngày đều như vậy, năm nào cũng đều như vậy. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng nặng nề muốn ngày đêm niệm Phật chẳng gián đoạn, nhưng thể lực có trở ngại, có trở ngại cũng phải khắc phục. Khi xưa Đệ Nhàn lão hòa thượng dạy phương pháp niệm Phật cho đồ đệ của Ngài -- người làm thợ vá nồi: *‘Niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ mệt xong liền niệm tiếp tục’*. Nhất định chẳng thể làm biếng, giải đãi, đây chính là vì mình mà cũng vì chúng sanh; bạn thành Phật rồi thì có thể phổ độ chúng sanh, đây là tự lợi, lợi tha. Hy vọng mọi người tự động, tự phát đừng để người ta phải đốc thúc. Trong Niệm Phật Đường mặc áo hải thanh (áo

¹⁰ Chỉ tịnh là thời gian đại chúng ngồi xuống, yên lặng, niệm Phật thầm sau khi nhiễu Phật, hoặc sau khi niệm lớn tiếng.

tràng), lúc nghỉ mệt cũng đừng cởi áo hải thanh, khi cởi áo hải thanh thì sợ ngủ mê, làm ngưng trệ công phu niệm Phật; mặc luôn áo mà ngủ thì có thể đề cao cảnh giác, tận lực ngăn ngừa cho mình đừng làm biếng. Tu học trong đạo tràng như vậy thì làm sao chẳng thành Phật cho được!

Trụ ở Làng Di Đà đều miễn phí, một đồng [chúng tôi] cũng chẳng nhận, vì các bạn là Phật, Bồ Tát, chúng tôi đương nhiên phải cúng dường. Một trong mười đức hiệu của Phật là ‘Ứng Cúng’, các bạn trú ở đây thì đương nhiên phải nhận sự cúng dường của hết thầy chúng sanh. Bạn sẽ làm Phật nên chúng tôi dùng tâm cúng dường chư Phật để cúng dường các bạn, giúp các bạn ngay trong một đời này viên thành Phật đạo, cái duyên này vô cùng thù thắng! Nơi đây xin chúc các bạn ngay trong một đời ngắn ngủi này nhất định sẽ thành tựu.

8. Học Phật tức là học làm người

(Buổi sáng 07-12-98)

Học Phật tức là học làm người, học làm một người tốt, học làm một người minh bạch. Nhà Nho nói: “Đạt đến mức tốt lành tột bậc”¹¹, Phật pháp đích thật đã làm câu này được viên mãn. Chí thiện là thiện đến mức cùng cực, đạt đến cứu cánh viên mãn. Nhà Nho và nhà Phật đều có phương pháp đạt đến chí thiện, cơ sở của phương pháp này có thể nói là hoàn toàn tương đồng. Nhà Nho dạy học trước hết đề ra ‘Tam Cương, Bát Mục’¹². Nhà Phật dạy học trước hết đề ra ‘Tứ Hoàng, Lục Độ’, tinh thần và nội dung của hai thứ này rất giống nhau. Thế nên tư tưởng, kiến giải, giáo học, hành trì của Khổng Lão phu tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng hện mà hợp với nhau, đúng là ‘Cái nhìn của anh hùng đại lược giống nhau’.

Việc đầu tiên trong sự tu học là phải phát nguyện, nhà Nho nói phải lập chí, lập chí làm thánh hiền, làm đại sự, chẳng phải lập chí làm quan phát tài, hưởng vinh hoa phú quý. Đại sự là gì? Nhà Phật nói: ‘Tử sanh đại sự’, câu này nói rõ ý nghĩa của đại sự. Trong Phật pháp, đại sự nhân duyên nói đến chỗ cứu cánh viên mãn tức là phổ độ chúng sanh và cũng là nguyện thứ nhất trong Tứ hoàng thế nguyện: ‘Chúng sanh vô biên thế nguyện độ’. Độ là ví dụ, độ qua biển khổ sanh tử, độ qua lục đạo luân hồi, đây mới là đại sự.

¹¹ (Chí ư chí thiện)

¹² Đây là cương lĩnh tu thân của nhà Nho. Tam Cương gồm: Minh minh đức, Thân Dân, Chí ư chí thiện. (Chữ Thân này thời cổ đọc là Tân (mới), nên hiện thời tuy viết là Thân nhưng vẫn phải đọc là Tân)

(Nghĩa là: Làm sáng tỏ cái đức sáng, làm cho dân chúng hiểu biết được cái hay đẹp rồi sửa đổi thành con người mới tốt đẹp, nhắm đến sự tốt đẹp tột bậc, làm cho được rồi giữ cho nó tồn tại mãi).

Bát Mục gồm: Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm, Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ. Xin xem Phụ lục ở cuối Tập 2.

Vô lượng kiếp đến nay chúng sanh kẹt mãi trong sanh tử luân hồi đời này sang kiếp khác, vĩnh viễn chẳng thể thoát ly; trong kinh gọi chúng sanh trong lục đạo là ‘người đáng thương xót’. Tình trạng trong lục đạo chỉ có Phật, Bồ Tát mới rõ ràng, phàm phu mê trong đó và chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật này tức là chân tướng của sanh tử và chân tướng của đời sống chúng ta.

Đức Phật nói khi chúng ta ở trong luân hồi thì nhất định thời gian trong ba ác đạo dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn. Thọ mạng dài nhất trong tam thiện đạo là cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ ở trời Vô Sắc Giới, thọ mạng là tám vạn đại kiếp; một đại kiếp bằng thời gian thế giới chúng ta trải qua ‘thành - trụ - hoại - không’ một lần, tám vạn đại kiếp là thời gian thế giới chúng ta thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, họ có thọ mạng dài như vậy. Thời gian dài trong ác đạo càng dễ sợ hơn. Kinh Địa Tạng dạy: *‘Thọ mạng trong địa ngục là vô số kiếp’*. Cho dù là trong cõi súc sanh tuy thọ mạng chẳng dài nhưng súc sanh ngu si, kiên cố chấp trước thân hình này là của mình cho nên rất khó thoát ra. Lúc Thế Tôn còn tại thế, tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên có một ổ kiến, Thế Tôn nói với đệ tử: *‘Đã trải qua bảy vị Phật rồi, cả ổ kiến này cũng chưa thoát thân làm kiến, đời đời kiếp kiếp cứ làm kiến hoài’*. Thời gian này dài hơn thọ mạng của Phi Phi Tướng Xứ Thiên quá nhiều, quá nhiều!

Cho nên Phật, Bồ Tát thường nhắc nhở chúng ta, cảnh cáo chúng ta, tam ác đạo tuyệt đối chẳng thể đi vào, đọa tam ác đạo rất dễ dàng, thoát ly tam ác đạo thì quá khó. Tuy Phật, Bồ Tát từ bi ứng hóa trong ác đạo độ chúng sanh, nhưng ác đạo chúng sanh ngu si đến cùng cực, còn thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề, so với độ người còn khó gấp nhiều lần. Tuy vậy nhưng Phật, Bồ Tát cũng chẳng buông bỏ, các Ngài thực sự là từ bi đến cùng cực.

Trong lục đạo chúng sanh dễ độ nhất là loài người, thế nên Bồ Tát thị hiện thành Phật cũng ở tại cõi người. Nguyên nhân là gì? Phật, Bồ Tát thị hiện ở chỗ nào là do cảm ứng đạo giao với chúng sanh nơi đó, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền có ứng. Do đó mới biết cõi người có sức cảm ứng rất lớn với chư Phật, Bồ Tát, thế nên quý Ngài ứng hóa trong cõi người, thị hiện làm Phật, làm Bồ Tát, đây là chân lý.

Đời này chúng ta có thể sanh vào cõi người, cơ hội này vô cùng hiếm hoi và quý báu, quý ở chỗ cõi người dễ giác ngộ, dễ được độ, cho nên chúng ta nhất định phải nắm vững cơ duyên. Và lại cơ duyên này chẳng lâu dài vì thọ mạng của cõi người rất ngắn, cho dù sống đến một trăm tuổi thì cũng như búng ngón tay, một sát na ngắn ngủi mà thôi. Thọ mạng ngắn nói lên cơ duyên này đặc biệt quý báu, vì vậy được thân người nếu chẳng nghe được Phật pháp thì rất đáng tiếc. Số người được thân người nhưng chẳng có cơ duyên nghe Phật pháp đích thật là chiếm đại đa số. Trong thời đại hiện nay Phật pháp nương vào khoa học kỹ thuật phổ biến truyền đến khắp thế giới, bất luận là tin hay không, chỉ vì *‘một phen lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo’*, đây là người thế gian có phước. Nếu ở trong đời này thiết có thể thoát ly lục đạo luân hồi thì là thực sự thành tựu. Ngược lại đời này chẳng thể thoát ly lục đạo, đời sau không cách chi tránh khỏi luân hồi

như cũ; một khi đã luân hồi thì chẳng biết phải trôi lăn đến kiếp nào mới có thể gặp được Phật pháp. Nhất định chẳng thể đời nào cũng gặp được Phật pháp, nếu đời nào cũng được gặp thì chúng ta đã thành Phật sớm rồi, bởi vậy mới biết việc này chẳng dễ.

Gặp được Phật pháp mọi người đều hy vọng ngay trong đời này được thành tựu, chuyện này cũng chẳng phải khó, đích thực mỗi người đều có thể làm được, mấu chốt là ở chỗ giác ngộ. Biết được khuyết điểm của mình chính là giác ngộ; sửa khuyết điểm cho đúng trở lại là tu hành. Nếu chẳng biết khuyết điểm của mình thì không biết bắt đầu sửa đổi từ đâu. Nhưng một người biết được khuyết điểm của mình rất khó, ai cũng tưởng là mình đúng hoàn toàn. Lý do phàm phu vẫn cứ là phàm phu vì họ chẳng biết lỗi lầm của mình, cứ cho rằng mình đúng. Bồ Tát khác với phàm phu là vì Bồ Tát chẳng có quan niệm mình đúng, chỉ biết rằng lỗi lầm của mình quá nhiều, mỗi ngày đều phản tỉnh, ngày ngày đều sửa lỗi, đây là người giác ngộ. Người mê thì cứ tưởng là mình đúng, cho dù phản tỉnh thì cũng nghĩ mình chẳng có lỗi, lỗi đều ở nơi người khác. Nhưng họ chẳng biết khi thấy lỗi người khác thì chính là lỗi của mình; khi nào chẳng thấy lỗi của người khác thì lỗi của mình cũng chẳng còn.

Huệ Năng đại sư dạy: *‘Nếu là người tu đạo chân thật chẳng thấy lỗi thế gian’*. Nhìn thấy người khác có lỗi tức là phiền não tập khí của mình hiện ra. Bên ngoài là duyên, duyên giúp cho phiền não tập khí của mình khởi lên, đây là lỗi lầm lớn. Cho nên người biết tu hành, hết thấy ngoại duyên đều là thiện tri thức, gặp người thiện, chuyện thiện thì có thể học tập, gặp người ác, chuyện ác giúp mình phản tỉnh sửa lỗi lầm, thuận hay nghịch đều là thiện tri thức. Trong lúc phản tỉnh *‘có lỗi thì sửa, không thì nhắc nhở để đừng phạm’*, lý do Bồ Tát tu hành có thể thành Phật là ở tại điểm này.

Nếu chẳng hiểu đạo lý và chân tướng sự thật, học Phật mà chẳng thực sự thay đổi trên tâm địa, tức là học Phật nhưng vẫn tạo tội nghiệp y như cũ thì đúng như lời người xưa nói *‘Trước cửa địa ngục có nhiều Tăng sĩ’*¹³. Chữ Tăng này không nhất định chỉ người xuất gia, người tại gia cũng bao gồm trong đó; Tăng là đoàn thể, bất luận là xuất gia hay tại gia, đoàn thể học Phật đều xưng là Tăng đoàn.

Hiện nay tu học pháp môn Niệm Phật có thể giúp chúng ta đoạn phiền não, tăng trưởng trí huệ, thoát ly sanh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Trong vô lượng pháp môn đây là pháp môn hy hữu thù thắng hạng nhất, chẳng dễ gì gặp được. Đặc biệt là đạo tràng có tổ chức tu tập chung như vậy chẳng phải do sức người tạo nên, mà là do chư Phật, Bồ Tát gia trì nên đạo tràng có chư Phật hộ niệm, Long thiên ủng hộ. Mọi người ở trong đạo tràng này tu học phải đặc biệt trân trọng cái nhân duyên hiếm có, khó gặp này, phải hết lòng nỗ lực, nhất định nội trong một đời này viên mãn thành tựu.

¹³ (*Địa ngục môn tiền Tăng đạo đa*)

9. Cầu cảm ứng (Buổi sáng 08-12-98)

a. Học Phật tức là học giác ngộ.

Phật pháp quý ở chỗ giác ngộ, cổ thánh tiên hiền cũng nói: ‘*ché ngự được niệm thì thành thánh*’¹⁴, thế nên thánh hay phàm chỉ ở tại một niệm giác hay mê mà thôi. Một niệm giác, ngay lúc đó tức là Nhất Chân pháp giới; một niệm mê thì đâu phải chỉ có mười pháp giới không thôi? Người giác ngộ thực sự có thể buông xuống, chỉ có người mê mới có chấp trước. Chư Phật, Bồ Tát là tấm gương tốt cho chúng ta, cho nên học Phật, Bồ Tát tức là học giác ngộ, học nhìn thấu, buông xuống, thực sự làm được ‘*chẳng tranh với người, chẳng cầu với đời*’ thì tự nhiên thân tâm tự tại, trí huệ tăng trưởng.

Người học Phật chẳng thể khế nhập vào cảnh giới là vì một niệm tình chấp chưa tiêu trừ. Nếu muốn thành tựu thì chẳng thể không biết đạo lý này, chẳng thể không hết lòng học tập ‘*chẳng tranh, chẳng cầu*’, học tập từ bi, nhiệt thành giúp người. Trong quá trình giúp người, nhất định chẳng thể chấp trước danh - văn - lợi - dưỡng, ngũ dục lục trần, phải vĩnh viễn bảo trì tâm thanh tịnh, bình đẳng; đây là Bồ Tát hạnh, Bồ Tát hạnh là hạnh giác ngộ.

Chúng ta phải quan sát kỹ và thể hội cả đời hành trì của đức Thế Tôn. Thế Tôn hoằng pháp lợi sanh giảng kinh thuyết pháp, chẳng có danh phận, cũng chẳng có chức vị, đối với chúng ta chỉ là quan hệ thầy trò. Quan hệ này vẫn còn là kiến giải phàm phu, Thế Tôn tuyệt chẳng có khái niệm này; nếu Ngài có khái niệm này thì chẳng thể thành thánh, thành Phật. Vì thầy trò là nhị pháp, nhị pháp chẳng phải là Phật pháp, đây là lời Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói.

b. Nhị đế

Thế Tôn cả đời giảng kinh thuyết pháp y cứ theo nguyên lý, nguyên tắc Nhị Đế; mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai thuyết pháp cũng dựa trên Nhị Đế. Nhị Đế tức là Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế hoàn toàn nói về chư pháp thật tướng, chẳng có tư hào phân biệt chấp trước, người thế gian khó hiểu việc này. Tục Đế tức là thế gian pháp, y theo tri kiến và thường thức của chúng sanh, mọi người đều dễ hiểu. Nhưng trí huệ của Phật cao, thiện xảo phương tiện đạt đến cực điểm, nói Tục Đế cũng bao gồm Chân Đế, nói về Chân Đế nhưng cũng chẳng lìa Tục Đế, Chân và Tục viên dung, được đại tự tại. Người thế gian không những mê Chân Đế mà cũng mê Tục Đế. Phật có thể viên dung cả Chân lẫn Tục, tức là Chân Đế nhìn thấu rồi, thì Tục Đế cũng buông xuống. Nhìn thấu và buông xuống là một chứ chẳng phải hai, đây mới là trí huệ chân thật. ‘*Trụ chân thật huệ*’ trong kinh Vô Lượng Thọ tức là cảnh giới này. Những việc làm cả đời của chư Phật, Bồ Tát chỉ có một mục đích là hoằng pháp lợi sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Dù ban lợi ích chân thật nhưng Ngài cũng chẳng cầu một

¹⁴ (*khắc niệm tác thánh*)

cái gì, và cũng chẳng phân biệt chấp trước. Những chỗ này chúng ta phải rõ ràng, thấu hiểu triệt để, hết lòng học tập.

c. Cầu cảm ứng

Sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh chẳng thể không cầu cảm ứng. Đối với việc này, nếu có thể thể hội được Chân Tục viên dung thì sẽ có chánh tri, chánh kiến, chánh giải, và sẽ chẳng nghiêng lệch về một bên. Người thế gian chấp trước trên Tục Đê, thực sự niệm niệm đều mong cầu, niệm niệm mong cầu thì liền lọt vào trong ý thức. Cầu mong chư Phật, Bồ Tát là làm một cách đúng lý, đúng pháp, có nguyện cầu nhưng chẳng có tâm mong cầu, như vậy mới viên dung, mới có cảm ứng.

Nhà Nho nói: ‘lập chí’, nhà Phật nói ‘phát nguyện’, hai thứ này có khác nhau không? Trong ‘chí’ có mong cầu, có cầu thì sẽ lọt vào tình thức; trong ‘nguyện’ chẳng có mong cầu. Nói một cách khác ‘lập chí’ có mang theo cảm tình, ‘phát nguyện’ thuần túy là trí huệ, chẳng có tình thức. Thực ra chúng ta chỉ cần làm đúng như lý, như pháp, chư Phật Như Lai sẽ tự nhiên hộ niệm, đây tức là ‘cầu’, ‘cầu’ như vậy thì có cảm ứng. Chúng ta cầu mà chẳng cầu, chư Phật, Bồ Tát ứng mà chẳng ứng, thế thì sẽ cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, không những Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên thiên thần cũng sẽ ủng hộ. Nếu có tâm mong cầu thì tuyệt đối sẽ chẳng có cảm ứng, tại vì tâm này là tình thức, gây trở ngại cho sự cảm ứng giữa chúng ta và chư Phật, Bồ Tát. Thế nên có nguyện nhưng chẳng có tâm mong cầu, chỉ cần hết lòng nỗ lực như lý như pháp mà làm thì tự nhiên sẽ có cảm ứng.

Tự mình tu tập phải đoạn phiền não tập khí, phải khai trí huệ, giúp đỡ người khác cũng có mục đích này, nhưng thủ đoạn phương pháp phải tùy cơ ứng biến, vì cơ duyên chẳng giống nhau, phương thức sẽ chẳng đồng, có câu ‘*phương tiện có nhiều cửa, đường trở về chẳng hai*’. Tự mình thành tâm thành ý mà làm, chướng ngại của mình chẳng còn nữa nhưng chúng sanh còn chướng ngại, tức là duyên chưa chín muồi. Duyên chưa chín muồi thì tự mình phải dưỡng đạo, cũng tức là tiến tu, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, chờ đợi cơ duyên của chúng sanh chín muồi, việc này chẳng thể miễn cưỡng chút nào.

Nếu muốn đời cơ duyên độ chúng sanh đến sớm hơn thì tự mình phải hết lòng nỗ lực tu pháp sám hối, sửa lỗi đổi mới, hết thấy đều cầu về hướng tự tánh. Thế nên Phật pháp được gọi là Nội Học, hoàn toàn khác với thế gian pháp. Người thế gian hướng về bên ngoài mong cầu, Phật pháp thì hướng về tự tánh mà cầu, chẳng hướng ngoại. Cầu chư Phật, Bồ Tát gia trì thì cũng là từ tự tánh mà cầu. Nếu chúng ta thực sự cùng tâm, cùng nguyện, cùng đức, cùng hạnh với Phật, đây tức là ‘cầu’, cầu như vậy chẳng hướng ngoại, hết thấy Như Lai làm sao chẳng gia trì? Như vậy cũng giống như tiếp nối đường điện, chẳng có chướng ngại, nhất định sẽ có cảm ứng đạo giao. Nếu có một tâm niệm riêng tư, đường điện sẽ đứt mất và sẽ chẳng có cảm ứng.

Nếu có tâm riêng tư, có tình [chấp] dục [vọng] mà cầu thì cũng có cảm ứng, đây là ma cảm ứng, trong xã hội ngày nay, những chuyện này rất nhiều. Yêu ma quỷ quái cũng có thể làm cho bạn có thần thông, làm cho bạn phát cuồng, cho bạn một số khả năng đặc biệt, bạn cũng có thể mê hoặc chúng sanh, nhưng đây đều là tạo nghiệp. Năm mươi loại Âm Ma giảng trong kinh Lăng Nghiêm rất rõ ràng. Những thứ thần thông, đạo lực này là do ma nhập vào người, ma gia trì họ; sau khi ma rời khỏi thì hoàn toàn mất hết, sau cùng bản thân người đó cũng sẽ gặp nạn. Cho nên nhà Phật nói về đạo lý ‘cầu’ chúng ta nhất định phải hiểu; pháp thể và xuất thế gian đều hướng về tâm tánh, như vậy mới đúng.

d. Hoằng pháp và Hộ pháp.

Chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, hiển thị tại đâu? Xung quanh chúng ta sẽ có rất nhiều bạn tốt giúp đỡ, hộ trì, đây là hộ pháp. Hộ pháp gồm có nội hộ và ngoại hộ, nội hộ là do người xuất gia hộ trì, ngoại hộ do hai chúng tại gia hộ trì, được vậy chánh pháp mới được xây dựng, thường trụ tại thế gian. Tuy được hộ trì cả trong lẫn ngoài, tâm địa chúng ta vẫn phải thanh tịnh, vẫn phải mảy trần chẳng nhiễm như cũ.

Giống như Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội đích thực có thiện hữu giúp đỡ mạnh mẽ, nhưng chúng ta đối với họ chẳng có tiếp đãi đặc biệt. Lúc ăn cơm ở Cư Sĩ Lâm, họ tự động lấy đĩa đi gấp thức ăn, tự kiếm chỗ ngồi, chẳng nhận một sự tiếp đãi đặc biệt nào cả, đây mới thật sự là thiện hữu chân thật. Có câu ‘*Một vị Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*’, những người này đều là Phật, Bồ Tát, cho nên đạo tràng này có thể thành lập, là mọi người có phước. Chúng ta rất may mắn gặp được nhân duyên này và cũng rất hoan hỷ dốc toàn tâm toàn lực để hợp tác, ủng hộ, công hiến một chút sức hèn mọn. Vì giúp họ là giúp hết thảy chúng sanh, giúp họ tức là giúp chư Phật Như Lai.

Cho nên người xuất gia tốt nhất đừng quản lý sự vụ, đây là do Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy. Người xuất gia quản lý sự vụ là bất đắc dĩ, là đã biến dạng rồi. Nếu người xuất gia quản lý sự vụ thì là hộ pháp, chẳng phải là hoằng pháp, vậy thì phải toàn tâm toàn lực bồi dưỡng những người đi sau (*lớp đàn em*), chiêu cố những pháp sư hoằng pháp. Quản lý sự vụ cũng giống như hiệu trưởng trong trường học, phải quản lý giáo vụ, tổng vụ, đây là [chức vụ] Chấp Sự, có tánh cách phục vụ. Hoằng pháp là giáo viên, chẳng đảm nhiệm Chấp Sự. Phía trong Chấp Sự là nội hộ, bên ngoài Chấp Sự là ngoại hộ.

Nếu chúng ta có thể hiểu rõ quan niệm này, mỗi người đều tận tâm làm tròn trách nhiệm của mình, Phật pháp nhất định sẽ hưng vượng, chúng sanh mới thực sự có phước. Nhất định chẳng tranh giành chức vị Chấp Sự, sau đó tác oai, tác phước để hưởng thọ, chướng ngại cho pháp sư hoằng pháp, chẳng bồi dưỡng huấn luyện hậu học, đây là tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo tội nghiệp này phải đọa A Tỳ địa ngục. Chúng ta phải rõ ràng minh bạch, phải tu phước trong nhà Phật, đừng nên tạo nghiệp.

Chúng ta làm tròn nội hộ và ngoại hộ, tự nhiên sẽ có chư Phật Bồ Tát đến hoằng pháp lợi sanh. Nội hộ và ngoại hộ làm chẳng đúng như pháp, nhất định sẽ chẳng có Phật, Bồ Tát đến thuyết pháp vì duyên chưa chín muồi. Công tác hộ pháp làm được viên mãn thì là duyên chín muồi, tự nhiên sẽ cảm được chư Phật, Bồ Tát đến thị hiện giáo hóa chúng sanh.

10. Làm đệ tử Di Đà (Buổi sáng 09-12-98)

a. Gặp duyên rất quan trọng.

Những năm đầu Dân quốc, Thái Hư pháp sư đề xướng ‘Bồ Tát Học Xứ’, ý tưởng này rất tốt. Hiện nay chúng ta đề xướng làm ‘Đệ Tử Di Đà’. Đệ tử Di Đà đương nhiên cũng là Bồ Tát. Như thế nào mới làm được? Đây là vấn đề của giáo dục. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy: *‘Người ta ai cũng có thể làm thánh hiền, ai cũng có thể làm Nghiêu, Thuấn’*, mấu chốt là ở tại giáo học. Dùng Phật pháp mà nói, giáo học là trợ duyên, tăng thượng duyên, nếu gặp được tăng thượng duyên tốt, người có tài năng hạng trung cũng có thể làm thánh làm hiền, trong nhà Phật có chuyện này, trong các triều đại Trung Quốc cũng có. Đặc biệt là trong Phật pháp, hạ hạ căn cũng có thể làm A La Hán, làm Bồ Tát, đây là chỗ cao minh của nền giáo học Phật pháp. Trong nhóm đệ tử của Thế Tôn, Châu Lợi Bàn Đà Già¹⁵ là một thí dụ rất hay. Ngay cả người hạ hạ căn cũng có thể chứng quả vị A La Hán, có thể thành đại Bồ Tát, huông chi là người trung, thượng căn?

Phần đông người ta cả một đời chẳng thể thành tựu, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng thành, hoặc có được chút ít thành tựu nhưng sau cùng lại thất bại đều là vì gặp duyên chẳng tốt. Phật thuyết pháp: *‘Hết thầy pháp do nhân duyên sanh’* rất có đạo lý. Một duyên phần tốt thì chỉ có thể gặp mà chẳng thể cầu. Vậy thì đời này chúng ta có thể gặp duyên tốt chẳng? Câu trả lời là khẳng định được, tại vì *‘trong nhà Phật chẳng xả một người nào hết’*, vấn đề ở tại phát tâm. Nếu chúng ta phát tâm thuần chánh, chư Phật Bồ Tát nhất định sẽ đến làm tăng thượng duyên cho chúng ta, sẽ đến giúp đỡ chúng ta.

¹⁵ Tánh Ngài cực kỳ ngu độn, xuất gia đã nửa năm, cả năm trăm vị La Hán xúm vào dạy dỗ, Ngài vẫn không thể tri tụng nổi nửa bài kệ. Học suốt cả ba năm vẫn chưa thuộc nổi, nhớ câu trước quên câu sau, nhớ được câu sau liền quên ngay câu trước. Người anh bực quá, quở trách, buộc em hoàn tục. Do thiện căn thâm hậu, lúc đương khóc lóc ngoài cửa, bịn rịn chẳng đi, gặp đức Thế Tôn lân mẫn dạy niệm hai chữ “tảo chử” (quét dọn). Thế mà vẫn cứ nhớ chữ này quên chữ kia. Nhưng nhờ Ngài vẫn cứ siêng gắng, chẳng lười, nên lâu ngày hốt nhiên chứng ngộ: “Tảo Chử nghĩa là trừ dơ khiến cho sạch. Như vậy là đức Thế Tôn muốn ta đoạn trừ những dơ bản phiền não trong thân”. Nhờ thế, ngài đắc quả A La Hán. Theo kinh Ngũ Bách Đệ Tử Bản Khởi, tôn giả trong đời trước do xua lợn qua sông, dùng dây buộc chặt miệng nó khiến hơi thở không thông, con lợn bị chết ngộp giữa giòng. Vì thế, Ngài bị quả báo ám muội. Thêm nữa, trong thời Phật Ca Diếp, Ngài là một vị Tam Tạng Pháp Sư, do tiếc pháp chẳng hóa độ chúng nên cảm ác báo ấy. Ác nghiệp đời trước mãi đến đời này mới hết, mới có thể đoạn ngu, phát huệ. (Trích Kinh Di Đà Hợp Giải)

b. Phát tâm.

Nhà Phật nói chữ ‘thuyết pháp’, cơ duyên chín muồi mà bạn chẳng thuyết pháp cho họ nghe thì đánh mất cơ hội, là mất đi thời tiết nhân duyên; nếu cơ duyên chẳng chín muồi mà thuyết pháp cho họ thì là không đúng lúc. Phật hiểu rõ thời tiết nhân duyên nên Phật thuyết pháp được ví như ‘hải triều âm’. Hải triều chỉ thủy triều dâng (*mước lên*) và xuống có thời gian nhất định, nhất định chẳng bao giờ sai. Đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng vậy.

Đây là nói rõ một sự thật: chúng sanh có Cảm thì Phật sẽ Ứng, cảm ứng đạo giao. Do đó có thể biết thành tựu hay không là thao túng trong tay của chính mình. Nếu mình hy vọng làm thánh làm hiền, làm Phật, làm Bồ Tát thì cái tâm này là Cảm, nhất định Phật, Bồ Tát sẽ có Ứng. Nếu niệm này chẳng sanh khởi thì là chẳng có Cảm; chẳng có Cảm thì đương nhiên Phật, Bồ Tát chẳng có Ứng, cho nên bạn sẽ chẳng gặp được cơ duyên. Nếu nguyện vọng của bạn là chân thật thì cảm ứng sẽ rất nhanh chóng; nếu nguyện vọng rất yếu ớt, khi có khi không, thì cảm ứng cũng sẽ yếu ớt. Cho nên một đời này của bạn có thành tựu hay không là do sự ‘phát tâm’.

Nguyên nhân ‘Bồ Tát Học Xứ’ của Thái Hư pháp sư chưa thực hiện thành công là vì người chân chánh phát tâm làm Phật, làm Bồ Tát quá ít. Chân chánh phát tâm làm Bồ Tát thì nhất định chẳng bị danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian dụ hoặc; nếu còn bị dụ hoặc thì sẽ chẳng làm Bồ Tát nổi. Chuyện này phải nhờ tự mình khắc phục phiền não tập khí thì mới có được cảm ứng, có được trợ duyên.

Hiện nay ngoại duyên ở Tân Gia Ba đã chín muồi, đây là cảm ứng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta từ sự ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát thì có thể biết được trong nhóm đồng tu có Cảm; nếu chẳng có Cảm thì làm sao có Ứng được? Cho nên trong các vị đồng tu nhất định có người chân chánh phát tâm muốn làm Bồ Tát, muốn làm đệ tử Di Đà nên duyên này mới chín muồi, chẳng có chút gì miễn cưỡng, đây là chân thật chẳng hư dối. Chúng ta gặp được thời tiết nhân duyên vô cùng thù thắng như vậy thì càng tăng thêm tín nguyện của chúng ta, và từ đó chúng ta cũng thành tựu theo. Đúng như lời của cư sĩ Bành Tế Thanh ‘*vô lượng kiếp đến nay hiếm có, khó gặp*’, chúng ta nhất định phải trân quý cái duyên phần này. Nếu trong nhân duyên thù thắng như vậy mà vẫn chẳng chóng nổi phiền não tập khí, chẳng chóng nổi danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần dụ hoặc, bỏ lỡ cơ duyên quý báu thì thiệt rất đáng tiếc!

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên phát tâm chân thật, chẳng có một chút tâm riêng tư, cho nên làm việc hoằng pháp được thành công, làm tăng thượng duyên cho mọi người. Nếu ông có một chút tâm riêng tư thì công chuyện sẽ nhất định thất bại, vì nếu có tâm riêng tư thì sẽ chẳng được Tam Bảo cảm ứng. Nếu vẫn có cảm ứng thì nhất định là ma đến ứng, chẳng phải Phật đến ứng. Ma và Phật khác nhau chẳng ở cảnh bên ngoài mà là ở nội tâm. Một niệm chân thành, Phật đến cảm ứng;

một niệm tự tư tự lợi thì ma đến cảm ứng. Thế nên trong tâm chẳng có một chút tâm niệm ham muốn riêng tư mới cảm được chư Phật đến ứng.

c. Tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi

Trong đời sống hằng ngày lúc đối người, đối sự, đối vật chẳng thể có ‘tôi đúng anh sai’, ‘tôi chánh anh tà’. Nếu vẫn còn tâm niệm tự tư tự lợi, cứ cho là mình đúng thì đó là phiền não tập khí, tâm như vậy sẽ chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, đó là chướng ngại cho sự cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát. Chuyện tốt cuối cùng biến thành ma cảnh là ở tại một niệm sai trái này. Tâm Phật, Bồ Tát là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, nhìn hết thấy chúng sanh đều bình đẳng, đối với hết thấy chúng sanh đều chân thành, cung kính. Chúng ta phải học tập những tâm này thì mới có được cảm ứng, có được trợ duyên. Có được trợ duyên rồi thì tự hành hóa tha sẽ rất thuận tiện.

Cứ thường thấy lỗi người khác, cứ cho là mình đúng, đây là lỗi lầm lớn nhất. Cho dù người khác tạo nên tội ngũ nghịch, thập ác, chúng ta vẫn phải học Phật, Bồ Tát dùng con mắt từ bi mà quán, họ chỉ vì một lúc mê hoặc nên tạo thành lỗi lầm, họ chẳng dùng chân tâm, trong chân tâm chẳng có lỗi lầm, họ dùng vọng tâm nên bị phiền não tập khí chi phối. Chư Phật Bồ Tát nhìn thấy những người này sẽ dùng tâm thương xót, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để đối đãi; vì chân tâm Phật tánh của họ chẳng bị giảm mất chút nào, Phật, Bồ Tát đối với họ vẫn hoàn toàn cung kính. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta ‘Lễ kính chư Phật’, cho nên đối với những người làm ác đa đoan, lễ kính vẫn chẳng giảm bớt mảy may.

Chuyện này chúng ta có thể làm được hay không? Nếu có phân biệt, chấp trước thì sẽ làm không được. Làm không được thì là chúng sanh, chẳng phải Bồ Tát. Muốn học làm Bồ Tát thì phải bắt đầu học từ chỗ này, phải chân chánh làm được đối với người cực ác thì cũng hoan hỷ khen bẻ tốt, mặt thiện của họ, tuyệt đối chẳng đề cập đến bẻ ác, mặt xấu của họ. Không những không đề cập, trong tâm cũng chẳng lưu lại dấu vết, tâm như vậy mới thực sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ được đại tự tại. Chúng ta xem họ cũng giống như một vị Phật, vì ‘hết thấy chúng sanh vốn thành Phật’, Phật đối đãi với người như vậy đó. Chúng ta học Phật thì cũng phải đối đãi với người như vậy. Bây giờ họ làm ác chỉ bất quá là vì một lúc hồ đồ, hồ đồ rồi một ngày nào đó cũng sẽ minh bạch; chúng ta có nghĩa vụ giúp đỡ họ, làm cho họ sớm hiểu rõ; khi hiểu rõ rồi thì họ cũng sẽ phổ độ hết thấy chúng sanh, chúng sanh sẽ có phước.

Trong tâm đừng nên nghĩ về thị - phi, nhân - ngã, ân - ân, oán - oán, phải thường nghĩ đến lời dạy của Phật, thường nghĩ đến ý nghĩa của kinh. Dùng kinh Vô Lượng Thọ làm chánh thì phải thường nghĩ đến nghĩa lý của kinh Vô Lượng Thọ, đem nghĩa lý đó biến thành sự suy nghĩ chân chánh của mình, ứng dụng trong đời sống, dùng mắt Phật quán thế gian, chúng ta mới chân chánh thành đệ tử Di Đà, chân chánh làm Bồ Tát, chuyển phàm thành thánh. Chuyển từ trong tâm, chuyển trên hành vi, đây là công đức chân thật, hy vọng mọi người cùng nhau khích lệ.

11. Mở rộng tâm lượng, bao dung kẻ khác

(Buổi sáng 14-12-98)

Quyển hai của kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu liền hiện lên cảnh giới: *‘tâm bao trùm thái hư, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*. Câu nói của Lão Tử: *‘Có bao dung thì mới rộng lớn, chẳng ham muốn thì sẽ mạnh mẽ’*¹⁶ cũng thể hiện trong đoạn kinh văn này. Trong kinh nói đến ‘đại nhẫn’ tức là chân nhẫn, là dùng chân tâm mà nhẫn, tâm lượng của chân tâm lớn, không có gì chẳng bao dung. Chỉ có hiểu rõ triệt để chân tướng sự thật thì mới có tâm lượng lớn như vậy. Cảnh giới đó là vốn có, chẳng phải là do học mà được, cũng chẳng phải có được dần dần, cho nên Phật mới nói *‘hết thấy chúng sanh vốn thành Phật’*. Chúng ta vốn có đại nhẫn, vốn là Phật, giống y như Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, hiện nay lại biến thành như vậy là vì đã mê mất tự tánh, chân tâm. Giáo học Phật giáo chẳng có gì khác ngoài sự giúp đỡ chúng sanh khôi phục bộ mặt vốn có mà thôi; ngoài chuyện này ra, Phật chẳng có một pháp gì để dạy chúng sanh. Cho nên thánh và phàm, Phật và chúng sanh khác nhau ở tại một niệm mê - ngộ mà thôi. Phật thường than tiếc chúng sanh mê hoặc là ‘người đáng thương xót’, chỉ vì mê mất tự tánh nên tâm địa hẹp hòi, chẳng thể bao dung người khác, thậm chí hai người sống chung cũng có ý kiến bất đồng, chẳng thể hòa hợp, đúng là đáng thương xót đến mức cùng cực. Kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu liền triển hiện lên tận hư không trọn khắp pháp giới mọi chúng tạp thân, có thiện thân, có ác thân, có bát bộ quỷ thân trong thập pháp giới, còn có chư thiên, thiên vương, tổng cộng có hai trăm hai mươi tám đoàn thể chủng tộc khác nhau. Thiệt là chẳng gì chẳng bao gồm, dung chứa, tâm lượng như vậy quá lớn! Chúng ta cũng phải khôi phục lại tâm lượng lớn như vậy. Nếu chẳng thể dung nhẫn, kết oán cùng người, tạo thành oan oan tương báo, bạn gây chướng ngại cho người khác thì người khác sẽ chướng ngại bạn; bạn phá hoại kẻ khác thì kẻ khác sẽ phá hoại bạn, tạo ra nhân gì thì sẽ chịu quả báo đó, quả báo thông ba đời, rất đáng sợ. Cho nên khi bạn bao dung kẻ khác, thì kẻ khác bao dung bạn; bạn giúp đỡ người khác thì người khác giúp đỡ bạn, đây là chân lý vĩnh viễn chẳng biến. Đây là trong kinh Hoa Nghiêm, Phật hiện thân thuyết pháp, biểu diễn cho chúng ta coi, để cho chúng ta thể hội.

Chỗ vĩ đại của Phật, Bồ Tát là ở chỗ chẳng đối địch với người, ngay cả đối với ác quỷ cực ác cũng cung kính, thương yêu che chở, vì biết [hết thấy đều] cùng một căn bản, cùng một tự tánh. Tào Thục nói: *‘Vốn cùng sanh một rễ, nấu nhau sao quá gấp?’*¹⁷, tận hư không trọn khắp pháp giới hết thấy chúng sanh đều cùng một cội rễ, cái cội rễ này chính là chân như tự tánh.

¹⁶ (Hữu dung nãi đại, vô dục tắc cương)

¹⁷ Nguyên văn: *Bốn thị đồng căn sanh, tương tiễn hà thái cấp*. Tào Thục là em Tào Phi, hai người là con của Tào Tháo. Tào Thục thông minh đỉnh ngộ lạ lùng, đi bảy bước là làm xong một bài thơ. Tào Phi sợ Tào Thục sau này sẽ cướp ngôi mình, nên tìm có bắt tội, định xử chết, Tào Thục bèn làm bài thơ trên, ngụ ý: Dùng vô đậu, dây đậu để nấu hạt đậu, khác nào anh em tàn sát lẫn nhau.

Một đoàn thể chủng tộc chẳng thể bao dung những chủng tộc khác thì sẽ có đấu tranh giữa các đoàn thể chủng tộc, một quốc gia chẳng thể bao dung quốc gia khác thì sẽ sanh khởi chiến tranh. Muốn giải quyết những vấn đề này thì tâm lượng nhất định phải lớn, khi khởi tâm động niệm đều nghĩ đến hết thấy chúng sanh, phải tôn trọng, kính ái, hợp tác lẫn nhau, thì mới tiêu trừ những sự hiểu lầm, mâu thuẫn, ngăn cách, kỳ thị, thế giới mới chân chánh đạt được hòa bình an định. Nếu niệm niệm đều vì lợi ích của mình, xem thường lợi ích của đối phương, xem thường lợi ích của toàn thể nhân loại, cho dù mỗi ngày đều hô hào thế giới hòa bình, thì đó cũng chỉ là một khẩu hiệu, chẳng thể thực hiện. Do đó người tâm lượng hẹp hòi chẳng có cách gì để giải quyết vấn đề. Các đoàn thể chủng tộc trên thế giới, người lãnh đạo quốc gia nhất định phải mở rộng tâm lượng, niệm niệm đều vì hết thấy chúng sanh khổ nạn trên thế giới, hòa bình an định mới có thể thực hiện.

Giả sử mọi người đều nghĩ đến lợi ích của hết thấy chúng sanh trên trái đất, vấn đề vẫn chẳng thể giải quyết y như cũ vì tâm lượng này vẫn còn quá nhỏ. Chúng ta chỉ thương yêu quả đất này, chẳng thương yêu những tinh cầu khác thì tương lai chiến tranh giữa các tinh cầu vẫn có thể xảy ra. Thế nên tâm lượng phải mở rộng, phải học Phật, Bồ Tát khi khởi tâm động niệm phải quan tâm đến tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng buông bỏ một chúng sanh nào hết. Nếu chưa có tâm lượng lớn như vậy thì làm sao mới làm được câu ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ’? Nếu tâm lượng nhỏ bé chẳng thể dung nạp một người nào, mỗi ngày phát nguyện [như vậy] thì chẳng phải là tự si nhục hay sao, lừa gạt Phật, Bồ Tát hay sao? Đó là nói dối. Nói nghe rất hay, nhưng làm toàn những chuyện phản đạo, đều là tạo nghiệp, nên cổ đức thường nói: *‘Trước cửa địa ngục, tăng đạo nhiều’*, nguyên nhân người học Phật vẫn còn đọa địa ngục là ở tại chỗ này.

Người chẳng nghiên cứu giáo lý làm sai thì còn tha thứ được; chúng ta mỗi ngày đều nghiên cứu Phật lý, chẳng tìm hiểu rõ ràng những đạo lý này, vẫn còn mê trong danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, việc này ngay cả mình cũng chẳng tha thứ mình được. Nếu từ chỗ này chúng ta có thể tỉnh ngộ thì đó là sự giác ngộ chân chánh. Lúc đó đọc kinh Hoa Nghiêm mới có thọ dụng chân thật, quan niệm tư tưởng mới chuyển biến được, sẽ ‘nhập tri kiến Phật’. Hiểu rõ y báo, chánh báo trang nghiêm của thập pháp giới vốn có cùng một gốc rễ, đó tức là tri kiến Phật.

Trong cuốn ‘Địa Tạng Kinh Luân Quán’ Thanh Liên pháp sư giảng: *‘Không tướng không tên, dứt bật suy nghĩ’*¹⁸, đây tức là nghĩa lý và tinh hoa của kinh Kim Cang, đây là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta thể hội đến ý nghĩa chân thật của câu này thì quan niệm tư tưởng, ngôn ngữ hành vi sẽ chuyển biến, chuyển phàm thành thánh. Hiểu được một phần thì chuyển biến một phần; hiểu được hai phần thì chuyển biến hai phần; mức độ chuyển biến bao lớn đi đôi với mức độ lý giải sâu hay cạn. Đây cũng có thể dùng làm phương pháp đo lường công phu tu học của mình, nếu có chỗ tiến bộ thì tâm địa sẽ ngày càng thanh tịnh, trí huệ ngày

¹⁸ (*Vô tướng vô danh, tuyệt tư tuyệt nghị*)

càng tăng trưởng, phiền não cũng sẽ ngày càng giảm bớt. Đến lúc phiền não nhẹ, trí huệ tăng thì những kinh luận thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt, vô lượng vô biên nghĩa thú tự nhiên sẽ tuôn trào ra. Thế nên chân tu tức là làm một sự chuyển biến to lớn trên quan niệm và tâm lý.

Chúng ta là chúng sanh mê hoặc, chỗ nương dựa duy nhất để chuyển biến là thánh giáo, dựa vào phương hướng và mục tiêu của thánh giáo chỉ đạo, hết lòng làm việc chuyển biến, chuyển thức thành trí, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, chuyển mê thành ngộ, siêu phàm nhập thánh, chúng ta phải làm công tác này. Đối với chúng sanh có duyên cũng phải hết lòng, hết sức giúp đỡ họ chuyển biến; tuy giúp đỡ chúng sanh nhưng tâm địa vẫn giữ thanh tịnh như cũ, tuyệt chẳng chấp tướng; chấp tướng sẽ sanh phiền não, tâm sẽ bị ô nhiễm. Phật, Bồ Tát dạy dỗ hết thầy chúng sanh có thể giữ gìn tâm thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, nếu chúng sanh có thể chuyển biến tư tưởng quan niệm, thì tán thán hoan hỷ; nếu chẳng thể chuyển biến thì tâm địa của Phật, Bồ Tát cũng vẫn thanh tịnh, chẳng lưu lại dấu vết, đây chính là ‘*tam luân thể không*’ nói trong kinh Bát Nhã, thế nên Phật, Bồ Tát vĩnh viễn tự tại, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, đạo lý là ở tại chỗ này.

Chúng ta tu học tiến bộ ít, thoái lui nhiều là vì niệm niệm đều bị ô nhiễm. Khi chỉ dạy người ta, nếu họ chịu tiếp nhận thì sanh tâm hoan hỷ, vậy là bị hoan hỷ ô nhiễm rồi; ngược lại khi người ta không chịu tiếp nhận hoặc chẳng thể làm được, thậm chí những gì họ làm đều trái ngược với lời dạy thì sanh phiền não, vậy là bị phiền não ô nhiễm rồi, bị ô nhiễm thì sẽ thoái chuyển. Nếu có thể làm được như lời dạy trong kinh Kim Cang: ‘*chẳng chấp vào tướng, như như chẳng động*’, tâm chẳng bị ô nhiễm thì sẽ chẳng thoái chuyển.

Những gì Phật dạy chúng ta câu nào cũng là lời chân thật, phải dựa vào lời dạy của Phật, tự tìm câu nhiều phước đức. Phước đức chân thật là giúp đỡ hết thầy chúng sanh, tức là hết lòng nỗ lực tu bố thí tài vật, bố thí pháp, bố thí vô úy, đây là những người biết tìm câu nhiều phước đức, hy vọng mọi người lưu ý thêm những lời dạy trong Đại Kinh, được vậy thì sự thọ dụng trong đời này sẽ vô cùng tận.

12. Người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện (Buổi sáng 15-12-98)

Nếu có thể thấu hiểu kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Hoa Nghiêm, y giáo phụng hành thì có thể khế nhập vào Bồ Tát đạo, làm một sự chuyển biến trọng đại. Chẳng những có thể đem lại phước báo chân thật cho mình trong đời này, khai triển quang minh cho tương lai, trên Bồ Đề đạo sau này ắt cũng sẽ thuận buồm xuôi gió.

Gần đây nhiều đồng học trích lục một bài ‘Nhân sanh cam lộ’, nếu có thể đích thật làm được [như trong bài văn ấy nói], nói theo thế pháp thì là thánh hiền quân tử, nói theo Phật pháp thì là Bồ Tát chân thật. Trong việc tự hành hóa tha, hoằng pháp lợi sanh nhất định sẽ được hết thầy chúng sanh hoan nghinh và kính

yêu. Cho dù chỉ làm được vài điều trong đó, đời này cũng sẽ thọ dụng chẳng hết. Chẳng những tự mình làm mà còn phải khuyến khích hết thầy chúng sanh tận hết trách nhiệm của mình làm một phần tử hoàn hảo trong công việc giáo dục xã hội thiện nguyện.

Trong sanh hoạt bình thường ráng hết sức để tránh tạp niệm, tránh tán gẫu, lúc nói chuyện với người thì luận đạo, lúc chẳng nói chuyện thì đọc kinh, như vậy mới là tích công lũy đức. Hạnh phúc nhất trong đời người là ngày ngày cùng những bạn bè có chung chí hướng và tâm đạo cùng nhau thuyết kinh, luận đạo, đây là đời sống vô cùng thù thắng. Hoàn cảnh sanh hoạt như vậy là [hoàn cảnh] ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thấy được trong kinh, người ở cõi Cực Lạc đến từ mười phương, ba đời, họ buông bỏ tập khí đến để thân cận đức Phật A Di Đà cùng chư Phật Như Lai. Mỗi ngày cùng đồng tham đạo hữu hoặc trên mặt đất, hoặc trên không trung, hoặc đi kinh hành đều là thuyết kinh luận đạo. Hoàn cảnh tu học ở Tây phương Cực Lạc thế giới là hoàn mỹ hạng nhất, đây là đời sống chúng ta mong mỏi, ngưỡng mộ. Cho nên chúng ta phải xây dựng một mô phạm, điển hình, biểu diễn cho người đời xem, nếu họ có thể hiểu được thì cũng sẽ phát tâm hết lòng đến học tập.

Ở Tân Gia Ba chúng tôi đi thăm viếng những người Hồi Giáo, đây là lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc với họ, hy vọng có thể tìm hiểu, tôn trọng lẫn nhau, tiêu trừ các sự hiểu lầm, ngăn cách. Làm công tác đa nguyên văn hóa được viên mãn là công đức to lớn, là chuyện tốt thực sự đối với xã hội. Hồi trước tôi đã từng quen biết với các lãnh tụ Phật giáo và Hồi giáo ở vùng biên cương Trung Quốc, sự quan hệ của họ vô cùng hòa hài, hợp tác lẫn nhau, tôn trọng và lễ kính lẫn nhau. Hy vọng quan niệm và tinh thần này có thể đẩy mạnh đến toàn thế giới, làm cho mọi người đều đối xử hòa mục, hỗ trợ hợp tác, cùng nhau xây dựng đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là công việc của những người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện, là việc mà trách nhiệm chẳng thể thoái thác cho người khác được. Nói một cách khác, cả đời chúng ta đều vì một việc này, Phật pháp gọi là ‘Phật sự’, đây tức là công việc giác ngộ chúng sanh.

Chúng ta phải hết lòng đẩy mạnh công việc này, phát triển rộng rãi. Đặc biệt giao thiệp với những đoàn thể và nhân vật có sức ảnh hưởng đến xã hội, nói theo Phật pháp thì những người này có đầy đủ thiện căn phước đức. Thế nên những người có sức ảnh hưởng hoặc có địa vị lãnh đạo đều là do quả báo đời trước tu phước tích thiện. Nếu chúng ta có thể dùng Phật pháp để giao thiệp với họ thì nhất định sẽ ảnh hưởng họ, tăng trưởng thiện căn phước đức của họ, như vậy sẽ có thể đem lại hòa bình an định, phồn vinh hưng vượng cho thế giới, tiêu trừ hết thầy các tai hại tự nhiên hoặc do người đem đến.

Không những như vậy thôi đâu, chúng ta vẫn phải tiếp tục mở rộng tâm lượng, đức Phật dạy chúng ta *‘tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*, phải hết lòng nỗ lực thực hiện. Tâm lượng mở rộng đến viên mãn thì cho dù làm một việc thiện nhỏ bé nhưng nương theo tâm lượng cũng có thể biến trọn khắp hư không pháp giới, đây là đạo lý vun trồng phước báo to lớn, làm

chuyện đại thiện thì cảnh chuyển tùy theo tâm. Trong tự viện khi cúng thí thực đều niệm ‘*bảy hạt biến thập phương*’, nếu tâm lượng của bạn biến trọn khắp mười phương pháp giới, bỏ thí một hạt gạo sẽ có thể biến trọn khắp mười phương pháp giới, hết thầy chúng sanh đều có thể được thọ dụng; nếu tâm lượng nhỏ bé, niệm Chú cũng chẳng ích lợi gì, cảnh chẳng chuyển theo Chú. Chú là tăng thượng duyên (*duyên phụ*), tâm là thân nhân duyên (*duyên chánh*), nếu chẳng có duyên chánh thì duyên phụ chẳng giúp gì được. Nếu thực sự ‘*tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát*’ thì tăng thượng duyên của Chú sẽ khởi tác dụng rất lớn. Thế nên căn bản là ở nơi tâm địa, tâm địa phải lương thiện và chân thành. ‘Tâm thành’ thì hành vi tự nhiên sẽ đoan chánh, công phu chân thực là ở chỗ này.

Chúng ta nói được nhất định phải làm được, vả lại khi gặp ai cũng nói. Nhưng nói pháp phải khéo cơ. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói mười thứ cơ [duyên], quan sát kỹ lưỡng hết thầy chúng sanh chẳng ai là không ở trong mười thứ cơ [duyên] này. Nếu chúng sanh chẳng đạt được lợi ích trước mắt, chúng ta có thể trông nhân cho tương lai, đó chính là ‘*một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo*’. Từ điểm này quan sát thì ai cũng là người đương cơ trong Phật pháp.

Trong kinh nói vận may nhất của người ta trong một đời là có thể thấy được tượng Phật, có thể nghe đến danh hiệu của Phật, Bồ Tát. Không kể là họ biết hay không biết, đối với Phật, Bồ Tát cung kính hoặc hủy báng đều được phước lớn. Cho dù là hủy báng thì khi chịu hết quả báo ác này, khi gặp duyên hạt giống kim cang sẽ khởi tác dụng, cũng do vậy nên được độ, được độ tức là được liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới. Thế nên chúng ta tuyệt đối không thể vì họ hủy báng mà không giúp đỡ, đây là sự thiếu sót của chúng ta. Họ hủy báng, chúng ta bèn niệm một câu danh hiệu Phật, Bồ Tát cho họ nghe, làm nhân duyên cho họ đời sau được độ.

Thế nên phải biết cách kết pháp duyên rộng rãi, vui vẻ thân thiết với người, thường thường nên mang theo lễ vật nhỏ nhỏ để có thể kết duyên với người ta, sau đó mới giảng giải khái niệm của nền giáo dục Phật Đà, việc này quan trọng phi thường. Chúng ta chẳng nói kết thiện duyên vì thiện duyên và ác duyên đều là tương đối, pháp duyên thì vượt ra ngoài thiện và ác, duyên này mới thực sự thù thắng. Ác duyên chiêu cảm ác báo, thiện duyên tuy có thiện báo nhưng cũng chẳng tốt. Vì vậy nên chư Phật Như Lai trong sanh hoạt thị hiện ba chiếc y, một cái bình bát chính là thiện ác hai bên đều chẳng tiêm nhiễm. Nếu chư vị lảng lờng thể hội thì mới biết đó là cách sống rốt ráo viên mãn bậc nhất, đáng được học tập, hy vọng chúng ta cùng nhau nỗ lực.

13.Căn nguyên của bệnh tật (Buổi sáng 19-12-98)

a. Đạo dưỡng sanh.

Khi bác sĩ Hoàng khám sức khỏe cho mọi người biết được thân thể của những người trẻ tuổi quý vị chẳng bằng người già như tôi. Nghe xong tôi rất buồn. Thân thể của tôi có thể bảo trì khỏe mạnh là được Tam Bảo gia trì, tôi tuyệt đối chẳng dùng những phương pháp bảo trì sức khỏe hiện đại. Tôi tin câu của Phật dạy ‘*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*’, tâm địa thanh tịnh, từ bi, lương thiện thì cho dù chẳng bảo dưỡng thân thể và chẳng vận động cũng vẫn khỏe như thường.

Từ xưa đến nay đa số người tu hành trong nhà Phật mỗi ngày nếu không tọa thiền thì đi kinh hành, niệm Phật, thân tâm đều giữ trong trạng thái tịnh; hãy khoan nói đến võ thuật của Thiếu Lâm tự. Người thế gian đều ưa chuộng vận động, đạo dưỡng sanh ở trong trạng thái ‘tịnh’ thì chẳng có nhiều người biết đến. Chúng ta hiểu được đạo lý ấy, biết được tâm thanh tịnh, chân thành, từ bi mới là đạo dưỡng sanh chân chánh.

b. Ngã chấp

Nếu nâng cao cảnh giới thêm một tầng như trong kinh Kim Cang có nói: ‘*Chẳng có ngã tướng, chẳng có chúng sanh tướng, chẳng có thọ giả tướng*’, [lúc đó] không có ‘tôi’ thì ai sanh bệnh? Có ‘tôi’ thì tôi mới sanh bệnh, do đó mới biết ‘vô ngã’ (*chẳng chấp có tôi*) không những đã nhổ tận gốc rễ của bệnh khổ, mà cũng nhổ tận gốc rễ sanh tử luân.

Phá ngã chấp tương đối khó nhưng vô cùng cần thiết. Có ‘tôi’ thì sẽ có các hiện tượng sanh tử, bệnh khổ, luân hồi; không có ‘tôi’ thì những hiện tượng này mất hết. Trong pháp Đại thừa đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá ngã chấp vô cùng khéo léo. Trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông nói: ‘Biến đổi thành rộng lớn’ (đại nhi hóa chi), câu này nói rất hay, đây là từ chỗ phát Bồ đề tâm mà có, cho nên tâm lượng phải lớn. ‘*Tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát*’ là tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta, của mỗi chúng sanh, chẳng sai khác gì với quả địa của chư Phật Như Lai. Nhưng ngày nay chúng ta ra nông nổi này là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tạo nên, đây là gốc bệnh thực sự. Trong vô lượng kiếp qua chúng ta mãi trôi lăn trong sáu nẻo và không thể thoát khỏi là vì chẳng tìm ra được gốc bệnh, chẳng biết chữa trị từ căn bản này.

Hết thấy hiện tượng trong thế pháp đều là hư ảo chẳng thật, không gì chẳng phải ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’, thế nên giàu sang chẳng đáng ngưỡng mộ, bần tiện cũng chẳng cần phải đau xót. Hiểu rõ nhân tố của những hiện tượng này là do nghiệp nhân quả báo biến hiện ra, nếu tự mình nắm chắc nghiệp nhân và nghiệp duyên, sự biến hóa của quả báo sẽ có thể tùy theo ý mình, đó là được đại tự tại. Người được đại tự tại biết cách nắm lấy ‘duyên’, biết được cái nút để tạo nên thiên biến vạn hóa ở tại ‘duyên’. Quả báo thiện là do nhân thiện và duyên thiện. Quả báo ác là do nhân ác và duyên ác. ‘Nhân’ đã tạo rồi chẳng thể thay đổi, ‘duyên’ còn có thể không chế [thay đổi] được.

Đây vẫn còn là pháp thế gian chứ chưa phải là ‘đệ nhất nghĩa’, đệ nhất nghĩa thì phải ‘quán không’. Nói một cách khác phải thoát ra khỏi luân hồi, siêu

việt thập pháp giới, như vậy mới là anh hùng hảo hán. Chỗ chúng ta cúng Phật gọi là ‘Đại Hùng Bảo Điện’, ‘đại hùng’ là đại anh hùng. Chuyện người thế gian làm chẳng nổi mà Ngài làm được nên xưng Ngài là anh hùng. Người thế gian chẳng có cách chi thoát khỏi luân hồi, siêu việt thập pháp giới, Phật có thể làm được; không những làm mà còn dạy cho chúng ta làm thế nào để đạt được.

c. Tự tư tự lợi

Pháp môn niệm Phật của chúng ta đang tu tập là ‘dị hành đạo’, đạo dễ thực hành mà chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì không thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, niệm niệm vẫn còn tự tư tự lợi. Dùng tâm niệm này tu học thì đúng như người xưa đã nói: *‘Hết bể cỏ hòng cũng uống công’!* Thế nên chỉ cần buông xuống ý niệm tự tư tự lợi thì niệm Phật nhất định sẽ đắc lực, thân tâm sẽ khinh an. Cho dù có một chút bệnh thì cũng chỉ vì ăn uống chẳng cẩn thận nên phát ra cảm mạo phong hàn mà thôi, sẽ chẳng sanh bệnh nặng.

Nếu thật sự nhìn thấu, buông bỏ tự tư tự lợi, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong kinh Di Đà nói: *‘Nếu [niệm] từ một ngày đến bảy ngày’* sẽ được thành công. Những người y giáo tu hành xưa nay niệm Phật vãng sanh rất nhiều, phổ biến nhất là từ hai đến ba năm thì vãng sanh. Tại sao có người chẳng nhiều hơn bảy ngày, có người lại phải niệm hai ba năm? Người tin sâu nguyện thiết, thực sự niệm đến khi mất hết những tâm niệm tự tư tự lợi thì tự nhiên cảm ứng hiện tiền, công phu thành tựu.

Chúng ta xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, vào đời nhà Tống pháp sư Oánh Kha tin sâu nguyện thiết niệm ba ngày liền thành công. Nếu lòng tin và nguyện lực chưa đạt đến mức khẩn thiết thì phải niệm hai, ba năm. Thế nên những người này ‘sanh tử tự tại’, chẳng phải là thọ mạng chấm dứt mà là thọ mạng hãy còn nhưng họ bỏ ra đi sớm, đạo lý là như vậy.

Chúng ta nhìn thấy có nhiều người ra đi rất tiêu sái (*tiêu sái nghĩa là nhàn hạ, chẳng vương bận*) tự tại, chẳng có bệnh khổ, [làm cho người khác] vô cùng hâm mộ. Tôi thường nhắc nhở mọi người, chúng ta nhất định phải làm được. Nếu làm chẳng được thì trong lúc bệnh nặng, thân thể chịu sự sắp đặt của người khác, tự mình chẳng thể làm chủ, sẽ chẳng nắm chắc việc vãng sanh, thế nên bây giờ phải dự bị cho tương lai. Phương pháp tốt nhất là chẳng cần người khác chăm sóc, có thể dự biết trước ngày giờ ra đi, muốn đi lúc nào thì ra đi lúc đó. Nhất định phải hạ quyết tâm làm việc này cho bằng được thì đời này mới chẳng luống uổng. Những việc còn lại toàn là giả, chỉ có việc này là thật mà thôi. Chúng ta nói về ‘tự lợi’, đây mới thực sự là tự lợi.

Nhưng ‘tự lợi’ phải được xây dựng trên cơ sở của ‘lợi tha’. Trong đời sống sinh hoạt thường ngày, khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh chứ chẳng vì mình. Suy nghĩ cho mình là sai lầm, phải nghĩ cho chúng sanh, quên mất cái ‘tôi’ đi. Nhất định phải vì chúng sanh thì tâm niệm tự tư tự lợi mới có thể đoạn trừ; chỉ cần đoạn trừ thì công phu tu học mới có thể nắm chắc.

Chúng ta niệm niệm nghĩ đến chúng sanh, chúng sanh là chúng duyên hòa hợp mà sanh, bao gồm cả động vật, thực vật, và khoáng vật. Thí dụ cái bàn không sạch thì mình chùi cho sạch; cái ghế không ngay ngắn thì mình sắp cho nó ngay ngắn, như vậy đều là vì chúng nó. Cách làm này tức là Lễ Kính Chư Phật trong mười nguyện Phổ Hiền, kính người, kính sự, kính vật.

Đừng nên có tâm riêng tư, dục vọng, tâm niệm muốn chiếm hữu (*chiếm đoạt*), tâm niệm chiếm hữu này là căn bản của sanh tử luân hồi, là nguồn gốc của hết thảy tội nghiệp; chúng ta phải nhổ trừ tội căn này. Tại sao không được chiếm hữu? Phật dạy ‘*Hết thảy pháp đều không*’, ngàn ngữ cũng nói: ‘*Sanh chẳng mang đến, chết chẳng mang theo*’, vậy thì tại sao có thể chiếm hữu được? Đây là từ trên hiện tượng thô thiển mà nói. Đi sâu thêm thì Phật dạy: ‘*Hết thảy các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự tánh, đương thể tức không, trọn chẳng thể được*’¹⁹, chẳng những các vật ngoài thân chẳng thể được, ngay cả thân thể này cũng chẳng thể được. Chẳng có tâm chiếm lấy, chiếm hữu những vật ngoài thân, đối với thân thể cũng chẳng có ý niệm là thân ‘của mình’, như vậy thì vấn đề sẽ được giải quyết. Lúc đó ‘*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’, quyết định sẽ sanh Tịnh Độ. Đó là giải thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, ra khỏi thập pháp giới. Được vậy thì may mắn lắm!

Từ vô thi kiếp đến nay chúng ta chẳng gặp được duyên thù thắng, đời này rất may đã gặp được. Trong Quán Kinh chú giải Thiện Đạo đại sư nói: ‘*Cửu phẩm vãng sanh đều là do gặp được duyên khác nhau*’²⁰. Nói một cách khác khi gặp duyên thù thắng thì phẩm phu cũng có thể vãng sanh thượng thượng phẩm; Bồ Tát nếu chẳng gặp duyên thù thắng thì lại vãng sanh vào phẩm trung, hạ. ‘Duyên’ rất khó gặp, ấy là ‘có thể gặp mà chẳng thể cầu’. Trong kinh giảng ‘thiện tri thức là duyên’. Nếu được thiện tri thức hướng dẫn, thiện hữu nâng đỡ, đồng tham đạo hữu tốt, đạo tràng tu hành tốt, thì tu hành sẽ chẳng có chướng ngại. Hiện nay chúng ta đã có đầy đủ duyên này, đã được nhưng vẫn chẳng thể thành tựu, vậy thì chỉ có thể trách mình, không thể trách kẻ khác. Nhất định phải biết cơ duyên thù thắng như vậy ‘trăm năm, vạn kiếp khó gặp được’, ‘trong vô lượng kiếp hiếm hoi khó gặp’, có thể thành tựu được hay không, mấu chốt nằm ở chỗ đột phá, phá trừ ‘tự tư tự lợi’.

Phương pháp đột phá là niệm niệm vì chúng sanh, nhất định chẳng vì chính mình; nếu vì mình thì nên vãng sanh Tịnh Độ sớm hơn. Thân thể còn lưu lại nơi thế gian này, mỗi ngày đều phải phục vụ cho chúng sanh, như vậy là hoàn toàn giống với hạnh nguyện của chư Phật Như Lai, [làm vậy] bạn sẽ được đại tự tại. Đạo lý và sự thật này chúng ta phải hiểu tường tận, y giáo tu hành.

14. Phương pháp tu hành (Buổi sáng 21-12-98)

¹⁹ (Nhất thiết chư pháp, nhân duyên sở sanh, vô hữu tự tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc)

²⁰ (Cửu phẩm vãng sanh, tổng tại ngộ duyên bất đồng).

Hôm nay mở đầu Phật thất ở Dallas, thầy Ngô Khải gửi fax cho tôi hy vọng trong thời gian Phật thất này, [tôi có thể] dùng mạng Internet mỗi ngày nói chuyện vài câu với mọi người.

Trong những năm gần đây không kể cư trú ở đâu chúng ta đều cảm thấy thế giới càng ngày càng không an toàn, tai nạn xảy ra khắp nơi, và lại ngày càng nghiêm trọng. Nhân tình lãnh đạm, không biết ân nghĩa, không những tự hủy diệt mà không hay biết, lại còn tạo ra những tội hủy diệt Phật pháp, hủy diệt thế gian. Chúng ta không nói đến người khác, chỉ nói những người học Phật trong bốn chúng đệ tử, có ai không tạo ra những tội này? Ngày xưa người ta tạo tội nhẹ, ngày nay tạo tội nặng; khi tạo tội thiệt nặng nhưng tự mình lại không biết, như vậy là ngu si. Những người ngu si hằng ngày nghe giảng kinh, hằng ngày đọc kinh, vẫn không giác ngộ như cũ, đây là vì ‘chướng sâu nghiệp nặng’; nếu không tiêu trừ nghiệp chướng sâu nặng này thì tuyệt đối không thể tránh khỏi đọa lạc vào tam ác đạo.

Nếu chúng ta muốn cải thiện đời sống, công phu tu học được đắc lực, biện pháp duy nhất là phải nghe [giảng] kinh cho nhiều thiệt nhiều. Lúc còn tại thế đức Phật Thích Ca giảng kinh trên ba trăm hội, thuyết pháp ròng rã bốn mươi chín năm, đức Phật Thích Ca chưa từng hướng dẫn đại chúng niệm Phật lần nào, hoặc tham thiền một lần nào cả. Phải nên biết đức Phật không hướng dẫn chúng ta tu hành là vì tu hành dễ dàng, giác ngộ khó khăn. Cũng vì giác ngộ quá khó cho nên đức Phật khổ tâm mỗi miệng phải thuyết pháp mỗi ngày, khuyên đạo mỗi ngày. Chúng sanh ngu si, tuy mỗi ngày nghe Phật thuyết pháp nhưng vẫn mê mờ như cũ.

Tuy vậy đức Phật đại từ đại bi vẫn giảng kinh mỗi ngày; chúng sanh đọa lạc trong lục đạo thì Phật thị hiện trong lục đạo, vẫn đi theo không bỏ rơi, đây gọi là ‘*Trong nhà Phật không buông bỏ bất cứ người nào*’. Chúng sanh tạo tội nghiệp, phỉ báng và sỉ nhục Phật, Bồ Tát, thậm chí hãm hại các ngài, nhưng các ngài không màng đến, vẫn thương xót chúng sanh, giảng kinh thuyết pháp vì chúng sanh, đây là lòng đại từ đại bi của chư Phật, Bồ Tát. Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp qua vẫn không bỏ rơi chúng sanh, đây là việc không phải một số người thường có thể làm được, từ điểm này chúng ta có thể hiểu được ân đức của Phật là bao lớn.

Hàn Quán Trưởng hộ trì chúng ta trong suốt ba mươi năm, xây dựng nền móng vững chắc cho chánh pháp. Có người nói Hàn Quán trưởng có công và cũng có lỗi lầm, nhưng theo tôi nghĩ thì bà chỉ có công chứ không có lỗi lầm chi hết. Nếu quý vị bình tĩnh quan sát kỹ càng thì sẽ biết công đức của bà vô lượng vô biên. Đây là một vị Bồ Tát tái lai, thị hiện cho chúng ta xem, người trong thế gian làm sao biết được?

Trong kinh nói người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cho dù hạ hạ phẩm vãng sanh đều có ‘*thiên nhãn nhìn suốt, thiên nhĩ nghe thấu, tha tâm đều biết*’²¹,

²¹ (*thiên nhãn đồng thị, thiên nhĩ triệt thính, tha tâm biến tri*)

năng lực của sáu căn hầu như bằng với đức Phật A Di Đà, cho nên khi chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động, chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ ràng. **Chúng ta mong cầu vãng sanh thì khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động nhất định phải tương ứng, phù hợp với lý luận và phương pháp của sự vãng sanh, điểm này vô cùng quan trọng.** Tây phương Cực Lạc thế giới là *‘Nơi tụ tập của các người thiện nhất’*²², cho nên chúng ta niệm Phật thì cũng phải tu ‘thượng thiện’. Nếu tâm không thiện, ngôn ngữ không thiện, cho dù một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu thì cũng không vãng sanh được. Giống như lời của hai vị tôn giả Hàn Sơn và Thập Đắc đã nói: *‘Hết bể cố hòng cũng luống công’* (hai vị này là hóa thân của Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát).

Chúng ta đã phát tâm cứu mình thì cũng phải [phát tâm] cứu người xung quanh; sự sanh hoạt và tu học nhất định phải đúng như lý, như pháp, vì vậy phải hiểu rõ nội dung của kinh Phật. Nội dung này có bốn điểm: ‘Giáo, Lý, Hành, Quả’.

Lời dạy của đức Phật được người đời sau ghi chép lại thành kinh điển, những ngôn ngữ, văn tự, lời chép trong kinh này gọi là ‘Giáo’.

Hàm ý chứa đựng trong ‘Giáo’ gọi là ‘Lý’, ‘Lý’ này là lý luận giải thích rõ chân tướng sự thật của vũ trụ, nhân sinh. Chỉ có đức Phật mới có thể nói rõ những chân tướng sự thật này vì đây là cảnh giới mà đức Phật [đích] thân chứng [được], là cảnh giới hiện lượng (*đích thật từng trải qua*) chứ không phải do suy đoán, vọng tưởng.

Không những đức Phật nói rõ ràng đạo lý và sự thật này, Ngài còn dạy chúng ta phương pháp để khế nhập vào cảnh giới của chư Phật Như Lai, đây tức là ‘Hành’ (phương pháp thực hành).

Noi theo lý luận phương pháp trong kinh điển mà làm, đạt được sự lợi ích thù thắng, việc này tức là ‘Quả’.

Chúng ta hiểu rõ tính chất của kinh điển thì mới khâm phục Phật pháp, bái phục đến năm vóc sát đất.

Đức Phật dạy chúng ta khi tu học phải kiến lập một khái niệm căn bản, đó là ‘Tín, Giải, Hành, Chứng’.

‘Tín’ là tin sâu, không nghi ngờ những lời giáo huấn của đức Phật.

‘Giải’ là hiểu rõ, thấu triệt lý luận trong kinh điển.

‘Hành’ tức là làm theo lý luận phương pháp này.

‘Chứng’ tức là đích thân chứng được cảnh giới giống như chư Phật Như Lai.

Ngày nay chúng ta còn tạo nghiệp, còn vọng tưởng, còn nói vọng ngôn tức là không hiểu thấu lý luận, không biết được sự lợi hại nên mới tạo ra những nghiệp

²² (*Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*)

tội nặng nề thậm chí hủy diệt Phật pháp, chướng ngại Phật pháp, làm cho người ta thoái tâm (sụt lùi).

Phải biết khi gặp nghịch cảnh Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát còn có thể thoái tâm; chỉ có Pháp Thân Đại Sĩ mới không thoái tâm. Chướng nạn của chúng ta rất nhiều, bao gồm cả trong lẫn ngoài. Những việc làm của Hàn Quán Trưởng và cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba đều là hành vi của đại Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ. Hàn Quán Trưởng hộ trì chánh pháp suốt ba mươi năm vẫn không sụt lùi; luôn luôn không bị ảnh hưởng bởi những lời phỉ báng, rao đồn, kiếm chuyện phá rối, đều như như bất động và xem như không có việc gì xảy ra, điều này vô cùng hiếm có, quý báu! Khi Lý cư sĩ gặp phải bất cứ chướng nạn gì, bất cứ lời hủy báng gì đều không thoái tâm, xây dựng đạo tràng ở Tân Gia Ba thành một đạo tràng điển hình, gương mẫu. Nếu không phải là hóa thân của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ ứng hiện thì không thể làm được. Chúng ta có được nhân duyên thù thắng này tức là gặp được hộ pháp chân chánh. Cho nên mặc cho người ta hủy báng, phá hoại, làm gì thì làm, chúng ta đều được sự hộ trì của chư Phật, Bồ Tát.

Ngày nay Tịnh Tông có thể hoằng truyền khắp thế giới, những người niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà và tu học theo lý luận của kinh này theo thống kê một cách bảo thủ thì ít lắm cũng được hơn hai chục triệu người. Tịnh Tông có thể đạt được thành tích như vậy là công đức của Hàn Quán Trưởng, chúng ta uống nước phải nhớ nguồn, tri ân báo ân (*biết ơn đền ơn*). Nếu thiết thấy rõ, hiểu thấu thì mới biết đây là Bồ Tát thị hiện, cảnh thuận hay nghịch đều là tăng thượng duyên (*trợ duyên*), đều để thành tựu Phật pháp, thành tựu cho chúng sanh.

Lúc trước thầy Lý nói với tôi muốn thực sự thành tựu trong việc hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải cư trú lâu dài tại một nơi nhất định. Hiện nay chúng ta an tâm lưu tại Tân Gia Ba, toàn bộ nhân lực, tài lực, vật lực đều tập trung tại đây nên có thể thành lập được một đạo tràng gương mẫu, tuyệt đối không thể phân tán lực lượng, tinh thần. Cho nên chúng ta gặp được rất nhiều Bồ Tát ở nơi đó, thiết đúng là '*những người thiện nhất tụ hợp ở một chỗ*'. Vì mục đích khuyếch trương nền giáo dục của Phật Đà, chúng ta dùng thân phận của người quét dọn, người làm công để làm việc cho đức Phật A Di Đà, chư Phật Như Lai. Đừng tưởng là mình đã làm được việc gì cả, tất cả những thứ này đều là Phật, Bồ Tát an bài, là do chư Phật, Bồ Tát làm nên đấy, chúng ta chỉ bắt quá chấp hành theo mà thôi. Cho nên thầy Lý dạy tôi phải 'tin Phật', tin Phật thiết quá khó. Nhưng phải tin thiết nghe!

Trong thời đại nhiều tai nạn này, con đường duy nhất của chúng ta là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; dự Phật thất cũng lấy việc này làm mục tiêu. Chúc quý vị Phật thất lần này được thành tựu viên mãn.

15. Làm thế nào để tiêu tai miễn nạn

(Buổi sáng 23-12-98)

Giáo hội Thiên Chúa Giáo có lời tiên tri rằng năm 1999 thế giới sẽ có tai nạn lớn, khuyên các bạn đồng đạo nên đọc kinh, phải thật lòng sám hối, hy vọng có thể thoát khỏi tai nạn này. Và nói: tai nạn có thể xảy ra hay không còn dựa trên ‘nhân tâm’, nếu nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn có thể hóa giải, có thể trì hoãn về sau. Cách nói này rất có lý.

Một ngày trước khi vãng sanh lão cư sĩ Lý Bình Nam dặn dò các vị đồng học: **‘Thế giới đã loạn rồi, cho dù chư Phật, Bồ Tát, thần tiên trở lại cũng không cứu nổi. Chỉ có con đường sống sót duy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ’, cho nên tai nạn càng ngày càng gần, chúng ta không còn nhiều thời gian nữa, phải nên buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật.**

Đạo Thiên Chúa khuyên người ta cầu lên thiên đường, họ nói không có Cực Lạc thế giới, chỉ có thiên đường và địa ngục. Ngay cả người trên cõi trời cũng không có cách gì nhìn thấy toàn bộ tình huống phức tạp trong đại vũ trụ. Chúng ta hiểu rõ đích thật là có Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng thế giới, cùng quốc độ của chư Phật. Làm thế nào để biết vậy? Đó là ‘*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*’, nếu hiểu được đạo lý này thì sẽ tin ngay.

Thật ra y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới cũng không có, Phật pháp nói: ‘*Tam tâm bất khả đắc*’, ‘*Chư pháp vô sở hữu*’; nói có thì chỉ là tạm có, huyền có, giả có, trong kinh dùng chữ ‘diệu hữu’. Thế nên thiên đường, địa ngục cũng là diệu hữu; cõi này, cõi nọ cũng là diệu hữu, Cực Lạc thế giới cũng không ngoại lệ. Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay của khoa học gia thì đây chỉ là không gian duy thứ (*duy có nghĩa là chiều, là phương vị*) khác nhau mà thôi, thí dụ như không gian ba chiều [của loài người chúng ta], không gian bốn chiều, năm chiều. Khoa học gia đã chứng minh có mười một chiều không gian tồn tại, nhưng trên lý luận thì không gian có vô số chiều.

Những người vừa mới hiểu Phật pháp đều khẳng định có không gian vô số chiều tồn tại. Nếu bạn không thể đột phá những thời gian, không gian này thì không thể hiểu rõ sự thật. Vô số không gian có duy thứ không giống nhau tức là vô lượng vô biên thế giới, đức Phật nói [những thế giới này] đều từ tâm tưởng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*’ tức là từ tâm tưởng sanh. Vô lượng vô biên chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến đổi ‘Nhất Chân pháp giới’ trở thành vô lượng vô biên không gian khác nhau, vô lượng vô biên cảnh giới, đạo lý là như vậy.

Đức Phật dạy chúng ta có thể đột phá những không gian này bằng cách xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lục đạo [luân hồi] là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra; nếu buông bỏ chấp trước, chỉ còn vọng tưởng và phân biệt thì lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa, tức là Tứ Thánh pháp giới. Nếu cả phân biệt cũng buông bỏ thì Tứ Thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật) cũng không còn, tức là không còn thập pháp giới nữa. Không còn thập pháp giới tức là Nhất Chân pháp giới. Do đây có thể biết thập pháp giới là từ phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Xa lìa phân biệt chấp trước thì thập pháp giới sẽ

không còn tồn tại. Việc này cũng giống như nằm mộng, khi tỉnh dậy những cảnh giới trong mộng đều không còn. Người ta thường nói đến danh từ ‘tu hành chứng quả’, chứng quả nghĩa là chứng được Nhất Chân pháp giới, khế nhập vào Nhất Chân pháp giới. Tây phương Cực Lạc thế giới thuộc về Nhất Chân pháp giới. Do đó có thể biết nếu chúng ta còn phân biệt, chấp trước thì nhất định sẽ không nhìn thấy Nhất Chân pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Nhất Chân pháp giới vẫn có bốn mươi một cấp bậc, đó là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đến Đẳng Giác Bồ Tát, hết thảy đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Những cấp bậc này còn tồn tại là vì vọng tưởng chưa dứt trừ. Vọng tưởng tức là vô minh vi tế (*vi tế nghĩa là nhỏ bé*). Có câu nói: *‘phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân’*, bốn mươi một phẩm vô minh tức là bốn mươi một phẩm vọng tưởng. Khi đoạn dứt hết bốn mươi một phẩm vô minh này, không còn vọng tưởng nữa thì chứng được rốt ráo, đây là Phật quả Viên Giác, đây mới là quả vị cứu cánh.

Người Thiên Chúa Giáo chưa từng nghe những đạo lý này, thật đáng tiếc. Phật pháp trong thế gian và xuất thế gian đều vô cùng thù thắng, đáng tiếc là người truyền bá quá ít. Hoàng dương Phật pháp không dễ tại vì tự người đó phải khế nhập trước, nếu mình chưa khế nhập thì làm sao có thể nói được [một cách hoàn hảo và đúng đắn]? Làm sao có thể hiểu được? Nếu muốn lý giải, hiểu rõ thì phải tu học, có tu học thì mới khế nhập, sau đó mới có thể giải thích [tường tận], mới có thể giúp đỡ người khác.

Chúa Jesus nói: *‘Ngày nay người trong thế gian quên ân, phụ nghĩa, không biết ân đức’*. Chúa Jesu, Thánh Mẫu Maria thiết thương yêu người đời, người đời không những phản bội mà còn sỉ nhục, huỷ báng các Ngài và tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Trong thế giới hiện nay những chuyện này rất phổ biến. Con cái chịu ân đức dưỡng dục của cha mẹ, không biết báo ân mà còn bỏ rơi cha mẹ. Chúng tôi đi thăm viện dưỡng lão của những người đạo Hồi giáo (Islam), những người già ở đó đều bị con cái bỏ rơi, không nhà không cửa. Ngày nay con cái bỏ rơi cha mẹ, học sinh phản bội thầy giáo, không biết ân nghĩa, tạo ra vô lượng vô biên nghiệp tội, vì vậy nên chiêu cảm quả báo thế giới hủy diệt.

Cho nên lời tiên tri nói tai họa này là do chúng ta tự chiêu cảm lấy, không phải Thượng Đế nổi giận trừng phạt chúng ta, Thượng Đế rất không muốn nhìn thấy sự việc này xảy ra, nhưng không thể tránh khỏi, tạo ra nghiệp tội nhất định phải nhận lấy tai họa. Cách nói như vậy mới hợp tình hợp lý.

Những năm gần đây tôi khổ tâm mỗi miệng khuyên răn mọi người, nếu ba ngày không khuyên thì mọi người quên ráo trôi. Đây đúng như kinh Địa Tạng nói: *‘Chúng sanh ở Diêm Phù Đề vương ngành khó giáo hóa’*, chúng ta thể hội câu này một cách sâu sắc. Nhưng chư Phật, Bồ Tát làm gương, làm mô phạm cho chúng ta noi theo, cho dù chúng sanh có cang cường khó giáo hóa đến đâu thì cũng không thể bỏ rơi. Đây đúng như câu nói: *‘Trong nhà Phật không buông bỏ một ai cả’*, đây mới là đại từ đại bi chân thật.

Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta tự mình chân tu thì có thể ảnh hưởng đến người khác, làm cho người khác cảm động khi nhìn thấy tấm gương tu hành của chúng ta, họ sanh tâm xấu hổ nên tự nhiên sẽ học theo, được vậy thì có thể đem lại sự an định cho xã hội, hòa bình cho thế giới. Đức Phật nói ‘tự hành hóa tha’ nghĩa là nhờ vào sự tu hành chân thật của mình [mới có thể cảm hóa người khác], tự mình không tu hành chân thật thì không có ích lợi gì cả. Cho dù biết nói, nói được hay đến đâu, khi tai họa xảy ra thì cũng không tránh khỏi, vốn phải sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế ấy, vẫn không ra khỏi luân hồi như cũ, và cũng không thể vãng sanh.

Chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, tâm từ bi, chắc thật niệm câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này nhất định phải tương ứng với ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’, và cũng là ‘*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’; nếu không tương ứng, không phù hợp, câu Phật hiệu sẽ chẳng có công đức. Làm thế nào mới được tương ứng? Trong đời sống hằng ngày nhất định phải làm được ‘nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên’. Nhìn thấu nghĩa là hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh; buông xả tức là buông xuống tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng dạy: ‘*Nếu là người tu đạo chân chánh, không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian*’, chỉ biết tu [sửa bản thân] mình, tự mình nỗ lực đoạn ác tu thiện. Kinh Vô Lượng Thọ dạy ba nguyên tắc của sự tu thiện:

Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác.

Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng hành động trái ngược với giới luật.

*Khéo giữ gìn ý nghiệp, phải luôn thanh tịnh không nhiễm ô*²³

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ từng giờ từng phút, phải làm cho bằng được. Cả bộ Đại tạng kinh trong nhà Phật và những gì đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm [tóm lại] tức là ba câu này. Chúng ta nhất định phải thực sự làm được thì mới có thể cứu mình và cứu chúng sanh.

Khi chúng ta tu [hành chân] thật thì tâm sẽ bình (*phẳng lặng, yên ổn*). Ngày nay khoa học gia nói về những làn sóng tư tưởng, tư tưởng của người thế gian rất phức tạp, đặc biệt những tư tưởng tà ác đều là những làn sóng lớn, [cường độ rung động] lên xuống rất lớn. Những người niệm Phật chúng ta tu ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’ nên làn sóng tư tưởng này đều bình phẳng, yên ổn. Niệm Phật Đường ở Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba được chư Phật Như Lai gia trì, có Phật, Bồ Tát cùng chúng ta niệm Phật cho nên từ trường (*hoàn cảnh, môi trường tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng thù thắng. Từ trường của Niệm Phật Đường tốt vô cùng, từ trường này an định, bình tịnh; những làn sóng tư tưởng phát ra từ nơi đây có thể

²³ *Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá
Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi
Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*

điều hòa tư tưởng tà ác trong thế gian. Dùng làn sóng tư tưởng bình yên phảng lảng của chúng ta để hóa giải những làn sóng tư tưởng tà ác to lớn của thế gian thì những làn sóng này có thể giảm bớt, yếu đi; đây là nguyên lý hóa giải tà ác, hóa giải tai họa.

Chúng ta ở nhà niệm Phật thì cũng có công hiến cho xã hội, thế giới. Vì khi chúng ta niệm Phật phát ra những làn sóng tư tưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác nên có thể điều hòa những làn sóng tư tưởng tà ác trong thế gian. Nếu hiểu rõ đạo lý này thì sẽ tin tưởng khi chúng ta tâm bình, khí hòa niệm Phật cũng có thể giúp đỡ cho thế giới hòa bình, xã hội an định.

Chân chánh phát tâm niệm Phật tức là tự độ, độ tha (*độ mình, độ người*); chân chánh phát tâm niệm Phật tức là cứu vãn kiếp nạn của thế gian, đừng tưởng là chúng ta không có năng lực này. Nếu chư vị đồng tu có thể chân chánh giác ngộ, chân chánh buông xuống hết thảy những điều thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn, làm theo lời dạy trong Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ của đức Thế Tôn thì sẽ có năng lực an định xã hội, duy trì hòa bình thế giới.

Chỉ cần chúng ta tâm ý chân thành, chư Phật, Bồ Tát ứng hiện khắp nơi, sẽ cảm ứng đạo giao. Đặc biệt là trong lúc thế gian có tai nạn to lớn, chúng ta phải giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Niệm Phật không chỉ là vì chính mình, càng phải vì tất cả chúng sanh. Chúng ta nhất định phải làm, không làm thì không có tâm từ bi. Hy vọng chúng ta cùng nhau nỗ lực, tự độ và độ tha.

16. Lý của việc niệm Phật thành Phật

(Buổi sáng 24-12-98)

a. Hư không pháp giới và mình cùng một thể

Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhận được rất nhiều khái thị (gợi ý) cho sự tu học Phật pháp. Hội kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn thuyết giảng ở Bồ Đề Đạo Tràng trong [lúc nhập] định, đại chúng tham dự hội kinh này đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Họ thuộc rất nhiều chủng tộc, rất nhiều đoàn thể khác nhau trong khắp hư không pháp giới, số nhiều vô lượng vô biên. Từ điểm này có thể biết pháp hội Hoa Nghiêm trên thực tế là một hội bao gồm tận hư không trọn khắp pháp giới. Hội Hoa Nghiêm như vậy, những hội giảng kinh khác không phải như vậy sao? Nếu suy nghĩ sâu thêm, việc này cho chúng ta biết tận hư không trọn khắp pháp giới đều là một thể. Đến lúc thành Phật thì mới ý thức đến *‘tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật’*, hiểu rõ triệt để *‘hữu tình và vô tình đều tròn đầy chủng trí’*. Nói tóm lại hư không pháp giới và mình đều là một thể, hiểu như vậy mới thực sự sanh tâm từ bi.

Nhà Phật thường nói: *‘Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi’*. Chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi, các Ngài đã ngộ việc này; phàm phu vẫn còn mê, mê cũng là mê việc này. Nhưng trong chân tướng sự thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là ở tại người. Người giác ngộ thì gọi là Phật, Bồ Tát, người mê hoặc thì gọi là phàm phu.

Nhưng sự thọ dụng của mê và ngộ khác nhau, người mê không biết hư không pháp giới đều là mình, không biết hết thấy chúng sanh đều là mình cả, cho nên trong đó [trong mê] sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tạo nên vô lượng vô biên nghiệp tội.

b. Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sanh

Nghiệp tội tức là những hành vi, việc làm trái ngược với chân tướng sự thật. Những nghiệp đã tạo sẽ hiện ra tướng. Tướng làm sao hiện ra? Đức Phật nói: *‘Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh’*, muôn vàn xin mọi người đừng coi thường câu này. Sự việc trong vũ trụ thiên biến vạn hóa, y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới, đây là đức Phật quy nạp xong nói cho chúng ta biết, trên thực tế thì pháp giới vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên pháp giới đều từ tâm tưởng sanh – trong tâm nghĩ tưởng gì thì sẽ hiện ra cái đó. Vì vậy cho nên tướng Phật thì sẽ hiện ra Phật; Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta:

‘Nhớ Phật niệm Phật, hiện giờ tương lai, nhất định thấy Phật’, đây nghĩa là tướng Phật thành Phật.

Tướng Phật thì Phật hiện, tướng Bồ Tát thì Bồ Tát hiện, tướng gì thì hiện cái đó, việc này là sự thật. Thí dụ chúng ta nghĩ tưởng đến một việc xứng tâm vừa ý thì sẽ sanh tâm hoan hỷ, niềm vui này liền hiện lên gương mặt mình; nghĩ tưởng đến một việc không vừa ý thì sẽ nhăn nhó mặt mày, nét âu sầu sẽ hiện rõ trên gương mặt, lập tức liền thay đổi. Quan sát việc nhỏ này mới biết lời dạy của đức Phật vô cùng chính xác.

Thế nên chư Phật Như Lai khuyên chúng ta tưởng Phật, nhớ Phật, niệm Phật, buông xuống hết tất cả những tư tưởng khác. [Pháp môn] niệm Phật vắng sanh bất thoái thành Phật trong Tịnh Tông được xây dựng trên cơ sở và lý luận này. Từ xưa đến nay những người noi theo phương pháp này tu hành chứng quả rất nhiều, những người này đều làm gương tốt cho chúng ta noi theo. Nếu dùng cách nói thông thường của các tôn giáo, những người này là những chứng cứ rõ rệt và những tấm gương cụ thể cho chúng ta. Trong ba thứ chuyển pháp luân của Phật pháp, việc này gọi là ‘tác chứng chuyển’ (chuyển pháp luân bằng cách làm chứng), họ hiện thân thuyết pháp làm chứng minh cho chúng ta, nói rõ đây là sự thật.

c. Chuyện vãng sanh.

Mấy năm trước chuyện mẹ của ông Tước Sĩ (*Huân tước*) Hà Đông vãng sanh ở Hương Cảng đã làm nhiều người cảm động, và đã củng cố cơ sở cho hội Phật giáo Hương Cảng. Cả nhà của cụ đều là tín đồ Thiên Chúa Giáo thuần thành, chỉ có cụ là người tin Phật, niệm Phật. Tuy vậy nhưng nhà này vô cùng phóng khoáng (không câu nệ), đích thật là tự do tín ngưỡng, đối xử hòa thuận với nhau, tôn trọng lẫn nhau, đây là một việc rất đáng quý. Thế nên không gây trở ngại cho tự do của người khác mới là tự do thật sự. Gây trở ngại cho người khác, xâm

phạm người khác là không hiểu được [như thế nào mới là] tự do; đây là cảm tình, là trí huệ.

Cùng một lý lẽ, ngày nay chúng ta sinh sống trên quả địa cầu này, có rất nhiều dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tư tưởng khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, mọi người đều không thể hòa thuận, công kích hủy báng lẫn nhau, thậm chí dẫn đến chiến tranh tôn giáo, đây cũng là vì không hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của tự do. Nguyên nhân họ không hiểu rốt cuộc cũng là vấn đề của giáo dục, đặc biệt là giáo dục luân lý đạo đức.

Gia đình ông tước sĩ Hà Đông là tấm gương tốt cho chúng ta, mở rộng ra thì cũng là tấm gương cho cả thế giới. Bất luận chúng ta tín ngưỡng tôn giáo nào thì nhất định phải tôn trọng những tôn giáo khác. Trong nhà Phật bất luận tu học theo môn phái nào, nhất định cũng phải tôn trọng môn phái khác; như vậy mới hiểu tự do một cách đúng đắn, mới thiết có trí huệ.

Lúc vãng sanh cụ Hà Đông nói với con trai và dâu: ‘Cả đời má không đòi hỏi các con việc gì hết, bây giờ trước lúc vãng sanh, má yêu cầu các con niệm vài câu Phật hiệu tiễn đưa má vãng sanh’. Lúc vãng sanh, cụ thật sự mở một buổi họp vãng sanh, mời tất cả thân bằng quyến thuộc đến dự, sau khi cụ dặn dò xong xuôi, cụ vãng sanh một cách êm đềm, an lành giữa tiếng niệm Phật của mọi người. Cả nhà chứng kiến tận mắt bà cụ niệm Phật vãng sanh nên sau này cả nhà đều niệm Phật hết. Cách bà cụ này độ chúng sanh quá đặc biệt, vô cùng cao minh, dùng lời nói thì không ai nghe nên cụ biểu diễn cho họ coi, cuối cùng có thể độ hết cả nhà.

Việc cụ vãng sanh là một sự biểu diễn vô cùng ngoạn mục, phải có trí huệ sâu rộng mới làm được. Trên thế gian này chuyện gì cũng có thể gạt người, có thể giả mạo, chỉ có chuyện này không thể nào giả mạo được. Lúc tôi còn học ở Đài Trung, lão cư sĩ Lý Bình Nam thường dùng chuyện này khích lệ chúng tôi, dạy chúng tôi, Tây phương Cực Lạc thế giới có thật, người niệm Phật đích thật là có thể vãng sanh.

d. Làm thế nào tự tại vãng sanh

Nửa thế kỷ trở lại đây tuy chúng ta không thể đích thân nhìn thấy người ta vãng sanh nhưng những chuyện nghe đến thật không ít. Tại sao người ta có thể tự tại vãng sanh? Đây là việc mọi người đều muốn biết. Đặc biệt là những người đang sinh sống trong thời đại nhiều tai họa, tự tại vãng sanh đối với chúng ta vô cùng quan trọng, thiết là một việc quan trọng nhất trong đời người. Thiết ra chỉ cần noi theo kinh luận, tu học đúng như lý như pháp, thì có thể làm được. Đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, cổ đức nói kinh Vô Lượng Thọ là kinh số một của Tịnh Tông, vì kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu hoàn cảnh ở Tây phương Cực Lạc thế giới đầy đủ nhất, giải thích phương pháp tu học tường tận nhất, nói quả báo sau khi vãng sanh viên mãn nhất. Nếu chúng ta chân chánh muốn tự tại vãng sanh, tu học từ ba tháng đến sáu tháng sẽ có thể thành công. Cho nên pháp môn này rất thù thắng, được hết thầy chư Phật tán thán, tuyên dương.

Thiền Đạo đại sư nói những gì đức Phật dạy thì chúng ta phải làm được hoàn toàn, những gì đức Phật dạy chúng ta không nên làm thì tuyệt đối đừng làm. Nếu thật có thể hết lòng làm theo những lời dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, làm hằng ngày, một ngày cũng không vi phạm, những công đức này tích lũy trong ba tháng thì bạn sẽ là thượng thiện nhân, sẽ nắm chắc sự vãng sanh tự tại. Nếu có thể làm hết sáu tháng thì càng chắc chắn hơn. Cứ tiếp tục làm như vậy, bạn muốn chừng nào vãng sanh thì lúc đó vãng sanh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, tự tại tùy theo ý muốn. Đây là một việc [quan trọng] hạng nhất trong đời người!

Có một số người vãng sanh không được tự tại, lúc lâm chung còn bị bệnh khổ, nguyên nhân là vì những gì đức Phật dạy, họ đều không thể làm hết hoàn toàn; những gì đức Phật dạy không được làm thì họ vi phạm không ít, đây là nghiệp chướng. Nhưng nhờ đời trước hay đời này cũng còn chút thiện căn, lúc lâm chung gặp được bạn tốt nhắc nhở, trợ niệm, thì cũng có thể vãng sanh.

Người ta sống trên đời này mấy chục năm ngắn ngủi, lúc đến mang hai bàn tay không thì ra đi cũng mang theo hai bàn tay trắng. Cổ đức nói: *'Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân'*²⁴. Tất cả mọi vật trên thế gian này không có một vật gì có thể đem theo, những gì có thể đem theo được chỉ là những nghiệp mà mình đã tạo ra, việc này rất đáng sợ! Tôi đọc đến việc này rợn da gà, có nhiều người đọc đến nhưng không hề gì, như vậy đúng là nội tâm đã chai đá hết trơn rồi. Nếu thật có tri giác, đọc đến thật rất sợ thì làm sao dám tạo nghiệp?

Chư Phật, Bồ Tát từ bi, có lòng thương yêu chân thành, chúng ta không biết thân cận [học hỏi] mà còn xa lìa họ, đi kết bạn với những bạn xấu trong thế gian, đó là sai lầm quá đỗi! Bạn xấu tức là những người tạo ngũ nghịch thập ác, không chịu nghe lời dạy của thánh hiền, không y giáo phụng hành. Đây là một sự mất mát to lớn đối với đời sống tu học của chúng ta, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, nắm chắc sanh mạng ngắn ngủi nhưng quý báu trong đời này, hoàn thành nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp đến nay. Niệm Phật thành Phật, đây là một chuyện lớn, người như vậy mới đáng gọi là người có chí khí, nếu nói theo nhà Phật thì thật đúng là đại anh hùng, đại trượng phu. Hy vọng chúng ta cùng nhau gắng sức, khuyến khích lẫn nhau, ngay trong đời này làm cho xong công việc to lớn này, không uổng phí cuộc đời.

17. Nhìn thấu, Buông xuống (Buổi sáng 25-12-98)

a. Nhìn thấu, buông xuống.

Thông thường hai ngày đầu của Phật thất, tâm [của người tham dự] còn chưa an định, công phu không thể nào đắc lực. Đến ngày thứ bảy vì Phật thất gần kết thúc, trong tâm lại phóng dật, buông lung trở lại nên cũng không thể đắc lực.

²⁴ (Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân)

Do đó niệm Phật trong bảy ngày, thiết có thể đắc lực là trong ngày thứ năm và thứ sáu, đây là một hiện tượng rất bình thường.

Nguyên nhân người đời nay niệm Phật không bằng người đời xưa cũng là vì không thể ‘nhìn thấu, buông xả’. Chữ nhìn thấu (*thấy thấu suốt*) là trình độ hiểu rõ đối với trạng thái sanh hoạt hiện thực; nếu chúng ta không hiểu rõ, ham mê luyến tiếc thế gian thì đương nhiên sẽ không buông xuống nổi. Cho nên hơn phân nửa những người niệm Phật往昔 sanh là những người già bảy tám chục tuổi, vì họ nhìn thấy nhiều, từng trải nhiều, biết hết thấy những việc trong thế gian đều là hư ảo không thật, bất luận sinh sống trong cảnh thuận hoặc nghịch, trải qua một thời gian dài thì sẽ chán chường, sinh sống cảm thấy chán ghét, không muốn ở lại thêm nữa, đến lúc này thì buông xuống hết, đây là một yếu tố rất quan trọng. Nếu cảm thấy thế gian này còn rất đẹp đẽ, vẫn còn muốn sống thêm vài năm nữa, thậm chí muốn sống thêm vài chục năm, vài trăm năm nữa, họ buông xả, buông xuống hết không nổi thì công phu làm sao có thể đắc lực cho được! Phật pháp nói đến chuyện giác ngộ tức là giác ngộ việc này.

b. Nhân duyên quả báo.

Mọi người đều biết chuyện đời vô thường, biết chuyện trong đời không có gì chẳng là nhân duyên quả báo cả, nhưng hiểu không được chắc thật, không cụ thể. Lúc trước lão cư sĩ Ô Dư Khánh đã kể lại một câu chuyện có thật. Vào thời kháng chiến [chống Nhật] bắt đầu, cụ ở Thượng Hải quen một thương gia, ông này làm ăn buôn bán rất thuận lợi, có một người con trai duy nhất, người con này rất nghịch ngợm. Một hôm người con đi học mang theo 10 đồng trong túi, làm rớt tờ giấy 10 đồng này trên đường lộ, lúc đó có một người quen đi ngang nhìn thấy nên lượm lên rồi nói chơi với đứa bé: ‘Em kêu tôi bằng Bác thì tôi trả tiền này cho em’. Đứa bé này trả lời: ‘Nếu ông kêu tôi bằng Bác thì tôi cho ông thêm 10 đồng nữa’. Nghịch ngợm đến như vậy!

Một hôm ông thương gia này ăn mừng sinh nhật và mời rất nhiều bạn bè đến nhà dự tiệc. Hôm ấy ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé này và vô cùng kinh ngạc, ngay lúc ấy liền tuyên bố với mọi người hiện diện ông sẽ giao toàn bộ tài sản cho đứa bé. Sau này ông giải thích với bạn bè rằng toàn bộ tài sản của ông vốn là của một người Đức; lúc trước chiến tranh ông làm việc cho người Đức này, khi ông chủ trở về Đức nhờ ông quản lý dùm công ty. Kể từ đó ông chủ không trở lại [Thượng Hải] nữa và qua đời ở Đức. Hôm ăn sinh nhật ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé hiện ra giống hệt như gương mặt của ông chủ người Đức, từ đó ông mới biết đứa bé này chính là ông chủ người Đức trở lại đầu thai nên ông lập tức trả lại toàn bộ tài sản. Nhờ vậy mà quan hệ cha con mới có thể duy trì.

Đức Phật nói những người trong nhà như cha con, chồng vợ, anh em đều có quan hệ báo ân, báo oán, đòi nợ, hoặc trả nợ nên mới ở chung một nhà. Đứa bé này đến là để đòi nợ, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì thử nghĩ nếu chúng ta có lỗi đối với người, hiếp đáp người, hãm

hại người, nếu người này đầu thai đến nhà chúng ta thì trong tương lai nhất định sẽ làm cho nhà tan cửa nát. Thế nên bất cứ ai trong thế gian đều nhất định không có việc bị thiệt thòi, và cũng không có việc chiếm tiện nghi hoặc lợi dụng người khác được.

Thi ân cho người, giúp đỡ kẻ khác sẽ nhận được báo đền; hiệp đáp người, dày xéo người, sỉ nhục người, hãm hại người cũng sẽ có báo đền. Nếu sự báo đền này chỉ vừa đúng [không hơn, không kém] thì cũng còn được; nhưng sự báo đền luôn luôn quá đáng, biên thành hận thù oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp không nhường nhịn lẫn nhau, oán hận không bao giờ chấm dứt. Chiến tranh giữa quốc gia này với quốc gia khác cũng như vậy. Tuy dân chúng của hai nước không có oán thù gì với nhau, những người có oán thù chỉ là thiểu số, nhưng nếu họ có quyền lực thì sẽ liên lụy đến rất nhiều người cùng chịu tai họa, tổn hại đến tài sản và sanh mạng của nhiều người, tai hại vô cùng, làm sao có đạo lý không đọa địa ngục cho được? Chúng ta hiểu được đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, thì mới biết không nên làm việc này.

Bởi vậy nên lục đạo luân hồi chỉ là ân ân oán oán báo đền lẫn nhau mà thôi, chúng ta hiểu được thì sẽ buông xả, biết được thế gian này không vui chút nào. Chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ ràng, chỉ cho chúng ta một con đường quang minh, rộng lớn, đây tức là Đại thừa Phật pháp, cõi nước chư Phật ở thập phương. Trong pháp Đại thừa, [các Ngài] lại nói cho chúng ta biết một pháp môn đặc biệt, trong số các cõi nước chư Phật thì cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà là cõi nước thù thắng tốt đẹp nhất. Không những đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, trong bản dịch kinh A Di Đà của đại sư Cưu Ma La Thập nói đến sáu phương Phật tán thán; bản dịch kinh Di Đà của Huyền Trang đại sư nói đến mười phương Phật tán thán. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói đến mười phương Phật tán thán. Hết thầy chư Phật Như Lai đều khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ Di Đà. Chư Phật, Bồ Tát không gạt người, chúng ta đừng nên hoài nghi lời nói của chư Phật, Bồ Tát. Từ xưa đến nay kinh điển được trao truyền từ đời này sang đời khác, đích thực là được phiên dịch từ tiếng Phạn ở Ấn Độ, có người phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, chứng thật những kinh điển này có thể tin được.

Cả đời xưa và đời nay những người chiếu theo phương pháp này tu hành được vãng sanh rất nhiều. Chúng ta hãy quan sát điều kiện của họ, nói chung so với chúng ta thì không khác gì mấy, không tốt hơn chúng ta nhiều lắm. Nhưng quan trọng nhất là họ có lòng tin vững chắc, nguyện vọng khẩn thiết, buông xả hết thầy, chắc thật niệm Phật. Họ đã làm được điểm này, trên phương diện này chúng ta còn rất kém, chúng ta phải nỗ lực học tập theo họ.

c. Đoạn ác tu thiện

Đặc biệt là ở thời đại ngày nay, Thiên Chúa Giáo có lời dự đoán, năm 1999 là năm thế giới tận thế, những lời này làm cho người ta rất lo lắng, kinh sợ. Lời dự đoán nói nếu người ta tiếp tục tạo ác không ngừng, tai nạn này có thể trở thành sự thật; nếu có thể đoạn ác tu thiện, hồi tâm chuyển ý, tai nạn có thể hóa giải. Câu

nói này vô cùng linh động, chẳng cứng chắc (*chẳng phải thay đổi không được*), và nói rõ quan hệ vẫn nằm trong tay của con người. Tình hình có thể hóa giải nghĩa là tai nạn có thể giảm bớt, trì hoãn đến sau này. Cách nói này hợp tình, hợp lý, hợp pháp, có thể biết họ cũng có trí huệ rất cao. Đoạn ác tu thiện là việc rất nên làm, [chúng ta] làm không phải là vì muốn tránh tai nạn; không có tai nạn thì cũng phải đoạn ác tu thiện.

Đoạn ác tu thiện phải bắt đầu từ trong tâm. Tâm của chư Phật, Bồ Tát là tâm thuần thiện, tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mà không vì lợi ích cho cá nhân mình. Theo sự quan sát của tôi, Tân Gia Ba ít nhất có mười vị Bồ Tát, thiết đúng với câu: *‘chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ’*. Họ có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, niệm niệm vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, làm nên sự công hiến to lớn. Đời sống của họ tương ứng với Lục Độ Ba La Mật, đây là Bồ Tát trụ thế, hóa thân của Bồ Tát. Tuy vai trò của họ không giống nhau, đúng như kinh điển nói *‘cần dùng vai trò gì để độ thì hiện thân đó, cần dùng phương pháp gì để làm lợi ích cho chúng sanh thì họ dùng phương pháp đó’*. Tất cả hành động của họ đều giữ tâm của Bồ Tát, hành theo Bồ Tát Đạo.

Hy vọng [đồng tu ở] Dallas cũng tổ chức phái đoàn đến đó tham học, học hỏi tinh thần và phương pháp của họ, và cũng hy vọng đạo tràng Dallas này có thể biến thành trung tâm Tịnh Tông ở Mỹ. Chúng ta truyền bá Tịnh Tông đến tất cả địa phương có duyên trên thế giới, đây là lời nói trong nhà Phật: *‘Trong nhà Phật không buông bỏ một người nào cả’*. Chúng ta cũng phải có hoàng nguyện to lớn của chư Phật, Bồ Tát, dốc toàn tâm toàn lực giúp đỡ các vị đồng tu ở mọi nơi. Xin chúc phúc cho chư vị trong Phật thất được đạo nghiệp tăng trưởng, tín nguyện thành tựu, Phật thất kỳ này sẽ thâm thập được hiệu quả tốt đẹp.

18. Làm thế nào để giữ gìn công phu

(Buổi sáng 26-12-98)

Trong quá trình tu học đa số người học Phật đều gặp phải một vấn đề, đó là trong tâm có thể giữ được thanh tịnh lúc niệm Phật trong Niệm Phật Đường, nhưng vừa trở về nhà, về chỗ làm việc thì không thể nào giữ gìn công phu được. Nếu chúng ta hy vọng trong đời này có thể tu học thành tựu thì đây cũng là một vấn đề to lớn, cấp bách, cần phải giải quyết nhanh chóng. Không thể giữ gìn công phu có hai yếu tố: thứ nhất, phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng, không có năng lực khắc phục; thứ nhì, tâm sanh tử không thiết tha. Tại sao tâm sanh tử không thiết tha? Đối với thế gian này nhận thức chưa rõ ràng, không biết thế gian này là hư ảo. Kinh Kim Cang dạy *‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’*, *‘Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, ảnh’*. Trong kinh nói chân tướng sự thật, chúng ta gặp mặt trên mạng lưới internet càng dễ thể hội điều này. Chúng ta nói chuyện với nhau mặt đối mặt trên màn ảnh [máy vi tính], chuyện này cũng là mộng huyễn bọt ảnh, và cũng là một thứ hư vọng, nếu có thể từ

phương diện này mà thể hội thì đã giác ngộ rồi, sau đó mới biết cho dù chúng ta đối diện với nhau thì cũng hư vọng, không chắc thật.

Những gì chắc thật có hay không? Có, nhưng chúng ta không nhìn thấy. Lúc nào mới nhìn thấy? Buông xuống tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông bỏ hết đến mức ‘nhất tâm bất loạn’ thì có thể nhìn thấy sự thật. Chỉ cần chúng ta đạt được nhất tâm bất loạn, cảnh giới chân thật tự nhiên sẽ hiện ra, đây gọi là ‘Nhất Chân pháp giới’ trong Phật pháp.

Nhưng cho dù công phu tu học của mình có tốt hơn, định công sâu hơn nữa, chỉ cần trong tâm còn giữ một cái ‘Nhất Chân pháp giới’ thì sẽ không thấy Nhất Chân pháp giới. Công phu đến mức Tứ Thiên Bát Định vẫn chưa thấy được Nhất Chân pháp giới vì tuy đè nén được phiền não, nhưng vọng tưởng phân biệt chưa đè nén. Đến mức Định Thứ Chín, ra khỏi lục đạo luân hồi, ra khỏi tam giới, sanh đến Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (Phật trong thập pháp giới là Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật trong Tông Thiên Thai) thì cũng chưa thấy được tướng chân thật, nguyên nhân là vì chưa đoạn dứt vọng tưởng, chấp trước. Cần phải nỗ lực thêm nữa, dùng định huệ đoạn dứt phân biệt (Trần Sa phiền não), phá thêm một phần vô minh (tức là vọng tưởng) đến mức này mới ra khỏi thập pháp giới, thấy được tướng chân thật, mới thực sự tương ứng với cảnh giới của quả địa chư Phật Như Lai. Phải mất bao nhiêu công phu mới đến mức này? Ngày nay một chút định lực chúng ta cũng không có!

Thí dụ [hằng ngày] phòng ăn ở Cư Sĩ Lâm có gần hai mươi món ăn, quá nhiều món ăn để trước mặt như vậy là một sự cám dỗ, chỉ thử mỗi món một chút thôi thì cũng no quá chừng. Người niệm Phật ăn đến mức ngày càng mập thêm thì không phải là một chuyện tốt, chúng ta phải tự khắc phục mình, trong nhiều món đồ ăn này chỉ gắp ba bốn món thì thôi. Trong việc ăn uống phải biết chế ngự, ăn cho điều độ thì mới có thể giữ thân tâm khỏe mạnh; không chế ngự nổi thì thân tâm sẽ không khỏe mạnh. Nếu ăn đến mập béo ra thì thân thể sẽ không khỏe mạnh; nhìn thấy những món ăn này rất dễ tăng trưởng tâm tham, lại tạo nên tâm lý không khang kiện. Tu hành là phải tu trong những sự việc này.

Cho nên trong tất cả hoàn cảnh phải biết khắc phục được vọng tưởng của mình, chế ngự phân biệt, chấp trước của mình, hết thấy [những việc này] đều là Phật pháp. Nếu có thể khắc phục, chế ngự được mình thì mới có thể bảo trì [giữ gìn] được công phu; nếu không thể khắc phục được mình thì không thể bảo trì công phu. Những đại đức thời xưa biết được tập tánh của phàm phu rất nặng, khắc phục mình rất khó, nên mới chủ trương, đề xướng ‘*Nương dựa vào, noi theo đám đông*’, mới tụ họp lại tu tập chung với nhau, đốc thúc, cảnh tỉnh, khích lệ lẫn nhau, dụng ý là ở chỗ này.

Đạo tràng tu tập chung với nhau cần phải có đầy đủ nhân duyên, trong đó quan trọng nhất là duyên phận, là phải nhờ vào người xuất gia dẫn đầu; người xuất gia càng nhiều, lòng tin của những người đồng tu sẽ càng tăng trưởng. Vì vậy nên người xuất gia phải phát lòng từ bi, không nệ khó nhọc, lãnh chúng trong

Niệm Phật Đường. Đạo tràng có càng nhiều người xuất gia càng tốt, đây là sự thù thắng trang nghiêm chân chánh của đạo tràng.

Cho nên huân tập ở Niệm Phật Đường trong một thời gian dài, hy vọng là có thể bảo trì được công phu, bất kỳ ở nơi chốn nào, trong gia đình, sở làm đều có thể giữ gìn tâm thanh tịnh, niệm Phật như thế mới gọi là đạt được mục đích.

Ngày nay số người ở Niệm Phật Đường tại Cư Sĩ Lâm ngày càng nhiều, xây dựng và đẩy mạnh phong trào niệm Phật. Những người đến đó niệm Phật rất đông, đến mãi không ngớt, càng ngày càng nhiều. Chúng tôi hy vọng xây dựng một đạo tràng ‘giải hành tương ứng’, mỗi ngày giảng kinh không gián đoạn, niệm Phật không gián đoạn, làm gương cho đạo tràng ở những nơi khác. Thích hợp nhất cho những vị đồng tu đã về hưu, họ buông xuống công việc làm ăn, ở đó trường kỳ tham gia niệm Phật. Những người có gia đình, vẫn còn đang đi làm thì lợi dụng thời gian rảnh rỗi đến Niệm Phật Đường để niệm Phật. Thế nên hiện nay khí phần (*không khí hoàn cảnh tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng tốt đẹp, vô cùng thù thắng. Và cũng vì khí phần tốt đẹp như vậy nên rất nhiều vị đồng tu vui vẻ đi đến, đến rồi đều không muốn đi về. Nếu có thể trụ ở đạo tràng như vậy trong vòng nửa năm, một năm, ba năm thì không thể nào không thành tựu được.

Trong ‘Tịnh Độ Thánh Hiền Lục’, ‘Vãng Sanh Truyện’ chúng ta thấy rất nhiều Bồ Tát vãng sanh bất thoái, thời gian niệm Phật phần nhiều là ba năm. Do đó có thể biết trong vòng ba năm thì có thể thành tựu. Nhưng không thể nói họ niệm Phật hết ba năm thì thọ mạng đều hết, mà vì công phu thành thực nên mới tự tại vãng sanh. Nếu những người có công phu thành thực không vãng sanh mà còn lưu lại trên thế gian này thì chỉ có một nguyên nhân duy nhất là đề độ chúng sanh. Vẫn còn một số chúng sanh có duyên với họ, họ có thể giúp đỡ cho nên lưu lại thêm một thời gian nữa. Nếu không có duyên phần với những người ở đó thì tại sao không đi sớm hơn? Mỗi ngày chúng ta đều mong mỏi, trông về Tây phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày tưởng niệm đức Phật A Di Đà, có thể gặp Ngài sớm hơn thì tốt biết mấy, tại sao cơ duyên đến lại phải kéo thêm vài ngày? Chúng ta muốn đi nhưng đi không được, nếu có năng lực thì đã đi sớm mất rồi.

Chúng ta bình tĩnh suy nghĩ, quan sát người trên thế gian này ai cũng khổ. Chúng ta cảm thấy sanh hoạt, việc làm của mình quá khổ, thật ra những người làm sự nghiệp to lớn còn khổ hơn chúng ta. Gần đây tôi xem cuộn phim ‘Chiến tranh lạnh bắt đầu và chấm dứt’, nói về những người lãnh đạo quốc gia trong nửa thế kỷ vừa qua, mỗi ngày đều phải đề phòng không cho tai họa bộc phát, đặc biệt là những tai nạn do con người gây ra, làm thế nào tìm mọi cách để tiêu trừ [tai nạn]. Họ bận tâm, lo lắng quá nhiều, cuộc sống khổ quá đi thôi. Sau khi tôi coi xong mới biết muốn làm một người lãnh đạo quốc gia, đoàn thể thiệt là không đơn giản chút nào.

Thiệt ra đời sống của những người lãnh đạo có địa vị cao, những người làm ăn buôn bán giàu có không sung sướng chi cả. Nếu bạn đã nhìn thấy rõ ràng, minh bạch thì mới biết đời sống của họ còn sánh không bằng đời sống của một người

ăn xin. Người đi xin ăn khi nào bụng đói thì đi xin ăn, ăn no rồi thì hết chuyện, tùy tiện tìm một chỗ để ngủ, không có bồn chồn lo lắng, [họ] thanh thoi tự tại biết bao! Chuyện đau khổ nhất của con người là chuyện bận tâm quá nhiều, lo lắng quá nhiều, vướng bận quá nhiều, ngày tháng dích thật không thoải mái tí nào. Nếu họ có thể học Phật thì thiệt là phước báo to lớn!

Lúc trước tôi có khuyên đại chúng, gắng sức làm việc kiếm tiền trong một năm để có đủ tiền chi tiêu cho đời sống thì nghỉ không làm việc hai năm, chuyên tâm hết lòng niệm Phật; đây là người có trí huệ, có đại phước báo. Sau hai năm tiền xài hết thì đi kiếm công việc trở lại. Nếu bạn hỏi tìm công việc làm không dễ, đến lúc đó có thể tìm được hay không? Nhất định sẽ tìm được. Tại sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát gia trì cho bạn, bạn nên tin tưởng chư Phật, Bồ Tát. Ở thế gian này nhờ vả người ta không được, nhờ vả Phật, Bồ Tát nhất định có thể được. Nhưng bạn phải có lòng tin tuyệt đối với chư Phật, Bồ Tát, tu học đúng như lý và làm đúng như lời dạy, làm sao không thành tựu được cơ chứ! Đây cũng là một phương pháp bảo trì tâm thanh tịnh.

Nói tóm lại nguyên tắc quan trọng nhất để giữ tâm thanh tịnh là:

Thứ nhất phải có lòng tin vững chắc muốn rời khỏi Sa Bà, cầu sanh Tịnh Độ, đây là chân tâm.

Thứ nhì tuyệt đối đừng bị thế gian cám dỗ, có thể buông xuống, buông xả hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian.

Trong tất cả pháp thế gian và xuất thế gian chỉ lựa chọn một pháp mà mình cần, tuyệt đối không chọn quá nhiều, có câu rằng *‘biết đủ thì thường vui’*. Tâm của bạn sẽ định, sẽ thanh tịnh; mới có thể bảo trì tâm thanh tịnh trong thời gian dài mà không mất. Điểm này vô cùng quan trọng. Những người tu hành thời xưa có thành tựu đều là nhờ yếu tố này. Có thể khắc phục dục vọng của mình, khắc phục vọng tưởng của mình, thiệt có thể làm đến mức nói trong kinh Kim Cang: *‘Không chấp vào tướng, như như chẳng động’*. Trong đời sống chỉ lấy những gì mình cần dùng là đủ, như vậy mới không bị cám dỗ, mới giữ được tâm thanh tịnh.

19. Không chế và chiếm lấy (Buổi sáng 30-12-98)

a. Đạo dưỡng sinh

Người xưa dạy chúng ta: *‘Buổi sáng phải ăn cho tốt, buổi trưa phải ăn cho no, buổi tối phải ăn ít’*. Đây là đạo dưỡng sinh và cũng là một nguyên tắc của sự hấp thụ dinh dưỡng. Chân chánh biết đạo dưỡng sinh nói theo nhà Phật thì phải biết ‘dưỡng tâm’, vì tâm có thể sanh ra rất nhiều pháp, tâm là pháp năng sanh (*pháp có thể sanh*), thân là pháp sở sanh (*pháp được sanh*), cho nên tâm thanh tịnh thì thân sẽ thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh bên ngoài sẽ thanh tịnh, đây là một đạo lý nhất định. Nhưng rất ít người trong thế gian hiểu được đạo lý này, vẫn ráng sức tìm cầu để bù đắp dinh dưỡng từ bên ngoài.

Người tu hành chân chánh đối với dinh dưỡng cho thân thể không tìm cầu ở bên ngoài mà hoàn toàn hướng về bên trong. Trong kinh nói người trên cõi Sắc Giới trở lên dùng ‘thiền duyệt’ làm thức ăn, thiền duyệt là từ tự tánh lưu xuất, không phải cầu được từ bên ngoài. Cho nên đức Phật nói năm thứ ‘tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ’ đều có thể bỏ được. Năm thứ này được gọi là ‘ngũ cái’ (*năm thứ che đậy*), nó che phủ tâm tánh, trí huệ, đức năng của chúng ta, làm cho trí huệ, đức năng của chúng ta không thể hiện tiền. Năm thứ này là dục vọng, nếu sanh tâm tham đắm năm thứ này thì phiền não chỉ gia tăng mà không giảm bớt, làm sao đoạn dứt phiền não được?

Đức Phật dạy đệ tử nhất định đừng phân biệt, chấp trước đối với thức ăn. Ngày xưa lúc đức Phật còn tại thế đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy, vả lại chỉ cho phép đi khát thực bảy nhà, nếu bảy nhà này cho không đủ hay không cho thì phải đi về tu thiền định. Cách làm này là để giúp chúng ta khắc phục dục vọng, tâm tham, và phiền não; chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Vì chúng ta có thân thể cho nên phải [ăn uống để] hấp thụ dinh dưỡng, không thể không duy trì sự khỏe mạnh của thân thể. Nếu thân thể không khỏe mạnh, phải nhờ người khác săn sóc, cư ngụ trong đạo tràng cũng phải làm nhọc [chúng] thường trụ, như vậy không tốt. Nhưng phải hiểu đạo lý khỏe mạnh là do tâm thanh tịnh. Đối với mình tuyệt đối phải giữ tâm cho được thanh tịnh, thanh tịnh vô vi; đối với người, với sự, với vật cần phải có tâm đại từ đại bi, vô sở bất vi (*không từ khước làm bất cứ thứ gì*), được vậy chúng ta mới có thể dùng hành động để phục vụ đại chúng, giúp đỡ đại chúng. Đây đều là lời thánh nhân thế gian và xuất thế gian chỉ dạy cho chúng ta.

b. Không chế và chiếm lấy

Nhưng ái tâm (*tâm thương mến*) là nghĩa vụ, nhất định không được chiếm lấy. Cho dù rất thương mến con cái và người thân của mình, tâm này của phàm phu cũng không thể gọi là từ bi, vì nó có chứa đựng tâm niệm không chế, chiếm lấy ở trong. Mỗi [khi khởi lên một] tâm niệm [gì] đều muốn điều khiển, không chế, chiếm lấy tất cả người, sự, và vật, như vậy là sai lầm. Sai ở chỗ nào? Đức Phật dạy chúng ta: ‘*năng sở giai không, liễu bất khả đắc*’ (*năng và sở đều là không, trọn chẳng thể lấy được, có được*). Trong sáu trăm quyển kinh Bát Nhã, ba chữ ‘bất khả đắc’ (*không thể lấy được, có được*) đã lập đi lập lại trên ngàn lần, đó là muốn cho chúng ta ghi nhớ kỹ ‘bất khả đắc’ là chân tướng sự thật, nếu cứ tưởng tất cả có năng đắc, có sở đắc (có cái năng được, có cái để mình lấy được), đó đều là ngu si, vô minh.

Nếu hiểu thấu tất cả pháp đều không thể có được, năng và sở đều không thể đạt được thì bạn sẽ giải thoát. Dùng danh từ hiện nay để nói thì ‘giải thoát’ tức là tâm lý không có ràng buộc, lo lắng, bận bịu, tâm của bạn được tự tại, buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lý do việc gì chúng ta cũng buông xuống không được chính là vì ngu si chưa bị phá trừ, vẫn còn cho là ‘có

năng đặc, có sở đặc’, trong tâm còn bị ràng buộc, còn lo âu cho nên sinh sống rất khổ sở, công phu tu học cũng không đặc lực.

Chư Phật Như lai ứng hóa trong thế gian, tất cả những việc làm, hành động đều là *‘Phật sự trong mộng, đạo tràng như bóng trăng dưới nước’*. Đạo tràng được xây dựng càng lớn, càng huy hoàng, người giác ngộ đều xem là hoa trong gương, ánh trăng dưới nước, không có chút gì chấp trước, keo tham, như vậy mới được đại tự tại, đó mới là sự hưởng thọ cao độ. Trong sanh hoạt đối với tất cả người và vật nếu có những sự thọ dụng, tuyệt đối không được không chế, đừng có tâm niệm chiếm lấy, như vậy mới sống một đời sống của Phật, Bồ Tát; sự khác biệt của phàm phu và Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Phàm phu thì mỗi tâm niệm đều muốn không chế, điều khiển người khác, mỗi tâm niệm đều muốn chiếm lấy tất cả, cho nên trong tâm cứ lo được, lo mất, âu lo phiền não vĩnh viễn không dứt, sống trong những ngày tháng như vậy rất khổ sở.

Còn chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi nhất định viên mãn hàm nhiếp ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác’. Bất cứ một điều trong năm chữ này đều chứa đựng bốn điều kia, như vậy mới là *‘một là tất cả, tất cả là một’*. Nếu tâm từ bi không thanh tịnh, không bình đẳng thì đây là một trong bốn loại ‘ái duyên từ bi’ nói trong Phật pháp. Đây là từ bi của phàm phu, vẫn còn không chế, chiếm lấy, không có bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây không phải là đại từ đại bi. ‘Ái duyên từ bi’ hướng lên trên là ‘chúng sanh duyên từ bi’, ‘pháp duyên từ bi’, lên nữa là ‘vô duyên từ bi’, đại từ đại bi tức là ‘vô duyên từ bi’. Vô duyên tức là không điều kiện, không yêu cầu đòi hỏi, không có chiếm lấy, không có không chế, đó là đại từ đại bi của chư Phật và Pháp Thân Đại Sĩ. ‘Vô duyên từ bi’ có đầy đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Nếu chúng ta dùng tâm này để xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với sự vật, thế thì trong lúc xử sự, đối người, tiếp vật đã chứng quả rồi. Giống như ‘nhập đại giải thoát môn’ (vào cửa giải thoát to lớn) nói trong kinh Hoa Nghiêm, thế thì thành Phật rồi. Chữ đại ở đây cũng có nghĩa là Đại thừa, cửa giải thoát nhỏ là A La Hán, bậc thánh của Tiểu Thừa.

c. Đọc kinh nghe pháp quan trọng

Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng, tập khí, phiền não vô cùng sâu nặng, rất khó đoạn dứt, chỉ có dùng phương pháp giác ngộ mới có thể đoạn dứt. Vì vậy cho nên đọc kinh, nghe pháp vô cùng quan trọng, một ngày cũng không thể gián đoạn. Chúng ta không phải là người có thượng căn, lợi trí (*đầu óc lanh lợi bén nhạy*), không thể chỉ lắng nghe, học tập trong một thời gian ngắn mà có thể khai ngộ. Người trung và hạ căn muốn đạt được ích lợi ngay trong một đời, chỉ có phương pháp duy nhất là đọc kinh, nghe pháp, huân tu trong thời gian dài mới có thể nhập vào cảnh giới ‘nhập Phật pháp’ nói trong kinh Hoa Nghiêm. Nhập Phật pháp tức là giác ngộ, đây là đạt được lợi ích chân thật.

d. Quản sự bận tâm

Tôi là một người phạm, là người căn tánh trung hạ, hôm nay có được chút đỉnh thành tựu này, có được chút đỉnh trí huệ này đều là do đọc kinh, giảng kinh hằng ngày trong suốt bốn mươi mấy năm qua. Có một số đại đức cũng giảng kinh nhưng ngoài việc giảng kinh ra họ còn phải quản sự (quản lý sự việc); quản sự phải lo lắng, bận tâm, ít nhiều cũng gây ra chướng ngại cho mình. Duyên phần của tôi trong đời này rất thù thắng, cả đời ‘không quản lý người, không quản lý sự việc, không quản lý tiền bạc’, cho nên sự việc trong thế tục đối với tôi không gây chướng ngại, mới có được chút đỉnh thành tựu này, đây cũng là việc tôi hiện thân thuyết pháp làm gương cho mọi người.

Người như thế nào có thể quản lý sự việc? Phải có tâm thanh tịnh. Cho nên ngày xưa những vị quản sự trong chùa chiền, tông lâm đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tái lai. Chúng ta không phải thánh nhân ứng hóa, chúng ta đích thực là phạm phu. Nếu phạm phu đi làm việc tức là xả kỷ vị nhân (*hy sinh mình để phục vụ cho người khác*) thế thì cũng đáng được ngưỡng mộ, kính phục. Tuy hy sinh định huệ của mình để phục vụ đại chúng, nhưng nhất định phải giữ giới cho được thanh tịnh, đây mới là tu phước báo chân chánh. [Giữ] giới thanh tịnh tức là chăm sóc phục vụ cho đại chúng đúng như lý, như pháp, không có tâm riêng tư, dùng tâm chân thành, lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ hết thảy đại chúng tu học đàng hoàng.

Hàn Quán Trưởng là hạng người này, bà không phải là Phật, Bồ Tát hóa thân đến, bà sáng lập xây dựng đạo tràng, thành tựu cho đại chúng, có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta báo đáp cho bà được thể hiện [một cách trọn vẹn] lúc bà lâm chung, chúng ta tiễn đưa bà vãng sanh, đây là báo ân một cách trọn vẹn, lớn lao. Nhưng duyên như vậy rất khó được, không phải người nào cũng có duyên phần tốt như vậy, cơ hội tốt như vậy. Nếu bà không vãng sanh được thì đời sau sẽ hưởng phước báo to lớn, làm quốc vương đại thần, trưởng giả cự phú. Nhưng phước báo ở thế gian cho dù làm đến Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương thì vẫn còn ở trong vòng lục đạo luân hồi, thoát không khỏi tam giới, cho nên phước báo như vậy chẳng rốt ráo viên mãn. Ngày nay chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch thì chỉ có vãng sanh bất thoái thành Phật mới là chân thực [rốt ráo, viên mãn].

d. Học sống qua ngày

Tu học tức là học làm thế nào sống qua ngày, biết làm thế nào đối với mình, đối với người. Đối với mình tuyệt đối phải thanh tịnh, từ bi, chuyên tu chuyên hoằng; đối với người nhất định phải chân thành, thanh tịnh, từ bi, phải làm được vô duyên [từ bi], không có điều kiện. Nhất định đừng có tâm niệm khống chế [bắt buộc người ta luôn luôn phải làm theo ý của mình], đừng giữ tâm niệm chiếm lấy, đối với tất cả mọi người, mọi sự, mọi vật, phải buông bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây là trí huệ, đây là công đức, sánh với phước đức còn thù thắng hơn nhiều. Hy vọng mọi người đều khích lệ khuyến tấn lẫn nhau, y giáo phụng hành.

B. LUẬN SỰ TỬ SANH TRỌNG ĐẠI

1. Tử sanh đại sự (Buổi sáng 20-12-98)

Lần trước chúng ta thăm viếng giáo hội đạo Islam (Hồi Giáo) có được tiếng vang rất tốt. Từ đó có thể thấy xã hội đại chúng chẳng phân chủng tộc, biên giới quốc gia, chẳng phân tôn giáo tín ngưỡng, mọi người đều hy vọng xã hội an định phồn vinh, thế giới hòa bình. Việc này ấn chứng cho sự suy nghĩ và cách làm của chúng ta là chính xác. Cho nên phải nỗ lực tinh tấn thêm, làm cho văn hóa đa nguyên kính trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, giúp đỡ hợp tác, nỗ lực đẩy mạnh sự nghiệp cùng tồn cùng vinh này.

Chuyện này là Phật sự, Phật sự là sự nghiệp giác ngộ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Việc chúng ta làm chính là giúp đỡ chúng sanh mở rộng tâm lượng, thương mình thì càng thương người; thương gia đình mình thì càng yêu thương xã hội, tiêu trừ hết thảy những sự hiểu lầm, mâu thuẫn, xung đột đê cùng nhau đạt đến mục tiêu hòa bình. Chúng ta đẩy mạnh chuyện này nhất định phải dựa căn bản trên ‘tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi’, đây mới là Phật sự, mới là sự nghiệp của Bồ Tát.

Đối với bản thân của chúng ta nhất định phải có sự cảnh giác cao độ. Hàn Quán Trưởng từ lúc sanh bệnh đến lúc vãng sanh đều tinh tảo, việc này rất khó được. Bà hiện thân thuyết pháp và nói cho chúng ta biết một người lúc lâm chung ngay cả trở mình [nằm lật qua tư thế khác] cũng chẳng làm nổi, cũng cần phải có người giúp đỡ. Chuyện này làm tôi nghĩ đến [cho dù] người trong thế gian có phước báo lớn hơn, quyền lực lớn hơn thì lúc lâm chung vẫn phải chịu sự sắp đặt của người khác, chẳng có cách nào lìa khỏi hoàn cảnh nguy hiểm này. Phật dạy chúng ta lúc bấy giờ là thời khắc quan trọng nhất của một đời người, quan hệ đến đời sau sẽ sanh vào chốn nào.

Duyên của Hàn Quán Trưởng thù thắng, được ba mươi mấy vị xuất gia dùng tâm chân thành, thanh tịnh niệm Phật giúp cho bà, bảo vệ bà, cho nên từ lúc bà sanh bệnh đến lúc vãng sanh chúng tôi nhìn thấy được rất nhiều tướng lành. Thứ nhất, kinh Địa Tạng nói lúc người ta lâm chung sẽ nhìn thấy những thân bằng quyến thuộc đã qua đời, những người này chẳng phải là bà con thiệt mà là những oan gia chủ nợ của mình biến ra quyến thuộc để dụ dỗ, trả thù mình. Chuyện này xảy ra rất nhiều. Từ lúc Hàn Quán Trưởng sanh bệnh đến vãng sanh chẳng có hiện tượng này, đây là nhờ chúng tôi bảo vệ được hiệu quả. Thứ hai, bà nhìn thấy đức Phật A Di Đà hai lần, nhìn thấy Liên Trì hải hội một lần nên bà khẳng định đã vãng sanh Tịnh Độ. Sự thị hiện của bà cảnh giác chúng ta, bà có phước báo nên lúc lâm chung được nhiều người có niềm tin chân chánh, chăm sóc đúng lý đúng pháp, đây là quả báo bà có được sau ba mươi năm hộ trì chánh pháp. Sau này mỗi lần giảng kinh tôi đều hồi hướng cho bà, tôi luôn luôn ghi nhớ chẳng quên sự giúp đỡ của bà lúc trước, ân đức của bà giúp cho tôi thành tựu.

Chúng ta quay lại thử nghĩ về mình, ngày này chắc chắn sẽ đến, lúc đó nếu mình không có phước báo, duyên phận như bà thì phải làm sao đây? Đây là việc quan trọng nhất trong đời của mình, chẳng thể không chuẩn bị trước. Từ xưa đến nay có không ít người niệm Phật thị hiện cho chúng ta, thị hiện lúc lâm chung chẳng có bệnh khổ cho chúng ta xem, chẳng cần phải nhờ người khác chăm sóc, dự biết thời giờ ra đi, tự tại vãng sanh. **Chúng ta nhất định phải đi theo con đường này thì mới đáng tin cậy, mới chắc ăn.**

Cuốn ‘Ảnh Trần Hồi Ký Lục’ ghi pháp sư Đệ Nhàn có người đệ tử niệm Phật vãng sanh, vị này trước khi xuất gia làm thợ vá nôi. Người này cả đời sinh sống vô cùng khốn khổ, trung niên xuất gia, chẳng biết chữ, và cũng chưa được nghe giảng kinh, việc gì cũng chẳng biết. Pháp sư Đệ Nhàn chỉ dạy cho ông niệm một câu ‘Nam Mô A Di Đà Phật’ và nói với ông: *‘Ông cứ niệm riết câu này, niệm mệt thì nghỉ, hết mệt thì niệm tiếp tục, tương lai chắc chắn sẽ có lợi ích’*. Ông này là người nhà quê, thật thà chất phác, chẳng có vọng tưởng tạp niệm, chịu nghe lời dạy và niệm tới cùng. Ông niệm được ba bốn năm thì thành công. Chẳng có bệnh khổ, dự biết trước giờ ra đi, sau khi vãng sanh còn đứng ba ngày chờ pháp sư Đệ Nhàn đến để lo hậu sự cho ông. Cụ Đệ khen ông và nói: ‘Kể ra thì ông chẳng uổng phí đã một phen xuất gia, ông làm được như vậy ngay cả những đại hòa thượng, phương trượng trụ trì, đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp đều chẳng sánh bằng ông’, đây là sự thật.

Tại Đài Bắc Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, Đài Loan, cư sĩ Lý Tế Hoa vãng sanh cũng là tấm gương tốt cho chúng ta. Lý cư sĩ dự biết trước giờ vãng sanh, trước lúc vãng sanh đã khẩn thiết khai thị cho mọi người trong pháp hội, nói xong thì chào biệt mọi người và nói: ‘Tôi sẽ về nhà’. Thính chúng cứ tưởng là ông mệt rồi nên muốn về nhà nghỉ ngơi, đâu ngờ ông ngồi trên ghế dài trong phòng khách Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, ngồi được một chút thì vãng sanh.

Đây là hai chuyện thật, một vị là người xuất gia, vị kia là người tại gia, họ đã làm được thì chúng ta cũng có thể làm được, chúng ta phải học theo. Chỉ có dùng phương thức này mới thiết là an toàn, chẳng phải nhờ người khác sắp đặt, lúc người ta sắp đặt nếu duyên chẳng tốt đẹp thì nhất định sẽ bị nạn.

Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật thì phải nghĩ xem những gì gây chướng ngại cho chúng ta, san bằng những chướng ngại này thì chúng ta cũng có thể sanh tử tự tại. Có thể làm được việc này tức là việc mà trong Phật pháp gọi là: *‘chuyện cần làm đã làm xong’* (sở tác dĩ biện), những chuyện gì mình cần làm đều đã làm xong xuôi, sau đó mới yên tâm đi làm những chuyện lợi ích cho chúng sanh. Nếu chuyện của mình làm chưa xong, có thể hy sinh mình giúp cho người thì cũng là một chuyện tốt, nhưng những gì mình làm lúc bấy giờ đều là phước báo, vẫn chẳng thể thoát ra khỏi lục đạo. Nếu ‘chuyện cần làm đã làm xong’ tức là nhất định đã nắm chắc việc vãng sanh, thì làm các sự việc giúp đỡ hết thảy chúng sanh mới là công đức chân thật, chẳng phải thọ báo trong tam giới. Cho nên nhất định phải nhắc nhở chính mình, bất luận là giờ nào chốn nào, trong bất cứ trạng huống nào tự mình phải nắm chắc vãng sanh được, tránh hết tất cả đau khổ, tất cả những

dày vò do người tạo nên. Nếu muốn làm được điểm này thì nhất định phải ‘nhìn thấu, buông xuống’.

Địa Tạng Kinh Khoa Chú Luân Quán nói: ‘*Một niệm tự tánh, thể vốn trạm tịch*’²⁵. Nếu thật sự niệm niệm đều tương ứng với tánh thể trạm tịch, hết thảy tác dụng có thể tương ứng với tâm tánh, thì mới nắm chắc việc vãng sanh. Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói còn rõ hơn nữa: ‘*Vốn là chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*’²⁶, hai câu này nói về tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh chẳng nhiễm, tâm địa thanh tịnh chẳng vương bận, trong tâm ‘vốn chẳng có một vật’. Dùng tâm thanh tịnh nhất tâm niệm Phật thì việc này có thể làm được.

Nhất định phải hiểu rõ hết thảy pháp thể gian và xuất thế gian đều là giả hết, thân thể của chúng ta cũng giả. ‘*Mượn giả để tu chân*’, vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới là chân, trừ việc này ra thì hết thảy đều là giả, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Hiện nay tai nạn dồn dập, chúng ta phải tu nhanh lên, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Buông xuống vạn duyên là đoạn hết thảy ác, dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật là tu hết thảy thiện. Tự mình nắm chắc có thể vãng sanh rồi mới dốc toàn tâm toàn lực khuyên người khác, thị hiện cho người khác làm tấm gương tốt, đó là việc thiện nhất trong những việc thiện, chẳng có việc thiện nào lớn hơn việc này. Không chỉ có người học Phật nhìn thấy làm cho họ phát tâm muốn xuất ly; trong văn hóa đa nguyên những người chưa có dịp tiếp xúc với Phật pháp nhìn thấy cũng sẽ động tâm, cũng sẽ quay lại hết lòng học tập, đây là chuyện nhà Phật thường gọi là ‘phổ độ chúng sanh’. Hy vọng chúng ta khuyến khích lẫn nhau, hết lòng nỗ lực làm cho bằng được.

2. Kể chuyện vãng sanh (Buổi sáng 22-12-98)

Mọi người ở đây kết thất niệm Phật cần phải hiểu rõ ý nghĩa của việc kết thất niệm Phật. Trong bảy ngày này chúng ta hy vọng đạt được kết quả gì thì bảy ngày này mới chẳng luống uổng.

Chúng ta sinh sống trong thời đại hiện nay, nếu có trí huệ thì nhất định sẽ có cảnh giác cao độ. Con người sống trong thế gian bất quá chỉ được mấy chục năm ngắn ngủi, búng ngón tay thì đã trôi qua mất rồi, bình tĩnh quan sát mới biết đó chỉ là một con số không [to tướng], đây là sự thật. Sự hạnh phúc quý báu nhất của người ta trong đời là không tạo ác nghiệp. Nếu có thể không tạo ác nghiệp, tương lai nhất định sẽ sanh vào cõi lành, cõi tốt đẹp.

Người xưa nhắc nhở người tu hành như chúng ta cần phải có ‘tiền hậu nhân’. Tiền hậu nhân nghĩa là biết quá khứ, nhìn thấy tương lai, không chỉ tập trung ở hiện tại. Điểm này vô cùng quan trọng.

²⁵ (Nhất niệm tự tánh, thể nguyên trạm tịch)

²⁶ (Bỏn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai)

Lúc Hàn Quán trưởng vãng sanh đã cho chúng ta rất nhiều bài học, **nhắc nhở chúng ta ‘tử sanh sự đại’ (việc sanh tử vô cùng quan trọng). Chúng ta cần phải có cảnh giác cao độ, đến lúc lâm chung tự mình phải làm chủ được mình, được như vậy thì tiền đồ mới xán lạn. Nếu lúc lâm chung tự mình không làm chủ được, phải chịu sự sắp xếp của người khác, cho dù có rất nhiều người lo lắng chăm sóc, nhưng những gì mình cảm xúc chưa chắc sẽ được toại ý. Đời sau đi về đâu đều quyết định ở một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là tham, sân, si thì sẽ đi vào ác đạo. Chuyện này dễ sợ vô cùng!**

Hàn Quán trưởng có phước báo, từ lúc sanh bệnh đến lúc vãng sanh được ba mươi mấy vị xuất gia có tâm địa thanh tịnh, suốt ngày đêm ở bên giường bệnh niệm Phật và chăm sóc; sau khi vãng sanh [họ trợ] niệm suốt bốn mươi chín ngày đêm không ngừng, ngay cả những vị xuất gia, đại pháp sư cũng không làm được việc này. Ngay cả lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung cũng sánh không bằng, lúc thầy Lý sanh bệnh chỉ là do vài người học trò chăm sóc, không có nhiều người xuất gia đáp y đầy đủ oai nghi giúp đỡ. Phước báo này là một nhân duyên hiếm hoi! Đây là quả báo của bà đã hộ trì chánh pháp suốt ba mươi năm, cho nên bà có thể vãng sanh Tịnh Độ một cách vô cùng thuận lợi -- trợ duyên quá thù thắng, tốt đẹp!

Suy nghĩ trở lại, tương lai lúc chúng ta vãng sanh có được duyên phận thù thắng như vậy hay không? Điều này chúng ta cần phải cảnh giác đến, đây thật là một việc lớn lao nhất trong đời này. **Trong trường hợp và hoàn cảnh hiện tại, phương pháp [an toàn nhất] là tự mình phải nhất quyết tu học cho được thành tựu, không cần nhờ người khác, lúc vãng sanh không bị bệnh khổ, dự biết trước thời giờ ra đi, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, nằm vãng sanh, tùy ý muốn của mình, đây là sanh tử tự tại, được vậy chúng ta mới không bỏ uổng đời này.** Mọi người tham dự Phật thất niệm Phật phải hiểu rõ, nắm chắc tông chỉ này, chúng ta đến đây là để huấn luyện thêm, học tập để tương lai tự tại vãng sanh.

Trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện có ghi rất nhiều người tự tại vãng sanh, số người không được ghi chép lại còn nhiều hơn. Gần đây trong quyển Niệm Phật Luận của lão pháp sư Đàm Hư, Ngài nói đã chứng kiến tận mắt hơn hai mươi mấy người vãng sanh, [số người vãng sanh] nghe nói đến còn nhiều hơn. Trong quyển Niệm Phật Luận, Ngài thuật lại bốn chuyện vãng sanh, trong đó người xuất gia có pháp sư Tu Vô ở chùa Cực Lạc, Harbin (*miền Đông Bắc Trung Quốc*), người tại gia có cư sĩ Trịnh Tích Tân và người em của ông, người thứ tư là cư sĩ họ Trương ở chùa Trạm Sơn.

Pháp sư Tu Vô là một người cực khổ cả đời và mù chữ; trong pháp hội truyền giới ở chùa Cực Lạc thầy phát tâm giúp đỡ săn sóc cho người bệnh. Pháp hội truyền giới còn chưa kết thúc, thầy Tu Vô dự biết trước thời giờ đã đến, niệm Phật vãng sanh. Trước lúc vãng sanh ngài nhắc nhở đại chúng ‘*có thể nói mà không thể làm thì chẳng phải trí huệ chơn thật*’.

Cư sĩ Trịnh Tích Tân là một người làm ăn buôn bán, được dịp nghe lão pháp sư Đàm Hư thuyết pháp nên rất vui vẻ, tán thán. Sau này nghỉ buôn bán, học giảng kinh Di Đà, ông đi đến nhiều nơi giảng kinh và khuyên người niệm Phật. Ông không sanh bệnh, ngồi mà vãng sanh. Một hôm sau khi giảng kinh xong ông nói với đại chúng: ‘Tôi phải đi đây’, thật là siêu thoát! Thật là tự tại! Người em của ông lúc trước cứ cho rằng ông học Phật quá mê lắm, sau khi nhìn thấy ông tự tại vãng sanh nên tỉnh ngộ và cũng siêng năng, thật thà niệm Phật. Ba năm sau người em của ông cũng vãng sanh, lúc vãng sanh mang bệnh nhẹ.

Gia đình cư sĩ Trương ở chùa Trạm sơn vô cùng nghèo túng, chồng bà làm nghề kéo xe chở khách. Bà làm công quả trong những pháp hội niệm Phật ở chùa Trạm Sơn, cả ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn. Bà dự biết trước ngày giờ vãng sanh, hôm đó bà dặn dò chồng phải chăm sóc cho con xong rồi an nhiên ngồi trên giường mà vãng sanh. Đây là tấm gương tốt cho những người học Phật chúng ta, không cần phải nhờ cậy người khác giúp đỡ, tự mình thiết nắm chắc [có thể tự tại vãng sanh].

Ngoài ra cụ Đàm [Hư] còn kể chuyện một học trò của lão pháp sư Đê Nhàn, ông này là thợ vá nồi và không biết chữ. [Người này là bạn chơi thân với lão pháp sư lúc nhỏ, đến xin xuất gia vì đời sống quá cực khổ, muốn tìm lối thoát. Sau khi cho ông xuất gia], cụ Đê [Nhàn] dạy ông đến một ngôi miếu đồ nát ở miền quê gần Ôn Châu, tìm vài người hộ pháp săn sóc [việc ăn uống] cho ông. Cụ Đê chỉ dạy cho ông niệm một câu ‘A Di Đà Phật’, dạy ông thật thà niệm câu Phật hiệu này, niệm đến mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong thì niệm tiếp tục. Ông niệm trong vòng ba đến bốn năm thì thành công; ông đứng mà vãng sanh, còn đứng ba ngày sau khi vãng sanh [để đợi lão pháp sư Đê Nhàn đến lo hậu sự]. Thật là vô cùng tự tại! Cụ Đê khen ông: ‘So với những đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp, những vị phương trượng trụ trì, [sự thành tựu của] ông vượt trội hơn họ quá nhiều, quá nhiều!’

Phẩm vị vãng sanh của những người này không phải ở Trung phẩm, Hạ phẩm mà là ‘Thượng phẩm vãng sanh’ nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Họ có thể làm được là vì họ đã buông xả danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Ngày nay chúng ta làm không nổi là vì buông xả chẳng nổi những sự quyến rũ, khó là khó ở chỗ này. Nên biết danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều là giả hết, đã hại chúng ta đời đời kiếp kiếp kẹt mãi trong lục đạo luân hồi, đọa lạc trong ác đạo chịt hết bao nhiêu khổ nạn.

Cho nên mới nói người đời nay ‘ngu si’, không những không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà còn không có khả năng phân biệt những thứ tà chánh, thiện ác, lợi hại. Không biết tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần tai hại vô cùng; chỉ có buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật là việc thiện lớn nhất. Đây là lời kinh dạy: ‘*Đoạn dứt tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện*’, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của nó.

Trong đời này mỗi vị đồng tu có thể đạt được sự thành tựu thù thắng nhất hay không? Có thể. Thiện Đạo đại sư nói: *‘Chín phẩm vãng sanh đều là do gặp duyên chướng đồng’*. Chúng ta đã gặp được nhân duyên thù thắng, gặp được Phật pháp Đại thừa, gặp được Tịnh Tông, gặp được bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ, gặp được đồng tham đạo hữu tốt, nếu trong đời này không thể thành tựu thì đó là vì tập khí phiền não của mình quá nặng, cứ mỗi ngày tạo nghiệp như cũ.

Khi khởi tâm động niệm đều vì mình là tạo nghiệp. Ngôn ngữ gây tổn hại cho người khác, thị phi nhân ngã đều là khẩu nghiệp. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến tam nghiệp, đặt khẩu nghiệp ở hàng đầu: *‘khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác’* tức là cảnh giác chúng ta khẩu nghiệp quan trọng nhất, dễ phạm nhất. Nhìn thấy chúng sanh có lỗi làm điều không thể nói đến; nếu [người ta] không có lỗi mà mình đặt chuyện, và còn hoài nghi người ta có lỗi thì tội nghiệp này còn nặng hơn.

Người tu học còn chịu ảnh hưởng của phiền não tập khí [tích lũy] từ vô lượng kiếp đến nay nên thoái chuyển rất dễ dàng, tinh tấn rất khó khăn. Thế nên những vị đại đức, tổ sư ngày xưa đề xướng tu tập chung, kết Phật thất để cùng nhau niệm Phật, nương vào đại chúng để tu tập, đó là đạo lý của việc tu tập chung.

Niệm Phật Đường ở Tân Gia Ba càng ngày càng thù thắng, từ mùng một tháng Giêng đến 30 tháng Chạp (tháng 12), mỗi ngày niệm Phật 24 giờ đồng hồ không gián đoạn, đây là Phật thất [kéo dài] quanh năm. Giảng đường mỗi ngày giảng kinh hai giờ, 365 ngày trong năm không gián đoạn, thiết đứng là giải và hành đều quan trọng như nhau, đều cùng nhau tu Định và Huệ. Lão hòa thượng Tịch Độ ở Ngũ Đài Sơn, lão hòa thượng Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, lão hòa thượng Minh Sơn ở chùa Định Huệ, Tiêu Sơn, Trung Quốc, đều tán thán đạo tràng này là ‘đạo tràng hạng nhất trên thế giới’.

Mọi người ở Cư Sĩ Lâm từ trên xuống dưới đều hòa thuận, ai cũng thường nở nụ cười tươi, chúng ta ở đây có thể nhìn thấy việc *‘thường sanh tâm hoan hỷ’* nói trong kinh. Hy vọng mọi người có cơ hội đến Tân Gia Ba tham học, đem phương pháp tu học ở đây phổ biến đến khắp nơi trên thế giới, để mọi nơi đều có thể xây dựng đạo tràng như vậy. Chúng ta nỗ lực hết lòng tu học, không những tự mình trong đời này nhất quyết vãng sanh, chúng ta còn có thể đem lại sự an định cho xã hội, hòa bình cho thế giới, đây là công đức chân thật, tự hành hóa tha nói trong nhà Phật. Hy vọng mọi người hãy siêng năng tinh tấn niệm Phật.

C. KHUYẾN TIN SÂU NHÂN QUẢ

1. Chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh đang bị khổ nạn như thế nào. (Buổi sáng 14-11-98)

Những năm gần đây, tai nạn ngày càng nhiều, đời sống chúng sanh ngày càng khổ, từ đây trở về sau sẽ càng nghiêm trọng hơn. Có người hỏi tôi: ‘Phật, Bồ Tát đại từ đại bi làm sao đến cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn?’. Những

lời nói này chẳng sai nhưng ý nghĩa chân chánh trong đó hoàn toàn bị hiểu sai. Chư Phật, Bồ Tát từ bi cứu độ, chẳng phải nói chúng sanh thiếu thốn đồ ăn, quần áo, Phật liền tặng lương thực, cho quần áo. Phật giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, làm cho chúng sanh hiểu rõ nguyên nhân của tai nạn, sau đó tiêu trừ nguyên nhân ấy, vậy thì quả báo tai nạn sẽ tiêu trừ, đó mới là chân chánh cứu độ chúng sanh. Muốn được hạnh phúc mỹ mãn, tự tại khoái lạc, những thứ này đều là quả báo, quả nhất định phải có nhân; Phật, Bồ Tát dạy chúng ta tu nhân, tu nhân thiện nhất định được quả thiện, ấy mới là đạo lý đúng đắn, cứu độ thực sự.

Lòng từ bi của Thế Tôn được biểu hiện trong cả đời của Ngài. Phật là Phước Huệ Nhị Túc Tôn, nghĩa là cả phước báo lẫn trí tuệ đều viên mãn. Phước báo đã viên mãn thì tại sao chẳng thị hiện hưởng phước? Kinh Vô Lượng Thọ giảng người có phước báo lớn nhất trên thế gian này là Đại Phạm Thiên Vương, nhưng phước báo của Đại Phạm Thiên Vương còn chẳng sánh bằng phước báo của người vãng sanh về Cực Lạc hạ hạ phẩm. Từ đó chúng ta mới hiểu phước báo của Phật đích thật là chẳng ai trong thế gian và xuất thế gian có thể sánh bằng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ba chiếc y, một bình bát, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đây là sự thị hiện đại từ đại bi. Người giàu sang trong thế gian ít ỏi, người nghèo khổ nhiều, nếu Phật thị hiện thân phận người phú quý thì người nghèo khổ nhìn thấy Phật chỉ có ngưỡng mộ nhưng chẳng dám đến gần. Phật thị hiện bần tiện đến cùng cực, người bần tiện nhìn thấy Phật giống y như mình thì sẽ cảm thấy rất thân thiết nên tâm sẽ bình. Đây là sự đại từ đại bi của Phật, chúng ta phải thể hội điểm này.

Nếu những người học Phật đều giàu sang, cao quý, chỗ ở đều giống hoàng cung, khi ra đường đều ngồi xe sang trọng, mặc tiền thì những người nghèo khổ nhìn thấy sẽ nghĩ ra sao? Đặc biệt là tiền tài, sự hưởng thụ của người xuất gia là do mười phương cúng dường, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật cũng chẳng hưởng thụ như vậy. Cả đời đức Phật chẳng cầu người ta, mỗi ngày trì bát khất thực thì cũng chỉ đi trong vòng bảy nhà mà thôi, nếu đi cả bảy nhà không được hoặc chẳng đủ thì ngày hôm đó sẽ nhịn đói một ngày; khi khất thực nhà thứ nhất mà đủ rồi thì sẽ chẳng đi xin ở nhà thứ hai. Sự thị hiện này là nhằm dạy chúng ta phải biết đủ, thường vui, bịnh căn của người thế gian là chẳng biết đủ nên mới chiêu cảm đến vô lượng vô biên họa hại.

Học Phật tức là học tập theo Phật, bất luận là thân phận gì, bất luận làm ngành nghề gì, đều phải học tập tinh thần, quan niệm, từ bi của Phật, và lại phải thực hiện trong đời sống. Sanh hoạt của chính mình phải giản dị, chất phác, phải biết đủ, có dư phải chia sẻ với hết thảy chúng sanh cùng hưởng, đây là chỗ khác nhau giữa quan niệm của chư Phật, Bồ Tát và người thế gian; Phật, Bồ Tát có phước thì mọi người cùng hưởng, phạm phu có phước thì một mình hưởng, chẳng chịu phân chia cho người. Phật chẳng những chỉ dùng ngôn ngữ dạy dỗ chúng sanh, Ngài nói được làm được. Ngài thực sự nhìn thấu, nhìn thấu nghĩa là thông suốt hết tất cả lý sự, nhân quả trong thế gian và xuất thế gian. Ngài thực sự nhìn thấu, chẳng quyền luyện bất cứ một pháp nào trong thế gian và xuất thế gian,

danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần chẳng tiêm nhiễm một tí nào hết. Hiện nay có rất nhiều đồng tu cảm thấy nghiệp chướng của mình nặng nề, tai nạn quá nhiều, họ làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng, hóa giải tai nạn, thực ra đó chính là sự thị hiện trong suốt cả đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu chúng ta học được rồi, lợi ích vô lượng vô biên, chẳng những tai nạn trước mắt có thể tiêu trừ, nghiệp chướng tập khí từ vô thủy cũng có thể đoạn dứt.

Do đó có thể biết chúng ta học Phật đích thật là quá sơ ý. Phật pháp chẳng có bí mật, bày trước mắt chúng ta vô cùng rõ ràng, nhưng chúng ta nhìn không thấy, và cũng chẳng cảm được, đây là vì chúng ta nghiệp chướng sâu nặng. Mặc dù chúng ta đọc kinh, nghe kinh nhưng vẫn chẳng hiểu ý nghĩa trong kinh, chẳng thể thực hiện những lời dạy này và áp dụng vào trong đời sống hiện thực hằng ngày, cho nên chẳng đạt được lợi ích chân thật. Chúng ta chẳng thể trách Phật, Bồ Tát chẳng từ bi, chẳng thể trách Phật, Bồ Tát không giúp đỡ chúng ta; Phật, Bồ Tát thực sự có giúp đỡ nhưng chúng ta chẳng thể hội được, lại còn đánh mất cơ hội nhân duyên, lỗi này là ở tại chúng ta. Thế nên tự mình phải phản tỉnh, phải sám hối, phải học tập từ trong sự phản tỉnh và sám hối.

Khắc phục phiền não và tập khí của mình chính là tiêu nghiệp chướng. Phương pháp khắc phục rất nhiều, nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp là phương pháp, môn là cửa vào; cánh cửa khắc phục phiền não và tiêu trừ nghiệp chướng thì vô lượng vô biên. Trong vô lượng pháp môn này đức Thế Tôn nói với chúng ta Pháp Môn Niệm Phật là phương tiện nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, có hiệu quả nhất. Nhất định phải hiểu lý luận của sự niệm Phật thì sẽ chẳng hoài nghi, Phật hiệu có thể niệm đến có hiệu quả, có sức mạnh; sức mạnh tức là có thể tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não. Niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não hay không then chốt ở chỗ niệm đúng như pháp hay không, biết cách niệm hay không. Người biết niệm đúng như lý như pháp thì hiệu quả sẽ vô cùng thù thắng.

Bởi vậy chẳng những phải hiểu ý kinh mà còn phải ‘thâm giải nghĩa thú’, vì hiểu kinh giáo càng sâu, càng triệt để, thì lòng tin càng kiên định, lòng tin có thể chuyển cảnh giới. Kinh Kim Cang nói: *‘Tín tâm thanh tịnh ắt sanh thật tướng’*. Khi tín tâm thật sự thanh tịnh thì có thể chuyển thập pháp giới thành Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới chính là thật tướng. Có thể chuyển biến thập pháp giới thành Nhất Chân pháp giới chính là ‘cảnh chuyển tùy theo tâm’. Thế nên Phật cứu độ hết thảy chúng sanh bằng cách dạy cho họ tự chuyển cảnh giới, vì cảnh giới là do chính mình tạo thành nên chỉ có mình có thể giải quyết, bất cứ người nào khác cũng chẳng giúp được gì cả, chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng giúp được. Trong kinh Lăng Nghiêm [có ghi] khi tôn giả A Nan bị nạn, Phật cũng chẳng thể giúp ngài, Phật chỉ nói rõ tiền nhân hậu quả của sự gặp nạn này, sau đó dạy ngài làm sao hóa giải tai nạn, việc này vẫn phải do chính ngài hóa giải. Tự mình thông đạt hiểu rõ, chuyển tâm hạnh trở lại, tai nạn liền được tiêu trừ, cảnh giới liền chuyển biến.

Khởi một tâm niệm ác, cảnh giới thiện liền biến thành cảnh giới ác; khởi một tâm niệm thiện, cảnh giới ác liền biến thành cảnh giới thiện, rõ ràng nhất là thập pháp giới. Khởi một tâm niệm bình đẳng thì pháp giới Phật hiện tiền; khởi một tâm niệm Lục Độ thì pháp giới Bồ Tát hiện tiền; khởi một tâm niệm tham sân, một niệm thập ác, hoàn cảnh sinh hoạt sẽ là ngũ trược ác thế; khởi một tâm niệm thanh tịnh thì sẽ là thanh thái an ổn, chính là Cực Lạc thế giới. Phật thường nói: *‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, vì tướng là hư vọng nên tâm niệm mới có thể chuyển cảnh giới, và lại sự hư vọng này giống như ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’.* Cho nên Phật nói: *‘Các thứ tâm sanh [nên] các thứ pháp sanh; các thứ pháp sanh, các thứ tâm sanh’*²⁷, câu này nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Lại nói: *‘Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh’*, chân chánh có thể lý giải triệt để đạo lý này thì sẽ biết tâm chúng ta tướng như thế nào thì hoàn cảnh thế giới sẽ biến đổi như thế ấy; hoàn cảnh lớn sẽ thay đổi, hoàn cảnh nhỏ cũng sẽ thay đổi; dung mạo của chúng ta cũng sẽ thay đổi, thể chất sẽ thay đổi, tất cả hoàn cảnh sanh hoạt sẽ đều thay đổi, đây tức là *‘cảnh chuyển theo tâm’*. Cho nên chẳng có cảnh giới nào không thể thay đổi, không thể thay đổi là vì chẳng thấu triệt lý luận, chẳng rõ phương pháp, thêm vào chẳng có nhân nãi nên không được hiệu quả; nếu làm đúng như lý như pháp thì làm sao có chuyện không thay đổi được?

Chỗ thù thắng vi diệu của Phật pháp là hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian không thể nào so sánh nổi. Đời này chúng ta may mắn được thân người, được nghe Phật pháp, nếu có thể hiểu một chút nghĩa lý, nghĩa thú thậm thâm [vi diệu] này thì thiệt là rất hy hữu, rất khó được. Cho nên chúng ta phải nỗ lực hết lòng hết sức để tu học. Tu học tức là thực hành, làm ra hình dáng cho hết thấy chúng sanh nhìn thấy, đây là thực sự giúp đỡ hết thấy chúng sanh giác ngộ. Hình dáng là chiêu bài (bảng hiệu), chiêu bài tốt làm cho người ta thấy liền sanh hoan hỷ. Tướng hảo của Phật chẳng ai có thể sánh bằng nên khi Phật thuyết pháp chúng sanh tin tưởng. Chỉ cần tu học y theo lời dạy của Phật thì sẽ đạt được tự tại, viên mãn giống như đức Phật, đây chính là hiện thân thuyết pháp.

2. Nói về nhân quả và chuyển cảnh giới

(Buổi sáng 16-11-98)

a. Nói về nhân quả:

Sự nghiệp làm ăn của cư sĩ họ Thôi ở vùng Đông Bắc rất thành công, lúc kinh tế suy thoái mà tiền tài vẫn tiếp tục tăng trưởng không ngừng, rất nhiều người chẳng hiểu được nhân tố này. Nếu khế nhập kinh tạng đôi chút thì sẽ hiểu rõ, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng vượt ra ngoài định luật nhân quả. Nhà Phật nói: *‘pháp duyên sanh’*, chẳng những thập pháp giới đều là pháp do nhân duyên sanh, Phật pháp cũng là pháp do nhân duyên sanh. Thế nên kinh Kim Cang nói: *‘Pháp còn phải xả, hà huống là phi pháp’*, ngay cả Phật pháp cũng

²⁷ *(Chúng chúng tâm sanh, chúng chúng pháp sanh; chúng chúng pháp sanh, chúng chúng tâm sanh)*

chẳng được chấp trước. Phàm những pháp do nhân duyên sanh đều chẳng có tự tánh, đúng là *'Thế ngay lúc đó là không, trọn chẳng thể được'*²⁸, đây là chân tướng sự thật.

'Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không', tại sao nhân quả chẳng không? Hãy lấy thí dụ trái đào, hột đào là nhân, hột đào trồng dưới đất sẽ lớn thành cây đào, lúc đó hột đào mất đi rồi; cây đào lớn lên lại kết quả thành trái đào, đây là nhân quả tuần hoàn. Thế nên *'nhân quả chẳng không'* là nói nhân quả tương tục - tiếp nối chẳng không, chuyển biến chẳng không. Phật, Bồ Tát dạy hết thảy chúng sanh là vì muốn chúng ta hiểu đạo lý này, nắm chắc chân tướng sự thật thì sẽ được đại tự tại. Trong kinh thường nói: *'cảnh chuyển theo tâm'*. Kinh Lăng Nghiêm nói: *'Nếu chuyển được cảnh thì cũng đồng như Như Lai'*. Phật, Bồ Tát hiểu nhân quả chuyển biến chẳng không, tiếp nối chẳng không, vả lại vận dụng hết sức khéo léo nên các ngài có thể chuyển biến cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển, đây chính là việc chúng ta phải học.

Người hiện nay cứ mê mẩn chạy theo tiền tài, bạn tranh tôi đoạt, làm cho thiên hạ đại loạn. Tranh đoạt thiệt có thể kiếm được tiền tài hay chẳng? Không thể nào! Chỉ có đau khổ thêm mà thôi, Phật pháp nói đó là tạo nghiệp. Giết người thì phạm giới sát sanh, đoạt lấy tài vật của người khác là phạm tội ăn cắp, cứ tạo ra những ác nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, thì làm sao đem lại quả báo tốt lành cho được? Người thế gian ngu si nên tạo ra tội nghiệp cực nặng. Phật dạy chúng ta giàu sang là do bố thí tài vật mà ra, tiền tài của cư sĩ họ Thôi cũng là do bố thí tài vật mà có được. Đòi quá khứ tu bố thí tài vật thì đời này sẽ được giàu sang, được giàu sang mà còn tu bố thí tài vật tiếp tục thì tiền tài sẽ đến ào ạt. Cho dù trong thời gian kinh tế suy thoái, tiền tài vẫn không ngừng tăng thêm, chuyện này chứng minh cho lời Phật dạy chẳng sai.

Bố thí pháp được thông minh trí huệ, tôi có thể chứng minh cho mọi người. Lúc còn trẻ tôi chẳng phải là người thông minh, ngày nay đối với Phật pháp và thế pháp chỉ cần tiếp xúc thì tôi liền hiểu rõ, đây là quả báo có được do ngày nào cũng tu bố thí pháp trong suốt bốn mươi mấy năm học Phật.

Bố thí vô úy thì được khỏe mạnh sống lâu. Bố thí vô úy là gì? Ăn chay tức là bố thí vô úy, đây là vun trồng tâm từ bi và tâm thương yêu. Năm hai mươi sáu tuổi tôi bắt đầu học Phật, nửa năm sau bắt đầu ăn chay trường cho đến bây giờ. Hồi đó người coi bói nói tôi đoản mạng, tôi rất tin và nghĩ là tôi chẳng có lý do gì để sống lâu. Tư tưởng và hành vi của tôi hồi còn trẻ rất giống với ông Viên Liễu Phàm, khuyết điểm của ông ta tôi đều có đủ, ưu điểm của ông tôi chẳng có, tôi chẳng bằng ông, chẳng có phước lớn như ông. Thế nên nhất định phải biết bố thí là nhân, giàu sang, trí huệ, khỏe mạnh sống lâu là quả báo.

Nói thực ra khỏe mạnh sống lâu chẳng cần thuốc men, tắm bổ. Người thế gian cho rằng bảo dưỡng sức khỏe bằng thuốc men có thể làm cho một người được khỏe mạnh sống lâu, đây là mê hoặc điên đảo, nếu thiệt có hiệu quả thì định

²⁸ (*đương thế tức không, liễu bất khả đắc*)

luật nhân quả chẳng phải đã bị lật đổ rồi sao? Đáng sống lâu thì dù chẳng chú trọng dinh dưỡng vẫn sống lâu; đáng đoán mạng cho dù mỗi ngày đều tắm rửa thì vẫn đoán mạng, đây mới là chân lý.

Nói đến đoàn thể thì Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội phát khởi việc xây dựng Làng Di Đà, xây Phật Học Viện cần phải có thật nhiều tiền bạc, trong tình trạng kinh tế hiện nay quyền góp tiền bạc vô cùng khó khăn. Tại sao đoàn thể này trong thời gian rất ngắn có thể tích tụ lại một số tiền tương đối khả quan? Đó là bố thí chẳng phải vì mình, vì hết thấy chúng sanh, vì xã hội an định hòa bình, vì Phật pháp an trụ lâu dài trong thế gian, tâm chánh hạnh chánh, phát tâm chân thành xây dựng đạo tràng thì có sẽ cảm ứng. Cũng giống như kinh Lăng Nghiêm có nói: *‘phát ý viên thành’*, khi vừa phát chân tâm liền viên mãn công đức, cảm ứng liền hiện tiền.

b. Chuyển cảnh giới:

Người học Phật tuy nghe thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chẳng tin tưởng, vẫn chạy theo vọng tưởng chấp trước của mình nên cảnh giới trước sau gì cũng chẳng chuyển nổi; nếu có thể tin tưởng lời dạy của đức Phật, y giáo phụng hành thì tự nhiên sẽ có thể chuyển cảnh giới. Chuyển được thù thắng nhất là chuyển phàm thành thánh, đây là ‘đại đạo’; chuyển bản cùng thành phú quý trong Phật pháp thuộc về ‘tiểu đạo’, việc này quá dễ. Chuyển ngũ trược ác thế thành quốc độ thanh thái thì chẳng dễ dàng; chuyển Sa Bà thành Cực Lạc càng khó hơn! Dù cho khó khăn nhưng vẫn có thể làm được thì chuyện dễ làm chẳng cần bàn tới. Cho nên mục đích của việc học Phật là nhằm lìa khổ được vui, nếu chúng ta chẳng thể chuyển cảnh giới thì vĩnh viễn phải chịu khổ, chịu nạn.

Có chẳng ít bạn đồng tu tu học rất gian khổ, càng khổ hơn lúc chưa học Phật trước kia, nguyên nhân là vì họ chẳng hiểu lý luận của việc tu học, tu chẳng đúng như lý, chẳng đúng như pháp. Tu học Phật pháp tức là chuyển biến cảnh giới, làm thế nào biến bản cùng thành phú quý, chuyển hỗn loạn thành an định, nếu chẳng hiểu đạo lý và phương pháp thì chẳng thể chuyển được. Nếu biết được đạo lý, biết phương pháp, tu học đúng như lý như pháp thì tự nhiên sẽ chuyển biến cảnh giới được. Phật pháp thường nói: *‘chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn’*, chúng ta ứng dụng trong đời sống, không có một cảnh giới nào chẳng thể chuyển được. Nguyên tắc chung, đạo lý lớn lao này chính là *y báo, chánh báo trang nghiêm ‘duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’*.

Phật cũng nói: *‘Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh’*, cho nên tâm phải tướng đến chuyện thiện, đừng tướng chuyện ác. Thiện là như thế nào? Ác ra làm sao? Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội là thiện; lợi ích cho chính mình, gia đình mình, đoàn thể nhỏ của mình là ác. Tại sao vậy? Niệm niệm đều vì mình và cái vòng tròn vây quanh mình, đó là phân biệt chấp trước, đã biến Nhất Chân pháp giới vốn có thành thập pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi, biến thành tình hình hiện nay. Chúng ta muốn thoát ra ngoài cảnh khốn khổ này thì chỉ có thể giải quyết nơi tâm lượng. Nếu chẳng nghĩ tưởng cho mình, gia đình mình, và chẳng

tưởng cho cái đoàn thể nhỏ nhỏ của mình thì chấp trước sẽ bị phá tan. Niệm niệm đều vì hư không pháp giới hết thấy chúng sanh thì phân biệt sẽ bị phá trừ. Khi hết chấp trước thì lục đạo sẽ chẳng còn nữa; hết phân biệt thì thập pháp giới sẽ chẳng còn nữa, sẽ khôi phục lại Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là vũ trụ sanh thái tự nhiên; sanh thái tự nhiên tốt đẹp nhất. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước phá hoại sanh thái tự nhiên. Đến lúc phân biệt và chấp trước vô cùng nghiêm trọng thì hoàn cảnh sanh thái của địa cầu chúng ta sẽ bị phá hoại, cho nên khí hậu toàn thế giới sẽ chẳng bình thường, chúng sanh đều chẳng có cảm giác an toàn. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là căn nguyên của việc phá hoại sanh thái tự nhiên. Chỉ có Phật pháp Đại thừa giải thích việc này rõ ràng, thấu triệt.

Các tầng lớp lãnh đạo trong chánh phủ Úc Châu đang tìm kiếm phương pháp làm cho xã hội an định, hòa mục nhân quần. Làm thế nào dung hòa các chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau thành một thể, làm cho những người cư trú ở Úc Châu tôn trọng, quan hoài, và hợp tác lẫn nhau, tạo nên xã hội phồn vinh, nhân sanh hạnh phúc. Cách suy nghĩ và mục tiêu này tức là truy tìm sự hòa hợp của đa nguyên văn hóa, hy vọng đạt đến xã hội an định, thế giới hòa bình, người người tôn trọng lẫn nhau.

Người ta ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm, nếu chúng ta có thể nhìn ưu điểm của người ta thì trong thế gian này ai cũng là người tốt; nếu chỉ nhìn khuyết điểm thì ngay cả Phật, Bồ Tát cũng chẳng phải là người tốt, thế nên tốt xấu đều tại nơi một niệm. Ngẫu Ích đại sư nói: *‘Cảnh duyên chẳng có tốt xấu, tốt xấu ở tại tâm’*. Hiểu được nguyên lý nguyên tắc này thì có thể chuyển cảnh giới. Chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, thiện thần hiểu được đạo lý này cho nên cảnh giới của họ càng chuyển càng tốt thêm. Phạm phu chẳng hiểu đạo lý này, chuyên nhìn khuyết điểm của người khác, chuyên nói xấu người khác cho nên cảnh giới càng chuyển càng xấu, đời sống càng ngày càng khô. Chúng ta đọc kinh Phật nên biết được những chân tướng sự thật này, quan sát kỹ càng hoàn cảnh của chúng ta mới biết câu nào của Phật nói đều là chân lý, câu nào cũng là lời chân thật. Chỉ cần chúng ta hết lòng nỗ lực tu học thì nhất định có thể sáng tạo tương lai tốt đẹp.

D. HIỂU RÕ GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ

1. Mục đích của giáo dục Phật Đà

(Buổi sáng 17-11-98)

Mục đích của giáo dục Phật Đà là dạy cho mọi người thành Phật. Trong thập pháp giới thì pháp giới Phật là chân thật, rốt ráo, viên mãn; chư Phật Như Lai khởi dụng²⁹ thì xưng là Bồ Tát. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát làm ‘người bạn chẳng rời bỏ’ của hết thấy chúng sanh, chỉ cần các ngài nhìn thấy, nghe

²⁹ Khởi dụng là từ báo thân thị hiện trong các cõi, các loài thực hiện mọi sự hóa độ, tiếp dẫn, cứu tế.

đến, thì nhất định sẽ dang tay ra giúp đỡ, chủ động giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba phát tâm rộng lớn muốn lập Phật Đà Giáo Dục Học Viện. Trước hết phải hiểu giáo dục Phật Đà bồi dưỡng những người như thế nào, mục tiêu đó là gì. Đây là một giáo dục đặc biệt, hoàn toàn khác với giáo dục thế gian, giáo dục thế gian là giáo dục nhân đạo, thuộc về giáo dục của pháp giới Người trong thập pháp giới. Giáo dục Phật Đà là giáo dục của pháp giới Phật, Bồ Tát trong thập pháp giới, đây là việc chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Từ đó có thể biết pháp giới Phật bao gồm thập pháp giới mà pháp giới Người chẳng bao gồm thập pháp giới.

Đời người vô cùng ngắn ngủi, nhất định phải nắm chắc [cơ hội này], phải từ pháp giới Người nâng cao lên đến pháp giới Phật, Bồ Tát thì công đức tu học mới kê là viên mãn. Giáo học của chúng ta cũng đặt căn bản trên quan niệm này, giúp cho con người nâng cao cảnh giới, đó là giáo dục Phật Đà. Giáo dục Phật Đà chẳng giống với giáo dục thế gian, mục tiêu chung cực của giáo dục thế gian là nhằm đạt được danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ ngũ dục lục trần. Mục đích của giáo dục Phật Đà là hoàn thành đức hạnh của mình, thành tựu trí huệ viên mãn của mình, sau đó tình nguyện phục vụ cho xã hội, phục vụ cho chúng sanh. Những gì người thế gian đeo đuổi thì Phật, Bồ Tát hoàn toàn buông bỏ, buông xuống, vì người giác ngộ hiểu được truy cầu danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ ngũ dục lục trần tất nhiên sẽ dẫn đến cạnh tranh, cạnh tranh đến sau cùng là đấu tranh. Chư Phật, Bồ Tát hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể tôn trọng, kính ái, quan hoài, và hợp tác lẫn nhau; muốn đạt đến lý tưởng ấy thì nhất định phải buông bỏ đấu tranh, muốn buông bỏ đấu tranh thì trước hết phải buông bỏ cạnh tranh. Hiện nay trong tâm người nào chẳng có cạnh tranh, chẳng có đấu tranh? Tâm như vậy thuộc về pháp giới của tam ác đạo.

Nếu người tu hành còn chịu sự dụ dỗ của cảnh giới, vẫn còn bị quỷ thần phá rối thì tâm đạo ở đâu? Kinh nói với chúng ta chân chánh quy y Tam Bảo phải từ ‘mê, tà, chánh’ quay đầu lại, nương vào ‘giác, chánh, tịnh’, bất luận có trải qua hình thức quy y hay chẳng thì thần hộ pháp đều bảo hộ. Các sách [khuyến] thiện trong thế gian đều nói: *‘Một người có tâm địa đôn hậu, tâm thiện hạnh thiện, thì sẽ có rất nhiều thiên thần, quỷ thần hộ vệ’*; cho dù chẳng học Phật, chẳng có thọ nhận Tam Quy thì cũng có thần hộ pháp bảo hộ. Lý do thần hộ pháp bảo hộ là vì tôn kính đức hạnh của những người ấy, là tự nhiên cảm động đến hộ trì. Giới kinh nói thọ ngũ giới thì sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ giới ngày đêm giữ gìn, hộ trì. Thế thì làm sao có thể bị quỷ thần, yêu ma quỷ quái đến phá rối cho được? Từ đó có thể biết chỉ thọ Tam Quy và Thọ Giới trên hình thức thì đều là giả, vậy mà cứ cho là mình rất hiền hách, nhưng quỷ thần lại khinh chê.

Ấn Quang đại sư là tấm gương tốt của chúng ta, ngài thị hiện cho chúng ta coi, ngài cũng phải trải qua tu học trong thời gian dài. Truyện ký có ghi lúc ngài trên bảy mươi tuổi, thì muỗi mòng, kiến, bọ chét ở chỗ ngài cư trú đều tự động dọn đi chỗ khác, chẳng dám khuấy nhiễu ngài. Tại sao chẳng dám khuấy nhiễu

ngài? Vì tôn kính ngài. Chúng ta nghĩ coi tại sao ngài có thể cảm động lục đạo chúng sanh mà chúng ta làm chẳng được? Vì chúng ta chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm luân hồi cứ tạo ra nghiệp luân hồi y như cũ, ai chịu tôn trọng? Niệm niệm đều hy vọng vãng sanh Tịnh Độ, chỉ có một nguyện vọng này mà thôi, có thể đạt được hay chẳng thì chưa biết. Có nguyện thì nhất định phải có hạnh, dùng hạnh để thực hành nguyện, [được vậy] thì nguyện vọng mới viên mãn.

Có chẳng ít bạn đồng tu bị cảnh giới chuyển nên tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người chúng ta nhất định phải có khả năng chuyển cảnh giới. Khí phận trong môi trường hoàn cảnh chẳng tốt, chúng ta phải có khả năng chuyển biến khí phận xấu thành khí phận tốt, từ trường chẳng tốt thành từ trường tốt, đây là công phu tu học có chút đắc lực rồi. Nếu mình trong cảnh giới ấy không thể chuyển thì sẽ chẳng có khả năng giúp đỡ người khác, nói giúp đỡ người ta chỉ là nói suông mà thôi. Thế nên trước hết phải học tập nhìn thấu, buông xuống, phải thấy thấu suốt ‘vạn pháp giai không’. Kinh Kim Cang dạy: *‘Phàm hết thấy các tướng đều là hư vọng’*³⁰, tại sao phải trong tướng hư vọng này đi phân biệt, tính toán? Tất cả hết thấy hiện tượng, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, thuận tâm và chẳng thuận tâm đều là vọng tưởng. Nếu bạn có thể nhìn thấy rõ ràng, minh bạch rồi thì bất luận là cảnh nghịch hay thuận, tâm đều bình tịnh, đích thực dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác để đối xử với mọi người, chẳng tiêm nhiễm mảy may nào hết, yêu ma quỷ quái sẽ chẳng đến kể bên thân bạn được. Có ngã chấp thì sẽ có thân thể, chẳng có ngã chấp thì chẳng có thân thể, đây là đạo lý tại sao quý thần chẳng thể đến sát thân bạn được. Nếu niệm niệm đều còn rơi vào ‘ta, người, chúng sanh, thọ giả’, bạn chẳng thiện thì quỷ thần sẽ dọa bạn, phá khuấy bạn.

Từ xưa đến nay, những người học Phật đều tu học y theo kinh Kim Cang, Tông Môn xưng kinh này là đốn giáo chẳng phải là không có đạo lý. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nếu y chiếu nguyên lý nguyên tắc trong kinh Kim Cang để tu học thì nhất định sẽ vãng sanh thượng thượng phẩm, sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta phát tâm xuất gia, xuất gia tức là *‘học làm thầy của người, hạnh làm gương cho đời’*³¹, chúng ta phải hết lòng học tập những đạo lý phương pháp nói trong kinh Kim Cang. Vì chúng ta chẳng thật thà, kinh Kim Cang có thể giúp chúng ta đạt đến thật thà niệm Phật, thật thà làm người, thật thà làm việc. Tham thấu kinh Kim Cang rồi, người trở nên thật thà rồi, thật thà tức là Phật, Bồ Tát. Thật thà thì sẽ chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa, nếu vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng thật thà.

Tổ sư đại đức trong Tịnh Tông dạy chúng ta ‘thật thà niệm Phật’, hai chữ ‘thật thà’ (*lão thật, chắc thật*) này chẳng dễ làm được, những người làm được thì đời này quyết định sẽ vãng sanh thượng phẩm. Người có thiện căn, phước đức sâu dày, chẳng cần tu cũng thật thà, họ vừa nghe lời Phật dạy thì thực sự buông

³⁰ (*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*)

³¹ (*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*)

xuống vạn duyên, đối với ngũ dục lục trần, danh văn lợi dưỡng trong thế gian chẳng còn để ý đến nữa, hoàn toàn buông bỏ hết tất cả những điều thị - phi, nhân - ngã. Có người phải tu thì mới thật thà, còn chúng ta đã học xong những vẫn chưa thật thà, đây là vì nghiệp chướng tập khí sâu nặng. Nhất định phải chuyển cảnh giới trong hoàn cảnh sanh hoạt, niệm niệm tự nhắc nhở mình, hết lòng nỗ lực tu học, thực sự buông xuống vạn duyên thì mới tiêu trừ nghiệp chướng được.

Tiến trình hoàng pháp ở nơi đây rất thuận lợi, đây là oai thần Tam Bảo gia trì. Chư Phật, Bồ Tát chiếu cố chúng ta đến như vậy, nếu chúng ta chẳng hết lòng, chẳng nỗ lực thì làm sao chẳng có lỗi với quý ngài? Mỗi ngày đều niệm ‘Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ’, nếu hai câu này chẳng thể thực hiện thì sẽ có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với thiên long thiện thần hộ pháp. Chúng ta tự mình tu học và sau này thành tựu Phật Học Viện, nhất định phải y theo lời giáo huấn trong kinh điển, bắt đầu làm từ chính bản thân mình. Học trình là bảy năm, ‘bảy’ là một con số viên mãn, hy vọng trong bảy năm này, chúng ta tối thiểu cũng phải giống ‘Vô Lượng Thọ Phật’. Chúng ta chẳng thể đạt đến Phần Chứng Vị, ít nhất cũng phải làm đến Tương Tự Vị, có thể chứng đến Tương Tự Túc Phật trong Thiên Thai Lục Túc Phật thì mới chẳng có lỗi đối với Phật, Bồ Tát. Có thể đạt đến Phần Chứng Vị là tốt nhất, Phần Chứng Vị tức là Pháp Thân Đại Sĩ, trong Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ Tát; Tương Tự Vị là Biệt Giáo Tam Hiền Bồ Tát, Viên Giáo Thập Tín Vị Bồ Tát. Cho nên mọi người phải nỗ lực, hướng đến mục tiêu này thì sẽ có thể siêu phàm nhập thánh.

2. Tam Quy Y (Buổi sáng 23-11-98)

‘**Quy Y Phật, Nhị Túc Tôn**’, chữ nhị là chỉ trí huệ và phước đức. Phật thuyết pháp cho chúng sanh đặc biệt chú trọng phước đức, đây cũng là ứng cơ thuyết pháp, vì hết thấy chúng sanh chẳng có ai không mong cầu phước báo. Phước báo khi chưa kiến tánh thì nhất định phải dựa vào tu đức; sau khi kiến tánh thì là ‘tánh tu bất nhị’ (*tánh đức và tu đức chẳng hai*). Cho nên đối với phần lớn người ta mà nói thì tu phước vô cùng quan trọng. Địa phương nào có nhiều người tu phước thì nhất định sẽ quốc thái dân an, đời sống sung túc. Lời dạy tu phước trong kinh rất nhiều, phải thể hội kỹ càng, hiểu rõ triệt để thì sẽ biết làm thế nào tu học mới có thể đạt được quả báo vừa ý. Trong nhà Phật thường nói ‘Có cầu ắt ứng’, lời này chân thật chẳng giả dối. Nhưng cầu thì có lý luận và phương pháp để cầu, đúng như lý như pháp mà cầu thì nhất định sẽ được thấu hoạch; nếu chẳng tương ứng với lý luận và phương pháp của sự cầu thì chẳng thể mãn nguyện.

Phước báo cùng người hưởng là phước báo chân thật, phước báo hưởng riêng một mình rất dễ biến thành họa hại. Cổ đức hiểu rõ đạo lý và sự thật này cho nên lúc tạo ra chữ Họa (禍) và Phước (福) làm hình tượng của hai chữ này rất giống nhau, là hy vọng chúng ta có thể cảnh giác, đừng biến phước thành họa. Cổ thánh tiên hiền tuy đã cảnh cáo nhưng trong lịch sử Trung Quốc rất nhiều chuyện phước biến thành họa xảy ra; hiện nay trên thế giới những chuyện thật như vậy chẳng thể nào đếm hết, người thật sự có tâm cảnh giác vẫn chẳng nhiều,

đúng như lời trong kinh nói chúng sanh ngu muội, vô tri, chẳng những coi kinh chẳng hiểu, nghe giảng giải chẳng hiểu, chân tướng sự thật bày trước mặt cũng chẳng hiểu. Phật giảng về ‘tam chuyển pháp luân’ gồm có: thị chuyển, khuyên chuyển, chứng chuyển³²; chứng chuyển tức là đem chân tướng sự thật bày trước mặt chúng sanh, nếu vẫn chẳng hiểu thì Phật cũng chẳng có cách chi hết. Người như vậy trong kinh gọi là ‘nhất xiển đề’, tức là người chẳng có thiện căn.

Hiện nay những người chẳng có thiện căn rất nhiều, vả lại họ đều là người có phước báo, có phước báo mà chẳng có thiện căn, phước sẽ biến thành họa hại. Họa hại thì không chỉ có người này chịu nạn mà thôi, rất nhiều người khác phải chịu chung, nghiệp chướng của họ tạo càng nghiêm trọng thì quả báo càng dễ sợ. Người học Phật tin sâu nhân quả tuy nhìn thấy rất rõ ràng nhưng cũng chẳng làm gì được, vì ngay cả Phật cũng chẳng làm gì được, chúng ta đương nhiên chẳng có cách chi. Ngay lúc này việc chúng ta duy nhất làm được là tự độ, tự mình giúp mình thoát ly cảnh khổ nạn, đây là người thông minh. Đây cũng là những gì Phật, Bồ Tát dạy chúng ta.

Gần đây có vài vị đồng tu đã vãng sanh, đa số đều có tướng lành, nhìn thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, những người này làm chứng minh cho chúng ta, làm cho lòng tin của chúng ta tăng trưởng. Họ có thể tự tại an tường vãng sanh là phước báo to lớn, nguyên nhân [họ có thể tự tại vãng sanh] là vì họ có thể buông xuống. Thế nên ‘vạn duyên buông xuống’ là chuyện quan trọng nhất của chúng ta hiện nay, chuyện gì cũng buông xuống được, tâm khai ý giải, thì có thể tiêu tai miễn nạn. Chỉ có buông xuống thì mới có thể chân chánh làm được nhất tâm hướng Phật. ‘Nhớ Phật niệm Phật, hiện giờ tương lai, nhất định thấy Phật’³³, đây là công khóa trước mắt quan trọng nhất của chúng ta. Chúng ta phải chuẩn bị đàng hoàng, tiêu trừ những nhân tố của việc niệm Phật không được đắc lực thì niệm Phật sẽ được đắc lực, thì sẽ đạt được công phu thành phẩm, thậm chí đến công phu nhất tâm bất loạn, đây mới là phước báo chân chánh, trí huệ chân thật.

‘Quy y Pháp, Ly Dục Tôn’. Dục tức là ngũ dục lục trần. Chẳng thể tiêu trừ trần duyên trong tâm tức là chướng ngại to lớn. Những việc chẳng vừa ý do trần duyên đem đến là căn nguyên của hết thảy tai họa, cho nên Phật dạy chúng ta phải xa lìa trần duyên. Xa lìa không phải là chẳng muốn, kinh Đại thừa nói khi chư Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp có thiên nhân cúng dường, ca múa, giống y như người thế gian. Thế nên chúng ta phải hiểu Phật dạy chúng ta xa lìa nghĩa

³² Thị Chuyển: Phật dạy người lợi căn: đó là Khổ, tánh bức bách; đó là Tập, tánh chiêu cảm; đó là Diệt, tánh có thể chứng; đó là Đạo, tánh là có thể tu, làm cho họ vừa nghe liền ngộ. Khuyên Chuyển: Phật dạy người trung căn: đó là khổ, người nên biết; đó là Tập, người nên đoạn; đó là Diệt, người nên chứng; đó là Đạo, người nên tu, làm cho người nghe tin thọ phụng hành.

Chứng Chuyển: Phật dạy người độn căn vẫn chẳng thể tin giải nên mới bảo họ rằng Phật đã chứng, đó chẳng phải giả. Đó là Khổ, ta đã biết; đó là Tập, ta đã đoạn; đó là Diệt, ta đã chứng; đó là Đạo, ta đã tu, làm cho người nghe dứt trừ nghi hoặc.

³³ (*Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, nhất định kiến Phật*)

là xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đã đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự hưởng thọ ngũ dục lục trần là tùy duyên; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước còn chưa đoạn trừ mà hưởng thọ là phan duyên. Chư Phật, Bồ Tát tùy duyên, nếu có thiên nhân đến cúng dường thì rất tốt, Bồ Tát biến hóa đến cúng dường cũng rất tốt, tuyệt chẳng có tơ hào lưu luyến, đây là sự hưởng thọ chân chánh, sự hưởng thọ như vậy tuyệt đối chẳng có tai nạn.

Cái gọi là ‘*sáu căn thanh tịnh, mây trần chẳng nhiễm*’ là lúc cảnh giới hiện tiền, sáu căn [cũng] thanh tịnh, chẳng phải là lúc xa lìa trần duyên, sáu căn mới thanh tịnh, đây là phương pháp tu học của Tiểu thừa. Lúc tiếp xúc cảnh giới thì tâm lại loạn lên, lại khởi vọng niệm, như vậy là chẳng có công phu. Khi đối diện với cảnh giới mà có thể tập thành ‘*thanh tịnh chẳng nhiễm*’ đòi hỏi có trí huệ cao độ. Kinh Kim Cang nói: ‘*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*’, câu này phải thường nhớ đến, đây là công phu quán chiếu. Khi gặp cảnh giới vừa khởi tâm động niệm liền nhớ câu ‘*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*’ thì tâm sẽ bình trở lại. Gặp cảnh thuận chẳng khởi tâm tham luyến, gặp cảnh nghịch chẳng khởi tâm sân khuê, biết tất cả đều là giả. Cho nên phải bắt chước Phật, Bồ Tát du hí thần thông trong thế gian, mục đích là giúp cho hết thảy chúng sanh giác ngộ, giúp người khác tức là giúp chính mình, mình và người không hai (*tự tha bất nhị*). Tu phước phải bắt đầu từ những chỗ này.

‘**Quy y Tăng, Chúng Trung Tôn**’. Chúng là đoàn thể. Tăng đoàn là đoàn thể đáng được tôn kính nhất trong thế gian và xuất thế gian. Vì đây là đoàn thể tu học ‘Phật pháp’; Phật là đại giác, Pháp là ly dục, ly dục là xa lìa hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng có đoàn thể nào có thể hơn được. Chúng ta phải hiểu, phải học tập, phải làm cho bằng được! Giới điều của Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải, Giới Hòa Đồng Tu, Thân Hòa Đồng Trụ, Khẩu Hòa Vô Tránh, Ý Hòa Đồng Duyệt, Lợi Hòa Đồng Quân, đây là [giới điều] Phật chế định ra cho những người chẳng triệt để hiểu rõ, chẳng chịu làm thực sự. Người có thể triệt để hiểu rõ, thực sự dụng công tu học thì tự nhiên phù hợp với Lục Hòa Kính và sẽ chẳng cần những giới điều này. Nếu chúng ta chẳng đạt đến trình độ hiểu rõ triệt để thì Lục Hòa Kính đối với chúng ta vô cùng quan trọng, có thể làm tăng thượng duyên cho chúng ta, giúp chúng ta đi trên con đường ngay thẳng, đây là từ bi và thiện xảo phương tiện của đức Phật, chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành.

3. **Giáo - Lý - Hạnh - Quả** (*Buổi sáng 28-11-98*)

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thế Tôn nói đến thế chủ hộ trì chánh pháp một cách tường tận. Chánh pháp là gì? Như Lai nói đến ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, [Giáo - Lý - Hạnh - Quả] được xưng là chánh pháp. Sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử đem những lời Phật nói chép thành văn tự gọi là kinh điển. Những lời nói và văn tự này tức là ‘Giáo Pháp’, giáo pháp nói rõ về chân lý của vũ trụ nhân sanh, lý này là y cứ cho những gì Như Lai thuyết giáo pháp, cũng như kinh Bát Nhã gọi là ‘Chư Pháp Thật Tướng’, cho nên giáo lý có lý luận chính xác, viên

mãn, đây tức là ‘Lý pháp’. Nếu đời sống của hết thầy chúng sanh tương ứng với lý luận và chân tướng sự thật thì được gọi là chánh hạnh, và cũng tức là sanh hoạt của Phật, Bồ Tát. Ngược lại, nếu phản nghịch với chân tướng sự thật thì là tư tưởng, hành vi sai lầm. Sửa đổi cho đúng những tư tưởng và hành vi sai lầm để tương ứng với chư pháp thật tướng thì xưng là tu hành, đây là ‘Hạnh pháp’. Khi tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta tương ứng với chư pháp thật tướng thì có thể đạt được sự khoái lạc chân thật cứu cánh viên mãn trong cuộc sống, đây tức là ‘Chứng quả’.

Đây là sự cống hiến cho chúng sanh khi Như Lai xuất hiện trong thế gian. Đây là việc hết thầy chúng sanh vô cùng cần thiết, bất luận là chánh hạnh chúng sanh (tức là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) hay là tà hạnh chúng sanh (tức là lục đạo chúng sanh) đều vô cùng cần thiết. Chư Phật Như Lai đem kinh nghiệm, phương pháp, và những lợi ích sau khi tu chúng của mình, chẳng dấu diếm mảy may gì để dạy dỗ hết thầy chúng sanh, đây chính là giáo dục Phật đà, tức là sự giáo học của đức Phật, thường được xưng là ‘Nền giáo dục chí thiện viên mãn của đức Phật đối với chín pháp giới chúng sanh’. Sự thị hiện và giáo học của đức Phật đối với hết thầy chúng sanh chẳng yêu cầu, đòi hỏi gì hết. Nhưng hiện nay có một số người giảng kinh thuyết pháp còn bán vé vào cửa, đây là ‘buôn bán Như Lai’, phá hoại hình tượng của Phật Giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói đây là hiện tượng kỳ quái trong thời Mạt Pháp. Đức Phật là một người làm công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội, ‘nghĩa vụ’ là chỉ có ‘hiến dâng’ chứ tuyệt chẳng có đòi hỏi, đây là chỗ Phật, Bồ Tát đáng cho người kính mến. Lúc đức Phật trụ thế Ngài sống một đời sống có tiêu chuẩn sanh hoạt thấp nhất, mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó là để làm gương cho chúng sanh, làm mô phạm, chúng ta nên noi theo, học tập.

Phát tâm xuất gia làm đệ tử Phật phải gánh vác nguyện vọng giáo hóa chúng sanh của đức Phật. Trước hết phải hiểu rõ cái hình tướng, thân thể này là giả, chẳng phải định tướng, nếu chấp trước cái tướng này là nhất định, chấp cái tướng này là Ta thì vĩnh viễn sẽ không thể thoát ly luân hồi. Và lại cái chấp trước này cũng nhất định sẽ chẳng như nguyện vọng của bạn; sau khi chết đi nếu đọa vào cõi súc sanh thì sẽ hiện thân súc sanh, đọa cõi naga quý thì sẽ hiện thân naga quý, chẳng giống cái thân bây giờ; cho dù sanh đến cõi người hiện thân người thì cũng sẽ thay đổi mặt mày, đó là sự thật. Thế nên nhất định chẳng nên chấp trước, nhất định buông bỏ phân biệt và chấp trước. Chư Phật Như Lai chẳng có thân tướng cho nên mới có thể tùy loại hóa thân, chúng sanh có cảm thì Phật sẽ thị hiện ứng hóa. ‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’, Tướng thiên biến vạn hóa, Tướng có Dụng chẳng có Thể cho nên nhất định đừng chấp trước.

Tướng là giả, Phật thuyết pháp cũng là giả, Phật chẳng có định pháp gì để nói, Phật chẳng có pháp gì để nói. Phật thuyết pháp hoàn toàn căn cứ vào căn bệnh của chúng sanh, tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc; căn bệnh của chúng sanh sai khác muôn vàn cho nên Phật đều ứng cơ thuyết pháp. Chúng ta học thuyết pháp cứ cho pháp là định pháp, nhất định phải dùng một cách nào để nói thì là sai

rồi. Pháp có nguyên lý nguyên tắc nhất định, nhưng chẳng có phương pháp nhất định, nên Phật giảng kinh là dựa trên nguyên lý nguyên tắc nhất định. Những người kết tập kinh tạng tuy nói là học trò của Phật nhưng thật ra đều là chư Phật Như Lai ứng hóa đến, đúng như câu ‘*Một vị Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*’, vì vậy các ngài kết tập kinh tạng có thể theo đúng nguyên lý nguyên tắc nói trên. Cho nên khi người chân chánh lãnh ngộ mở cuốn kinh ra, mỗi chữ mỗi câu đều linh hoạt sống động, nói ngang nói dọc gì cũng chẳng trái ngược với nguyên lý và nguyên tắc, đây là chánh pháp.

Chánh pháp tức là ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, chánh giáo, chánh lý, chánh hạnh, chánh quả chỉ cần chẳng trái ngược, bất luận thuyết pháp như thế nào đều xưng là chánh pháp. Nhưng trong kinh dạy chúng ta ‘chánh pháp’ nhất định phải xây dựng trên cơ sở của ‘chánh hạnh’, nếu chẳng có chánh hạnh thì sẽ chẳng có chánh giải. Cho nên muốn làm được ‘Tín - Giải - Hành - Chứng’ thì phải thực hiện được ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, đó chính là ‘Tín - Giải - Hành - Chứng’.

Trong quá trình này phải có một sự nhận thức chính xác, nhận thức tận hư không trọn khắp pháp giới đều là chính mình, thế nên khi đối xử với hết thảy chúng sanh thì niệm niệm phải vì lợi ích chúng sanh. Phạm phu tu học chẳng thể khế nhập là vì niệm niệm đều vì cá nhân mình, chẳng nghĩ đến người khác. Chư Phật, Bồ Tát niệm niệm đều vì chúng sanh, chẳng vì mình, vì tận hư không trọn khắp pháp giới tức là chính mình, hết thảy chúng sanh đều là chính mình, trên từ chư Phật Như Lai, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ địa ngục đều là chính mình. Thí dụ thân thể chúng ta là do vô số tế bào tạo thành, tế bào tốt, tế bào khỏe mạnh ví như Phật, Bồ Tát, tế bào hư xấu, tế bào có bệnh ví như tam ác đạo, hết thảy đều trong một thân thể, chẳng có tế bào nào xa lìa thân thể. Cho nên vì chúng sanh mới là chân chánh vì chính mình, chỉ vì mình mà buông bỏ chúng sanh thì là sai lầm quá đỗi.

Từ đó chúng ta mới hoằng nhiên đại ngộ, Phật vì hết thảy chúng sanh tức là chân chánh vì chính mình; nhà Phật nói về ba thân, đây là Pháp Thân. Báo Thân là trí huệ, triệt đề giác ngộ minh bạch là Báo Thân. Sau đó dốc toàn tâm toàn lực phục vụ hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ hết thảy chúng sanh hồi đầu cũng ví như giúp đỡ thân thể của mình, trong thân thể nào có bệnh đau thì liền chữa trị. Có thể nhận thức hư không pháp giới là một thể thì quan niệm của chúng ta đối với hết thảy người, sự, và vật sẽ hoàn toàn biến đổi.

Niệm niệm vì hết thảy chúng sanh, niệm niệm vì sự hạnh phúc của toàn thể tức là chân chánh vì mình. Đối người, đối sự, đối vật sẽ từ từ tương ứng với ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’; khi tương ứng thì sẽ là Bồ Tát, tương ứng viên mãn thì sẽ thành Phật. Một niệm tương ứng này cũng giống như một tế bào kiện toàn rồi, vĩnh viễn sẽ chẳng sanh bệnh nữa. Cho nên chúng ta nên thương yêu đoàn thể, thương yêu thế giới, thương yêu hết thảy chúng sanh, như vậy thì tâm lượng tự nhiên sẽ mở rộng. Khi tâm lượng mở rộng thì chân tâm bản tánh sẽ hiển lộ, vô lượng trí huệ đức năng sẽ tự nhiên hiện tiền. Cho nên quý trọng sự dạy dỗ của

Phật Đà, hết lòng nỗ lực tu học sẽ có thể khôi phục lại trí huệ đức năng sẵn có trong tự tánh.

4. Sứ mạng của Giáo dục Phật Đà trong thế kỷ hai mươi mốt

Bài giới thiệu sáng lập Tập San Giáo Dục Phật Đà (Buổi sáng 13-12-98)

Thế giới ngày nay đã đi đến thời đại dân chủ, tự do, mở rộng; thông tin phát đạt, giao thông thuận tiện nhanh chóng, địa cầu hình như đã biến thành một thôn xóm – thôn địa cầu, việc này nói rõ nhân dân cư trú trên quả địa cầu này giao thiệp với nhau ngày càng thêm mật thiết, gần gũi. Quan hệ gần gũi như vậy thì từ từ sẽ phát sanh xung đột và mâu thuẫn giữa các đoàn thể chủng tộc, các truyền thống văn hóa chẳng đồng, các phương thức sinh hoạt, hình thái ý thức, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, đây là một hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng này phải dùng phương thức thích hợp để tiêu trừ thì mới có thể đạt đến mức đoàn thể chủng tộc, văn hóa đa nguyên tôn trọng, quan hoài, và kính ái lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng chung sáng tạo phước lợi xã hội cho toàn thể văn minh nhân loại đa nguyên, đây là mục tiêu chung của các tầng lớp lãnh đạo toàn thế giới và các thân hào nhân sĩ hướng đến.

Sự giáo học của Phật pháp được kiến lập vì vấn đề này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta có Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thế giới tân hưng (*mới xây dựng*) do đức Phật A Di Đà kiếp lập, nơi đó cũng đề xướng dân chủ, tự do, mở rộng, hoan nghinh bạn bè thuộc các đoàn thể chủng tộc bất đồng, cùng chung chí hướng, đạo hiệp, đến từ bốn phương tám hướng, di dân đến địa khu ấy để cùng nhau sinh hoạt, tuy họ khác nhau nhưng cũng có những điểm giống nhau, điểm tương đồng chẳng trở ngại dị biệt, tương đồng và dị biệt chẳng hai, nhiều màu nhiều sắc, đẹp chẳng thể tả, tán thán kính trọng lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng chung khai phát Cực Lạc thế giới, cho nên những đoàn thể chủng tộc tụ tập ở địa khu ấy phức tạp hơn địa cầu rất nhiều. Họ đã thông qua giáo dục trí huệ cao đẳng nên đạt được mục đích ấy. Trong kinh Hoa Nghiêm, Hoa Tạng thế giới của Tỳ Lô Giá Na Phật cũng giống như vậy! Thiên đường chẳng phải là một đoàn thể cộng đồng đa nguyên văn hóa hay sao! Chúng ta quan sát kỹ đức Phật Thích Ca, đức Phật A Di Đà, Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Thượng Đế làm thế nào để đối diện với hiện thực, giải quyết những vấn đề này. Chúng ta có thể rút tĩa khảo thị từ trong đó, khai mở trí huệ xong thì sẽ biết làm thế nào giải quyết vấn đề của chúng ta.

‘Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, việc giáo học phải đi đầu’³⁴, người giác ngộ chân chánh biết chúng sanh tức là chính mình, thế nên Phật, Bồ Tát đều coi pháp giới như nhà mình, nên sự giáo hóa có thể hiện thành cõi nước an lạc.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật nói với chúng ta ‘Phật sở hành xứ’ tức là những địa phương được đức Phật giáo hóa, có thể đạt đến hiệu quả này chăng?

³⁴ *Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*

*‘Nước, ấp, làng xóm không nơi nào chẳng được Phật giáo hóa’*³⁵, quốc gia, địa khu, thành thị, thôn trang, hết thảy chỗ ở của chúng sanh chẳng đồng đoàn thể chúng tộc được sự giáo hóa của đức Phật, đều thay đổi lòng dạ hẹp hòi của họ, mở rộng tâm lượng, bao dung hết thảy, hòa đồng hết thảy, lại có thể chẳng làm hoại hết thảy, từ từ có thể đạt được hiệu quả ‘thiên hạ hòa thuận’, và cũng tức là hết thảy mọi người khác chúng tộc đều có thể đối xử hòa mục, tùy thuận lẫn nhau, hiện nay gọi là *‘hoàn cảnh chuyển theo tâm chúng sanh’*. Nếu người người ai cũng có thể biết đủ, chỉ lấy những gì mình cần mà thôi, tuyệt đối chẳng vượt quá phận mình, chẳng xâm phạm người khác, như vậy thì thiên hạ sẽ được hòa thuận. Những đoàn thể chúng tộc khác nhau trên quả địa cầu đều có thể chung sống hòa bình, thuận theo quy luật thiên nhiên, nhân tâm trở nên lương thiện, người đối xử với người phải chân thành, tuyệt chẳng gian dối, tâm địa của người nào cũng thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, đầy đủ trí huệ, lòng yêu thương; hoàn cảnh cư trú của chúng ta tự nhiên sẽ trở nên *‘mặt trời, mặt trăng trong sáng, mưa thuận gió hòa, tai họa ôn dịch đều chẳng sanh’*³⁶. Cho dù chẳng thể cắt đứt hết thảy hoạn nạn thì nhất định cũng sẽ hòa hoãn, giảm bớt.

Người Trung Quốc chú trọng phong thủy, phong thủy tức là hoàn cảnh cư trú của chúng ta, đích thật chuyển biến theo tình cảm, tư tưởng con người, đó chính là cảnh tùy tâm chuyển. Người xưa nói: *‘người có phước cư ngụ ở đất phước’*³⁷, cũng là đạo lý này. Bởi vậy nên chúng ta cần phải biết cách tu phước, tích phước, sau đó mới được quốc thái dân an, tai họa do người gây ra có thể vĩnh viễn tiêu trừ. Chúng ta tuân theo đạo đức, đề xướng nhân nghĩa, hy vọng có thể đạt đến người người đều hiểu lý, đều có thể nhường nhịn, đối xử theo lễ với nhau, tránh khỏi cạnh tranh.

Cạnh tranh chẳng phải là một việc tốt, đến sau cùng nhất định sẽ sanh ra xung đột quyền lợi, chẳng nhường nhịn lẫn nhau, vậy thì tai nạn do người tạo ra sẽ chẳng thể tránh khỏi. Từ những môi giới thông tin chúng ta biết được hiện nay các nơi trên thế giới tai nạn dồn dập, và lại mỗi năm càng nghiêm trọng hơn trước, ngày càng nghiêm trọng hơn trước, hơn nữa chẳng có dấu hiệu giảm bớt, đây là một chuyện lớn làm cho cả nhân loại âu lo. Nếu mọi người muốn tiêu trừ thiên tai nhân họa thì phải biết sự quan trọng của lễ nhường và nhường nhịn. Phật nói với chúng ta đó chẳng phải chỉ làm lợi ích cho mình mà cũng là lợi ích xã hội, lợi ích cho hết thảy chúng sanh trong thế gian. Nếu chỉ biết vì lợi ích của mình thì nhất định sẽ gây hại cho người khác, gây hại cho kẻ khác thì sẽ kết oán thù với chúng sanh. Sanh mạng này chẳng phải chỉ có một đời mà thôi, mà là vĩnh hằng, nếu những oán thù này chẳng thể hóa trừ, oan oan tương báo, [oan trái dây dưa] chẳng bao giờ dứt. Cho dù đời này chẳng tạo ra tai nạn to lớn, sau này lúc nhân

³⁵ (*Quốc ấp khuru tu, mị bất mông hóa*)

³⁶ (*nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi*)

³⁷ (*phước địa phước nhân cư*)

gặp duyên thì kiếp nạn từ trước đến giờ chưa có vẫn sẽ xảy ra, đây là tự làm tự chịu, cho nên chúng ta phải hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Tôi hy vọng tập san này sẽ có thể dùng tông chỉ Phật pháp hiện đại hóa, bản địa hóa để khuyến đạo người ta đối xử hòa mục, tuyên dương giáo nghĩa Đại Thừa, đạt đến mục tiêu đa nguyên văn hóa cùng tồn cùng vinh. Cũng giống như lời kinh dạy: *‘Mạnh chẳng bức hiếp yếu, ai cũng được lợi ích’*³⁸, nếu chúng ta có thể thiết thực thực hiện quan niệm này, và phát triển rộng ra thì tập san này sẽ thành công. Tôi tin tưởng nó sẽ thực sự công hiến cho thời đại này, hy vọng mọi người chúng ta vì mục tiêu này cùng nhau khích lệ.

5. Cảm tưởng sau khi thăm viếng Hội Giáo (Buổi sáng 16-12-98)

Chúng tôi đã đi thăm viếng viện dưỡng lão và cô nhi viện của những người Hội Giáo; phương pháp quản lý, tinh thần làm việc, thái độ thành khẩn của họ làm cho người ta kính phục. Trên phương diện kỹ thuật, họ lợi dụng máy vi tính dạy học, học sinh nhỏ nhất mới có bốn tuổi. Do đây có thể biết họ đối với việc truyền bá giáo nghĩa còn làm hoàn hảo hơn chúng ta nhiều, có nhiều chỗ đáng cho chúng ta học tập. Đặc biệt là tinh thần đoàn kết, tập trung lực lượng là chẳng có đoàn thể nào khác có thể sánh bằng. Điều thứ ba trong Tam Quy Y là ‘Quy y Tăng, chúng trung tôn’. Chúng là đoàn thể, Tăng đoàn là đoàn thể đáng được người tôn kính nhất trong những đoàn thể của thế gian và xuất thế gian vì Tăng đoàn làm được ‘Lục Hòa Kính’. Chúng tôi thấy những người đạo Hội này tuy chẳng có điều lệ Lục Hòa Kính nhưng sự đoàn kết và cách làm của họ phù hợp với Lục Hòa Kính, việc này đáng để cho chúng ta phản tỉnh.

Đối với hết thảy sự lý, nghiệp nhân quả báo nhìn thấy được rõ ràng nhất, triệt để nhất là chư Phật, Bồ Tát. Đó là *‘người đương sự thì mê, người bàng quan thì sáng suốt hơn’*³⁹. Chư Phật, Bồ Tát là người bàng quan, chẳng phải là người trong cuộc nên họ có thể nhìn thấy rõ ràng. Người trong cuộc có phân biệt, chấp trước, người bàng quan chẳng có phân biệt, chấp trước, hết thảy đối với họ chẳng liên can. Do đó có thể biết nếu muốn đạt được trí huệ giống như chư Phật, Bồ Tát, thì nhất định phải làm người bàng quan, và cũng tức là phải buông xuống phân biệt, chấp trước; đối với hết thảy sự lý, cảnh duyên, nghiệp nhân quả báo mới có thể rõ ràng, thấu triệt, mới biết xử lý công việc như thế nào.

Chân tướng sự thật rốt ráo chính là *‘vạn pháp đều là không’*, người trên trời nói với Hồng lão cư sĩ ‘Đến cũng không không, đi cũng không không’, đó là chân tướng sự thật rốt ráo. Ý nghĩa của hai chữ ‘Đến’ và ‘Đi’ là chỉ cho sự sanh diệt của tâm niệm, tâm niệm sanh tức là ‘đến’, diệt tức là ‘đi’, đến - đi đều là trong vòng sát na. Hiểu rõ ý tứ này thì đương lúc đó sẽ là ‘không không’. Phật pháp giảng về tam không – nhân ngã không, pháp ngã không, không cũng không, sau cùng ngay cả chữ không này cũng ‘không’ luôn, tức là ngay cả tâm niệm

³⁸ (cường bất lãng nhược, các đắc kỳ sở)

³⁹ (đương cục giả mê, bàng quan giả thanh)

‘không’ cũng chẳng thể phân biệt, chấp trước. Phân biệt không, chấp trước không thì vẫn chẳng không, vì vẫn còn cái ‘tâm niệm không’ này, cho nên mới nói ‘cái không này’ cũng phải không. Đoạn hết sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền, sẽ đạt được trí huệ giống chư Phật, Bồ Tát.

Đại Thừa giáo nói có ‘Tướng’, có thể thọ dụng. Nhưng phải hiểu ‘có’ này là huyền có, Dụng cũng chẳng chân thật, vì Thể Tánh là không. Thể là tịch tịnh, tịch tịnh tức là chân không. Sâu la vạn tượng, y chánh trang nghiêm đều dựa vào nó mà sanh khởi, Duy Thức Tam Tánh nói ‘Y Tha Khởi Tánh’⁴⁰, chân không, tịch tịnh là ‘Viên Thành Thật Tánh’⁴¹. Nhất định phải hiểu được Viên Thành Thật thì mới hiểu được Y Tha Khởi. Sau đó mới biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là ‘Biên Kế Chấp’, biên là biên kiến, kế là phân biệt, chấp là chấp trước. Buông bỏ Biên Kế Chấp thì Y Tha Khởi sẽ chẳng chướng ngại, do đó ‘lý sự vô ngại, sự sự vô ngại’

Chúng ta đối với hết thầy pháp trong thế gian và xuất thế gian đều lọt vào phân biệt, chấp trước mà chẳng biết buông xuống, đây chính là mê, chướng ngại trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, làm cho nó chẳng thể hiện tiền, do đó chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức chẳng ai không khuyên chúng ta buông xuống. Buông xuống là phước, nhìn thấy thấu suốt là huệ. Phước huệ của Phật viên mãn nên được xưng là ‘Nhị Túc Tôn’. Triệt để buông xuống thì huệ mới viên mãn.

Tây phương có một cuốn sách nói con người từ lúc lọt lòng liền quan sát cha mẹ và những người xung quanh, chẳng hay chẳng biết dần dần dưỡng thành tập quán ưa thích không chế người khác và không chế hoàn cảnh, do đó sanh ra dục vọng đi cướp đoạt. Dục vọng này che phủ linh tánh của mình, làm cho đời sống cả đời này vô cùng đau khổ, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Tác giả cuốn sách này chẳng có học Phật, cũng chẳng đọc kinh Phật, nhưng những câu nói này rất có đạo lý. Đây là đoạn văn lưu lại từ vài ngàn năm trước ở Nam Mỹ châu.

Cho nên ưa thích không chế người khác, cướp đoạt đồ vật của người khác làm lợi ích cho mình là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Mê càng sâu, phiền não tập khí càng nặng, tạo ra tội nghiệp càng lớn, thì làm sao có lý chẳng thọ quả báo cho được? Nghiệp nhân quả báo là mấu chốt của sự chuyển biến trong thập pháp giới. Phật nói: *‘Phật pháp cũng do nhân duyên sanh’*. Phạm phu muốn thành

⁴⁰ Y Tha Khởi Tánh nghĩa là do nhân duyên nên sanh khởi hết thầy vạn pháp Ví dụ: Sợi dây thừng do chánh nhân là những sợi gai và những trợ duyên khác cùng tạo thành. Không còn có ý tưởng làm lần thì sợi thừng chính là sợi thừng, nhưng sợi thừng chẳng có thật tánh. Hễ các duyên chia lìa thì sợi thừng không còn. Còn gọi là ‘sanh vô tánh’ (Trích Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 17: Công Đức Của Áo)

⁴¹ Viên Thành Thật Tánh tức là tánh chơn thật thành tựu viên mãn. Viên Thành Thật tánh còn gọi là Pháp Tánh, hoặc là Chơn Như, nó chính là thể tánh của hết pháp hữu vi. Chẳng hạn như thật tánh của sợi dây thừng là gai. Viên Thành Thật tánh là pháp dứt bật các đối đãi, lìa hết thầy tướng. Nếu thấy biết là gai thì lìa được cả tướng rắn lẫn tướng thừng. Còn gọi là ‘Thắng Nghĩa vô tánh’. (Trích Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 17: Công Đức Của Áo)

Phật thì phải chuyển biến, chuyển về mặt thiện nhất, làm cho tự tánh khôi phục viên mãn rốt ráo, lúc đó được xưng là thành Phật. Đức Phật độ chúng sanh là công việc này. Lúc nào chúng sanh giác ngộ, lúc nào gặp được duyên phần, mỗi người đều chẳng giống nhau. Chư Phật, Bồ Tát có trí huệ quán cơ, quán cơ là dùng ‘Căn Bản Trí’, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh, thiện xảo phương tiện là thuộc về ‘Hậu Đắc Trí’; biết thời tiết nhân duyên thành thực hay chưa, biết làm thế nào để tiếp xúc, làm thế nào thuyết pháp.

Không những chúng ta phải dùng Lễ để đối xử với các tôn giáo khác, đối với đồng tu học Phật cũng phải có lễ mao. Mọi người tu học pháp môn khác nhau, nhất định phải tôn trọng lẫn nhau, chẳng thể phá hoại lẫn nhau. Nếu phá hoại lẫn nhau thì dù công phu tu học có tốt cách mấy cũng phải đọa tam đồ thọ quả báo. Đó chính là *‘Thà khuấy động nước ngàn sông chớ chẳng động tâm của người tu đạo’*⁴², phá hoại đạo tâm của người khác, không hay không biết thì đã tạo nên tội ‘phá hòa hợp tăng’, quả báo sẽ là ở A Tỳ địa ngục. Thí dụ nếu bạn đến đạo tràng Thiền Tông khuyên họ niệm A Di Đà Phật, tự cho là mình có công, thật ra là đã phạm một sai lầm rất lớn. Người ta tham thiền mấy chục năm gần thành công rồi, bạn lại đến phá hoại, đây là tạo tội nghiệp, chẳng có nhiều người biết được đạo lý này. Bởi vậy nên phần đông các đạo tràng chẳng dám tùy tiện mời pháp sư, đại đức để giảng kinh thuyết pháp là sợ họ chẳng biết quy củ, trái lại tạo ra tội nghiệp. Bất luận tông phái nào chỉ cần là pháp sư chân chánh biết quy củ, mời họ đến giảng kinh thuyết pháp, đối với đại chúng tuyệt đối có lợi ích. Pháp sư chân chánh biết quy củ sẽ biết tán thán đạo tràng của người khác, tán thán pháp môn của người khác, tán thán vị thiện tri thức chỉ đạo họ.

Tôi ở Hương Cảng giảng kinh năm 1977, pháp sư Thánh Nhất ở núi Đại Dự mỗi ngày đều đến nghe kinh, nghe xong rất hoan hỷ nên mời tôi đến thăm viếng chùa Bảo Liên. Đây là một đạo tràng Thiền Tông mỗi ngày có bốn mươi mấy vị tọa hương, còn có mấy vị xuất gia người ngoại quốc, vô cùng quý báu! Tôi giảng khai thị ở thiền đường từ đầu đến cuối chẳng đề cập đến một câu A Di Đà Phật nào cả. Tôi tán thán đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, tán thán Thánh Nhất pháp sư là một vị thiện tri thức chân chánh, tán thán đại chúng là tăng đoàn hòa hợp. Thế nên Thánh Nhất pháp sư mới dám mời tôi đến giảng, thầy biết tôi là người hiểu quy củ, sẽ chẳng phá hoại đạo tràng, sẽ làm cho thính chúng tăng thêm lòng tin đối với pháp môn và thầy giáo.

Năm 1987 lần đầu tiên tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh, pháp sư Diễn Bồi mời tôi đến đạo tràng của thầy giảng khai thị cho tín chúng. Pháp sư Diễn Bồi tu Di Lạc Tịnh Độ nên tôi tán thán Di Lạc Tịnh Độ, tán thán đạo tràng của họ, tán thán pháp sư. Tôi chẳng nói đến một câu A Di Đà Phật nào cả, và cũng chẳng nói Di Lạc Tịnh Độ chẳng bằng Di Đà Tịnh Độ.

Nếu tín chúng không có một phương pháp và mục tiêu tu hành nhất định nào cả thì chúng ta có thể khuyên họ niệm Phật. Nếu đã có pháp môn tu học thì

⁴² (Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm)

không nên thay đổi, thay đổi họ chỉ có thể nói lúc ở riêng nơi khác, nếu nói tại đạo tràng của họ thì sẽ phá hoại sự tu học, đây là tội lỗi rất lớn. Bởi vậy nên những pháp sư học giảng kinh nhất định phải hiểu lễ tiết.

Chúng tôi đến đạo tràng Hồi Giáo nhất định phải tán thán Thượng đế ‘Allah’ của họ, chẳng thể tán thán A Di Đà Phật. Cũng giống như đến nhà người khác thì phải biết tôn trọng chủ nhân, đây là đạo lý của người làm khách, và cũng là điều kiện căn bản của việc làm người. Nhất định phải biết tôn trọng người khác, thương yêu người khác, giúp đỡ họ, tuyệt đối chẳng thể phá hoại, vì thành tựu cho người khác chính là thành tựu cho mình.

Đức Thế Tôn đối đãi với những tôn giáo khác tuyệt đối chẳng khuyên họ buông bỏ tôn giáo của họ để đến cùng ngài tu học Phật pháp. Hành vi ấy cũng giống như khuyên họ bỏ cha mẹ để đi theo mình học, đó là sai lầm. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở hiếu thân (*hiếu dưỡng cha mẹ*), sau khi học Phật thì càng phải hiếu kính cha mẹ hơn lúc trước, càng yêu thương Thượng Đế của bạn, càng yêu thương anh chị em của bạn, đó mới là Phật pháp. Bởi vậy nên Phật pháp được hết thầy trời người tôn trọng, Phật được xưng ‘Thế Tôn’ là vì đạo lý này. Chúng ta làm đệ tử của Thế Tôn chẳng được đi đâu cũng phá hoại người khác. Nhất định phải biết, phải học tập những thường thức cơ bản của việc xử sự, đãi người, tiếp vật này.

E. TRUYỀN BẢO THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Làm thế nào để hướng dẫn quyến thuộc học Phật (*Buổi sáng 15-11-98*)

Khi các bạn đồng tu dùng pháp môn niệm Phật để hướng dẫn quyến thuộc học Phật nhưng gặp người nhà phản đối và chẳng tiếp nhận thì các bạn phải biết nhẫn nại, hết lòng niệm Phật, để cho người nhà nhìn thấy tận mắt những lợi ích, công đức niệm Phật thù thắng, khi họ đích thân thể hội được thì dần dần họ cũng sẽ được cảm hóa. Khuyên người nhà niệm Phật mà họ không chịu thì hãy nghĩ chắc tại mình chưa biểu hiện được hoàn hảo, chẳng thể làm cho người khác tâm phục khẩu phục, cho nên tự mình phải xoay lại hết lòng nỗ lực tu học.

Tuy phương pháp và đường lối tu học rất nhiều, có câu nói: ‘*Pháp môn vô lượng, đường nào cũng về đến đích*’⁴³, mục tiêu phương hướng đều giống nhau, mục tiêu chung cực đều nhằm thành tựu vô thượng đạo, tức là thành Phật. ‘Vô thượng đạo’ chính là trí huệ cứu cánh viên mãn. ‘Thành Phật’ chính là thành tựu trí huệ và phước đức viên mãn; người có trí huệ và phước đức đến mức rốt ráo viên mãn thì được xưng là ‘Phật’. Vô lượng vô biên pháp môn đều nhằm đạt đến mục đích này. Phật dạy nhiều phương pháp như vậy là vì căn tánh, sự ưa thích,

⁴³ (*Pháp môn vô lượng, thù đồ đồng quy*)

và dục vọng của hết thảy chúng sanh chẳng giống nhau, sự giáo học của Phật vô cùng hoạt bát, thiết giống như người xưa ví với ‘*đẩy chiếc bè thuận theo dòng nước*’, vì vậy nên tu học rất dễ dàng, rất dễ thành tựu, đây tức là ‘*ứng cơ thuyết pháp*’. Trong hết thảy các pháp môn, chư Phật Như Lai đặc biệt tán thán pháp môn Niệm Phật vì duy chỉ có pháp môn Niệm Phật mới được hết thảy chúng sanh căn tánh chẳng đồng tiếp nhận, chẳng hạn định một loại chúng sanh nào, cho nên phạm vi nhiếp thọ vô cùng rộng lớn, hiệu quả cũng vô cùng thù thắng.

Lý do của sự thù thắng này nằm ở chỗ nào? Trong kinh có nói đến sự khởi nguyên của vũ trụ, vạn vật, và sanh mạng. Đây là điều mà từ xưa đến nay những nhà khoa học, triết học, tôn giáo đầy đủ thông minh trí huệ đều mong muốn hiểu rõ nhưng chưa hiểu nổi. Đức Phật Thích Ca cũng vì việc này mà xuất hiện trong thế gian để giải đáp chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh cho chúng ta hiểu rõ. Phật nói sanh mạng là một thể sanh mạng to lớn. Phạm phu cho cái thân này là sanh mạng nhưng chẳng biết thân này không phải sanh mạng, thân này chỉ là sự biểu hiện ở trong một hình thái nào đó. Sanh mạng là vĩnh hằng, chẳng sanh chẳng diệt, còn thân này có sanh có diệt. Thí dụ sự biểu diễn trên sân khấu, người [nghệ sĩ] ví như sanh mạng, sự biểu diễn ví cho sanh diệt. Trên sân khấu người này chẳng có sanh; rời khỏi sân khấu người này chẳng có diệt. Nhưng nhân vật, vai trò đóng trên sân khấu khi lên sân khấu thì được sanh, rời khỏi sân khấu thì liền diệt. Thế nên sanh mạng là vĩnh hằng bất biến, sự biểu hiện của sanh mạng thiên biến vạn hóa. Sân khấu của chúng ta chính là thập pháp giới. Nếu đức Phật Thích Ca chẳng giải thích chân tướng sự thật này thì chúng ta làm sao hiểu nổi!

Hết thảy hiện tượng đến như thế nào? Phật nói: ‘*duy tâm sở hiện duy thức sở biến*’. ‘*Tâm*’ là bản tánh của tự mình, chính là sanh mạng chẳng sanh chẳng diệt; ‘*thức*’ là tác dụng của sanh mạng, lúc sanh mạng khởi tác dụng biến hiện ra vô lượng vô biên cảnh giới. Nhà Pháp Tướng Duy Thức giải thích định nghĩa của ‘*Thức*’ chính là liễu biệt, phân biệt. Từ đây có thể biết y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới là do tâm phân biệt biến hiện làm nên. Kinh nói: ‘*Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh*’, ngàn ngữ thế gian nói: ‘*tâm tướng sự thành*’, ý tứ của câu nói này rất sâu xa. Ở đây thuyết minh thập pháp giới là do tâm tướng của chúng ta biến hiện ra, tướng cảnh giới gì liền biến ra cảnh giới ấy, đây chính là sanh mạng. Nếu chúng ta hiểu được ý nghĩa của câu này và tin sâu chẳng nghi thì mới thể hội được thâm ý của chư Phật Như Lai khuyên chúng ta tu pháp môn niệm Phật.

Trong những cảnh giới được hiện ra, pháp giới Phật trong thập pháp giới là viên mãn nhất, thù thắng nhất. Pháp giới Phật cũng là do niệm Phật mà thành, ‘*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*’. Cho nên Bồ Tát muốn thành Phật thì cũng phải niệm Phật. Chúng ta hiện nay niệm Phật là đi đường tắt làm Phật, chẳng đi đường quanh co. Pháp giới Phật cũng có nhiều thứ chẳng đồng, những thứ chẳng đồng này đều là do tâm niệm biến hiện ra. Trong truyện ký có ghi Thiên Thai Trí Giả đại sư đời Tùy, Đường là đức Phật Thích Ca tái lai nên lời của ngài cũng giống như lời của Phật Thích Ca đích thân nói ra. Ngài nói với chúng ta Phật

có bốn hạng, tức là [bốn hạng Phật thuộc] Thiên Thai tứ giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên, bốn hạng Phật này sai khác rất lớn. Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật còn chưa kiến tánh, là địa vị cao nhất, phước báo lớn nhất trong thập pháp giới, nhưng vẫn chưa đột phá ra khỏi thập pháp giới. Biệt Giáo Phật phá mười hai phẩm vô minh, tương đương với địa vị Nhị Hạnh trong Viên Giáo, vẫn còn sai khác với Viên Giáo Phật rất nhiều. Vì địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát vẫn còn tám ngôi vị mới tu thành Thập Hạnh viên mãn; phía trên Thập Hạnh còn Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác rồi mới chứng đến quả vị Phật viên mãn. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là trực tiếp chứng quả vị Viên Giáo Phật, vô cùng thù thắng; thế nên chư Phật, Bồ Tát chẳng có ai không tán thán pháp môn Niệm Phật, đây cũng là pháp môn hết thầy chư Phật đều tu.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói có rất nhiều Bồ Tát muốn cầu được pháp môn này nhưng chẳng được, vì họ chẳng có cơ hội nghe và cũng chẳng biết có pháp môn này. Tại sao họ mong cầu pháp môn này? Chính là hy vọng chứng được quả vị Phật viên mãn sớm hơn. Đời này chúng ta gặp được pháp môn này là may mắn to lớn, vô cùng hiếm có! Nếu gặp được mà chẳng tin tưởng, chẳng hiểu rõ, chẳng thể y giáo phụng hành thì thiệt là rất đáng tiếc. Có cơ hội gặp được mà bỏ lỡ là một sự tổn thất, đáng tiếc vô cùng to lớn. Trong kinh Di Đà đức Thế Tôn xót lòng rất miêng khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta phải thể hội đến lòng đại từ đại bi của Như Lai.

Niệm Phật, niệm là tưởng, ngày ngày đều tưởng nhớ, tức là trong tâm thật sự có đức Phật A Di Đà, niệm niệm đều có A Di Đà Phật; có A Di Đà Phật chính là có tâm, nguyện, và hạnh của Phật A Di Đà. Nói một cách khác, đem kinh Vô Lượng Thọ làm tư tưởng hành vi của mình thì đó chính là thực sự niệm Phật. Niệm Phật chẳng phải là chỉ niệm ở ngoài miệng, niệm Phật ở ngoài miệng là tuyên truyền, là đề niệm cho người khác nghe, để độ chúng sanh, có câu nói: *‘một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn làm hạt giống đạo’*. Niệm Phật là ‘tâm, nguyện, hạnh’ phải giống y như Phật. Tâm của Phật là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; Nguyện của Phật là giúp đỡ hết thầy chúng sanh trong pháp giới sớm thành Phật đạo; Hạnh của Phật là thật sự làm, nguyện chẳng phải giả, chẳng phải nguyện suông, phải tùy phận tùy sức trong đời sống hằng ngày, tận tâm tận lực giúp đỡ hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ. Đây là sự nghiệp của hết thầy chư Phật, Bồ Tát, trong Phật môn gọi là ‘gia nghiệp Như Lai’, cũng chính là giúp đỡ hết thầy chúng sanh giác ngộ. Pháp phương tiện hạng nhất ở thế giới Sa Bà là khuyên đạo, dùng cách giảng kinh thuyết pháp để khuyên lớn mọi người, giúp đỡ mọi người khai ngộ, đây là ngôn giáo; kẻ đó là thân giáo, làm ra hình dáng cho chúng sanh nhìn thấy. Nếu có thể làm ngôn giáo và thân giáo viên mãn thì đương nhiên người nhà của bạn sẽ cảm động, sẽ tin tưởng.

Bởi vậy nên niệm Phật vô cùng quan trọng, công đức ấy vô lượng vô biên, vô cùng thù thắng; không những nghiệp chướng đời này có thể tiêu trừ, nghiệp chướng từ vô lượng kiếp về trước cũng có thể tiêu trừ. Hơn nữa tiêu trừ ngay

trong một niệm, ‘*một niệm tương ứng, một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’.

Niệm niệm đều tương ứng cùng ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi’, tức là tương ứng với Tâm của Phật.

Niệm niệm đều tương ứng với bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà tức là tương ứng với Nguyện của Phật.

Niệm niệm giúp đỡ chúng sanh thì tương ứng với Hạnh của Phật.

Vọng niệm là từ nghiệp chướng biến hiện mà thành, vọng niệm tức là nghiệp chướng. Bởi vậy nên niệm niệm của chúng ta đều là Phật thì vọng niệm sẽ không còn nữa, nghiệp chướng cũng sẽ tiêu trừ hết; lúc chẳng niệm Phật và có vọng niệm tức là nghiệp chướng hiện lên. Thế nên phải thường niệm Phật, chẳng thể gián đoạn thì nghiệp chướng mới tiêu trừ được. ‘*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*’ thì công phu nhất định sẽ đắc lực, đây là bí quyết của việc niệm Phật.

2. Nói chuyện với Tịnh Tông Học Hội Mỹ Quốc (Buổi sáng 05-12-98)

Dương hội trưởng của Tịnh Tông Học Hội Mỹ quốc nhờ tôi dùng mạng lưới điện toán (internet) nói chuyện với mọi người và trực tiếp truyền hình. Lợi dụng kỹ thuật của mạng lưới điện toán, tôi ở Tân Gia Ba nói chuyện, toàn thế giới đều có thể nghe cùng một lúc, phương pháp này rất giống với lời nói trong kinh ‘*chẳng đời đạo tràng mà biến trọn khắp mười phương*’⁴⁴. Hiện nay giao thông nhanh chóng thuận tiện, thông tin phát đạt, đặc biệt là kỹ thuật của mạng lưới điện toán, ngay cả lúc đi du lịch, bất cứ ở lúc nào, nơi nào cũng có thể liên lạc đến cùng khắp thế giới, bởi vậy nên thế giới đã thu nhỏ lại.

Dùng Phật pháp để nói thì vốn chẳng có lớn - nhỏ vì không có một pháp nào chẳng xứng tánh, tánh đức chẳng có tương đối, cho nên trong kinh thường nói ‘*chẳng thể nghĩ bàn*’, đây đích thật là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới này ở ngay trước mắt chúng ta, nhưng vì tự mình ngu muội nên chưa phát hiện ra. Chư Phật, Bồ Tát đã phát hiện ra rồi, vả lại còn rõ ràng minh bạch cho nên quý ngài trụ ở trong Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và thập pháp giới là viên dung, chứ chẳng phải ngoài thập pháp giới có một cái Nhất Chân pháp giới, và cũng chẳng phải ngoài Nhất Chân pháp giới có thập pháp giới, trong kinh nói rất rõ ràng về đạo lý và sự thật này.

Hiện nay kỹ thuật tiến bộ, xã hội chẳng còn đóng kín nữa. Do đó chúng ta liên tưởng đến trong kinh Pháp Hoa có nói: ‘*Thời Mạt Pháp, pháp Đại Thừa khế cơ*’, đây đích thật là Thế Tôn có vô lượng trí huệ chân thật. Hiện nay bất cứ người nào suy nghĩ về vấn đề gì, nhãn quang đều phải hướng về hết thầy chúng sanh trên thế giới, tuyệt không thể chỉ nghĩ về một cá nhân, một đoàn thể, chúng ta phải nghĩ đến lợi ích chung của hết thầy chúng sanh trên thế giới, sự khảo lượng

⁴⁴ (*bát động đạo tràng, châu biến thập phương*)

như vậy mới chính xác. Nếu mỗi người chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của mình thì nhất định sẽ phá hoại lợi ích của đoàn thể.

Tỉnh Tông Học Hội Mỹ quốc vài năm gần đây có thành tích rất khá. Đặc biệt là lợi dụng đài truyền hình để chiếu những chương trình giảng kinh, phạm vi truyền hình bao gồm hết vùng bắc Mỹ châu, đây là công đức vô lượng. Quý vị sẽ phát triển phạm vi đến khắp bắc Mỹ châu nên tâm lượng mỗi vị đồng tu phải mở rộng, bao trùm bắc Mỹ châu cũng chưa đủ, hy vọng có thể mở rộng đến tối thiểu là trùm khắp cả địa cầu, niệm niệm đều phải nghĩ đến sự an định và phồn vinh của cả địa cầu.

Các đoàn thể chủng tộc chẳng đồng, văn hóa khác nhau, phương thức sinh hoạt khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau có thể tôn trọng, kính ái lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng nhau duy trì sự an định của xã hội, sáng tạo nên hạnh phúc mỹ mãn cho toàn thể nhân loại, quan niệm và nguyện vọng này là mục tiêu chung của bất kỳ nhà tôn giáo và người lãnh đạo của học phái nào. Chính phủ Úc châu đối với văn hóa đa nguyên vô cùng coi trọng, tại Queensland có một Cục Tôn Giáo Dân Tộc Thiểu Số, ông Cục trưởng Vu Lu vì muốn đạt đến mục tiêu này nên mỗi tháng đều tổ chức một buổi luận đàm đa nguyên văn hóa, mời những lãnh tụ tôn giáo và những người có tiếng tăm trong xã hội cùng nhau nghiên cứu thảo luận. Hơn nữa ở đại học Cát Lệ Phi Tư hoạch định xây một ‘Trung tâm hoạt động đa nguyên văn hóa’, mỗi tôn giáo đều được phân phối cho một nơi dành để tu đạo. Đại thánh đường của trung tâm hoạt động là một nơi tụ tập công cộng. Tôi đề nghị học hiệu đương cục thiết lập một ‘Sở nghiên tập đa nguyên văn hóa’, ‘nghiên’ là nghiên cứu, ‘tập’ là thực tập, thực tập nghĩa là phải làm. Nhà Phật nói: ‘*Giải hạnh tương ứng*’, Vương Dương Minh nói: ‘*Tri hành hợp nhất*’, nghĩa là không những phải biết mà còn phải làm nữa. Sở nghiên cứu học tập đa nguyên văn hóa là để bồi dưỡng nhân tài chuyên nghiệp, sứ mạng của những nhân tài này là nhằm hóa giải những sự mâu thuẫn, hiểu lầm, ngăn cách giữa những đoàn thể chủng tộc bất đồng văn hóa, làm cho tất cả chúng sanh đều hỗ trợ hợp tác, đối xử hòa mục, đây là một chuyện tốt, rất có ý nghĩa.

Phật dạy chúng ta phải phổ độ chúng sanh, câu thứ nhất trong tứ hoằng thệ nguyện là ‘*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*’, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh không thể có tâm phân biệt, chấp trước, thành kiến, thiên vị. Nhà Phật nói: ‘Thiện lợi’, lợi nghĩa là phước lợi, phước lợi làm thế nào đạt đến tiêu chuẩn thiện? Phải tương ứng với quan niệm và sự thật của đa nguyên văn hóa, được vậy thì phước lợi này thiện, không những có thể tiêu trừ những tai hại do người gây ra mà còn có thể tiêu trừ những tai hại tự nhiên.

Trong kinh nói: ‘*Y báo chuyển theo chánh báo*’, chánh báo là tâm người, tâm người bình hòa (*bình tịnh, an hòa*) thì hoàn cảnh cư trú cũng chuyển biến theo. Những năm gần đây, địa cầu phát sanh rất nhiều biến hóa, đem lại rất nhiều tai hại tự nhiên. Nguyên nhân của việc này là tâm người biến đổi, trở thành tự tư tự lợi, tham sân si mạn mỗi ngày tăng thêm, nhân tâm và nhân tánh đều chẳng chánh thường (bình thường) nên hoàn cảnh cư trú cũng trở nên chẳng bình thường. Chân

chánh hiểu được nghĩa lý này thì phải khôi phục lại tâm bình thường, tâm bình thường chính là ‘tịch tịnh’, như đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ là ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’; trái nghịch với năm chữ này thì tâm của chúng ta sẽ chẳng bình thường, tâm đã bị bệnh rồi.

Kinh Vô Lượng Thọ nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm của tây phương Cực Lạc thế giới, kinh Hoa Nghiêm cũng nói đến Hoa Tạng thế giới hoàn mỹ đến cùng cực. Tại sao hoàn cảnh sinh hoạt của họ tốt đẹp như vậy? Vì những người cư trú ở Hoa Tạng thế giới là bốn mươi một vị Pháp thân đại sĩ, tây phương Cực Lạc thế giới là ‘*noi những người thượng thiện tụ họp*’. Thế nên chúng ta phải nghĩ quả địa cầu này cũng biến thành Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng thế giới, chỉ cần những người cư trú trên địa cầu chịu sửa đổi, ai cũng chịu tu thượng thiện thì sẽ làm được. Chẳng phải nhờ vào một người, hai người mà phải là mọi người cùng nhau làm việc này. Thế nên phải có người chân chánh phát tâm, đem những đạo lý và chân tướng sự thật này giới thiệu và tuyên dương rộng rãi đến toàn thế giới. Chỉ cần mọi người đều hiểu rõ, đều chịu làm, hết thấy những tai nạn trên thế giới sẽ có thể tránh khỏi và tiêu trừ.

Tôi lợi dụng thời gian buổi họp sáng nay, công hiến cho chư vị những lời nói này, hy vọng chúng ta cùng nhau phát tâm, hết lòng nỗ lực học tập, hoằng dương, hy vọng đạt đến mục tiêu thế giới hòa bình, xã hội an định, chúng sanh hạnh phúc.

F. ĐIỂN TỊCH PHẢI ĐỌC

1. Nói về ‘Hoa Nghiêm Giảng Sử’ và điển tịch Tịnh Tông (Buổi sáng 02-12-98)

a. Sơ lược lịch sử kinh Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm nguyên bản chỉ có một loại nhưng phân lượng rất lớn. Cách người Ấn Độ tính toán kích thước một tác phẩm bằng cách dùng kệ tụng làm đơn vị. Nói một bài kệ hoặc một bài tụng đều có cùng một nghĩa, cứ tính bốn câu là một đơn vị. Bất luận là kệ tụng, trường hàng hoặc mật chú đều dùng bốn câu thành một đơn vị; trong một đơn vị, số chữ chẳng giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm tổng cộng có mười vạn bài tụng, tức là bốn mươi vạn câu, phân lượng này rất lớn.

Đặc biệt là vào thời cổ xưa, giấy chưa được phát minh, kinh điển được viết trên lá Bối (cây Bối đa la). Lá cây được kết thành từng phiến từng phiến, thông thường trên một mặt có thể viết được bốn hàng đến sáu hàng, viết cả hai mặt. Sau đó xoi lỗ ở hai đầu, dùng dây xỏ lại thành từng xấp, đây là phương thức kinh điển được làm thành thời xưa. Bốn mươi bốn vạn câu phải cần rất nhiều lá Bối để chép, hơn nữa lá cây này có chiều dày nhất định nên có thể thấy những cuốn kinh như vậy số lượng tương đối rất lớn. Số lượng lớn như vậy rất dễ bị thất lạc, cho nên lúc được truyền vào Trung Quốc, kinh Hoa Nghiêm là một bản kinh bị khiếm khuyết chẳng đầy đủ. Lần đầu tiên được truyền vào là vào triều nhà Tấn [khoảng

năm 265-420], chỉ có ba vạn sáu ngàn bài tụng, chỉ bằng một phần ba của mười vạn bài kệ tụng, hai phần ba còn lại đã bị mất đi. Ba vạn sáu ngàn bài kệ tụng này dịch sang chữ Hán tổng cộng thành sáu mươi quyển, bộ này được gọi là ‘Tán Kinh’, hay gọi là ‘Lục Thập Hoa Nghiêm’. Hiện nay vẫn còn lưu thông nhưng người đọc tương đối ít.

Lần thứ nhì là vào triều nhà Đường, khoảng năm Chứng Thánh, tức là lúc Võ Tắc Thiên chấp chánh, do Thập Xoa Nan Đà đại sư (Siksananda 652-710) từ Tây Vực đem đến, so với lần trước thêm được chín ngàn bài tụng, tổng cộng có bốn vạn năm ngàn bài tụng, dịch ra thành tám mươi quyển, được xưng là ‘Bát Thập Hoa Nghiêm’. Kinh văn tuy chỉ có bốn vạn năm ngàn bài tụng nhưng ý tứ chính của kinh Hoa Nghiêm đều đã có thể đọc thấy được. Thế nên ngày nay chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, có khi đọc đến một đoạn nào đó, ý tứ chưa hết thì kinh văn đã chấm dứt là vì bị thiếu mất [như kể ở trên]. Nguyên bản Phạn văn của kinh Hoa Nghiêm đã bị thất truyền, hiện nay bản được bảo tồn đầy đủ nhất vẫn là bản dịch sang Hoa văn.

Lần thứ ba là khoảng năm Trinh Nguyên, đời Đường Đức Tông (795), Ấn Độ có một nước nhỏ ⁴⁵ triều cống [lễ vật] cho Trung Quốc. Trong lễ phẩm có một bộ ‘Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm’, kinh văn hoàn chỉnh chẳng bị thiếu khuyết, vô cùng trân quý. Do cao tăng Ấn Độ pháp sư Bát Nhã dịch sang Hoa văn, tổng cộng có bốn mươi quyển, được gọi là ‘Tứ Thập Hoa Nghiêm’. Cho nên Tứ Thập Hoa Nghiêm tức là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm. Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm trong Bát Thập Hoa Nghiêm chiếm hết hai mươi một quyển, chỉ có khoảng phân nửa của bốn mươi quyển. Do đó rõ ràng là vào đời Đường, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm đã bị thiếu hết phân nửa, đến năm Trinh Nguyên mới được thêm đầy đủ. Cho nên hiện nay kinh Hoa Nghiêm mỗi phẩm đều bị thiếu chỉ có Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm là đầy đủ mà thôi. Hoàng Nhất đại sư dạy chúng ta phương pháp học tập, đọc Bát Thập Hoa Nghiêm đến quyển năm mươi chín xong thì đọc tiếp Tứ Thập Hoa Nghiêm, cộng chung thành chín mươi chín quyển.

Sau khi Bát Thập Hoa Nghiêm được phiên dịch xong, triều đình thỉnh Trừng Quán pháp sư (tức là Thanh Lương quốc sư, 738-839) viết chú giải cho kinh này, chú giải này được gọi là Sớ. Sau khi Sớ này viết xong lúc đó có nhiều người vẫn cho rằng Sớ này còn quá thâm áo, sợ hàng hậu học chẳng hiểu nổi cho nên Thanh Lương quốc sư vô cùng từ bi lại viết thêm cuốn ‘Tùy Sớ Dẫn Nghĩa Sao’. Sớ là chú giải cho kinh. Sao là chú giải cho Sớ, tức là chú giải cho chú giải, cách này rất có ích cho người đời sau học tập kinh Hoa Nghiêm. Thanh Lương quốc sư chỉ viết Sớ chứ chẳng viết Sao cho Tứ Thập Hoa Nghiêm. Nhưng nếu bắt đầu học tập từ Bát Thập Hoa Nghiêm, có cơ sở của năm mươi chín quyển đầu, sau đó đọc Tứ Thập Hoa Nghiêm Sớ sẽ chẳng cảm thấy khó khăn.

⁴⁵ nước Ô Trà (Odra), nước cổ ở Đông Ấn Độ, nay là Orissa

Cư sĩ Lý Thông Huyền (635-730) đời Đường, người đời sau xưng ngài là Lý Trường Giả, là người trong hoàng tộc, tuy chẳng xuất gia nhưng sinh sống một cuộc đời thanh tâm ít dục của những bậc tu hành, cảnh giới rất cao, thần thông cảm ứng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Ngài phát tâm viết chú giải cho kinh Hoa Nghiêm, quyển này được gọi là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận.

Hiện nay chú giải của hai người nói trên là tài liệu tham khảo rất yếu cho những người nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Phương thức chú giải của hai người này khác nhau, Thanh Lương quốc sư thì chú giải cho từng câu kinh văn, đây là phương thức của Sớ Sao; Lý Trường Giả thì viết chú giải cho từng đoạn, luận là thảo luận, phát huy điểm quan trọng trong cả khoa, cả đoạn, đây là phương thức của Luận. Sớ Sao đối với những người học Giáo rất có ích lợi, nhưng người tu hành thích nêu ra những điểm trọng yếu, chẳng thích giảng từng câu, cho nên có phần thích cuốn Hợp Luận nhiều hơn. Do đó những người tham thiền trong Tông Môn rất thích Hợp Luận; những người nghiên cứu và giảng kinh thì lại thích Sớ Sao nhiều hơn. Tóm lại thì Luận có ưu điểm của Luận, Sớ Sao có chỗ hay của Sớ Sao.

Đầu đời nhà Thanh, phương trượng chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn, Phước Châu là Đạo Bái Thiên Sư đem Sớ và Luận kết hợp lại làm thành Sớ Luận Toàn Yếu. Chỉ thú của Sớ và Luận chẳng giống nhau, có thể dung hợp lẫn nhau đích thật chẳng dễ. Sớ Luận Toàn Yếu đối với người mới học Hoa Nghiêm rất có ích, cuốn này có thể nói đã đem những bộ phận tinh yếu của Sớ Sao và Hợp Luận hội tập lại với nhau, rất tiện lợi cho người sơ học. Nhưng nếu chân chánh muốn thâm nhập thì vẫn phải đọc toàn bộ Sớ Sao lẫn Hợp Luận.

b. Điển Tịch Tịnh Tông

Tu học pháp môn Tịnh Độ nhất định phải quen thuộc với điển tịch Tịnh Tông, tức là Ngũ Kinh Nhất Luận. Ngũ kinh gồm có kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông [trong kinh Lăng Nghiêm], và Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên [trong kinh Hoa Nghiêm]; Nhất luận là Vãng Sanh Luận, tổng cộng gồm có sáu thứ. Phải hiểu rõ tánh chất của mỗi thứ này thì tu học mới biết hạ thủ ở nơi nào.

Kinh luận Tịnh Tông lấy kinh Vô Lượng Thọ làm chủ yếu, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ; kinh A Di Đà chủ yếu là khuyên tín, khuyên nguyện. Trong kinh A Di Đà, đức Phật ba lần khuyên nguyện, khuyên chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Sáu phương Phật khuyên chúng ta phải nên tin kinh này, ba lần khuyên phát nguyện, đức Phật đúng là đau lòng rất miệng. Thế nên rất nhiều người tụng kinh Di Đà vào khóa tụng sáng tối là có đạo lý của nó.

Có thể nói chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông. Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên cũng bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. Vì kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu có đoạn *‘đều cùng tuân*

tu theo đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ’⁴⁶, đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ là Mười nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát nói trong phần cuối của Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện, đây là bổ sung cho Phổ Hiền Đại Sĩ chỉ đức, như vậy thì Tịnh Tông điển tịch đã viên mãn. Vãng Sanh Luận là báo cáo tâm đắc tu học của Thiên Thân Bồ Tát, có thể làm thị phạm cho chúng ta. Hiểu rõ tính chất của sáu điển tịch này thì tu học mới biết hạ thủ nơi nào, có thể làm cho người tu học có lòng tin kiên định, chân chánh làm được ‘chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn’, được vậy thì nhất định sẽ thành tựu.

G. TRẢ LỜI NGHI VẤN HỌC PHẬT

1. Làm thế nào để giải quyết vấn đề xã hội trước mắt. (Buổi sáng 12-12-98)

Trong tạp chí Mộ Tây của Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, nội dung của chủ đề thảo luận trong số phát hành kỳ sau đề cập đến ‘công lợi chủ nghĩa’⁴⁷ phát triển đến mức cùng cực trong xã hội hiện đại; truyền hình, điện ảnh, mạng lưới quốc tế mở rộng, tự do, trong ấy tràn đầy tình dục và bạo lực, những thứ này đã được đem tới tận cửa mỗi gia đình, tạo thành tổn hại lớn lao cho nhân loại. Học trò tiểu học ở Mỹ đã bắt đầu sử dụng máy điện toán, khi máy điện toán được nối vào mạng lưới điện toán thì liền có thể thu nhận được những tư liệu, dữ kiện này. Trẻ em còn chưa có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác mà tiếp nhận những sự đầu độc này, hấp thụ những tư liệu đen tối này, tiêu thụ với số lượng khổng lồ, đây là một hiện tượng vô cùng đáng sợ. Cho nên họ nói đến chủ đề ‘Nếu A Di Đà Phật làm Cục trưởng Bộ thông tin’ thì may ra có thể cải biến được phong hóa xã hội. Đây là một sự tỉnh ngộ, là một cảnh giác cao độ.

Ba mươi năm trước có một lần tôi đi thăm Phương Đông Mỹ tiên sinh, nhằm đúng lúc hai viên chức cao cấp trong Bộ Giáo Dục [Đài Loan] đến thỉnh giáo ông Phương: ‘Làm thế nào để đẩy mạnh công việc vận động phục hưng văn hóa Trung Hoa?’. Ông Phương nói nếu muốn đạt đến hiệu quả lý tưởng của sự ‘Vận động phục hưng văn hóa’ thì:

Thứ nhất hết thầy các tòa báo, tạp chí ở Đài Loan đều phải ngưng hoạt động.

Thứ nhì đài truyền hình, điện đài vô tuyến cũng phải đóng cửa.

Ông Phương nói ‘Những thứ này mỗi ngày đều đang phá hoại văn hóa Trung Hoa thì làm sao có thể phục hưng văn hóa cho được?’.

⁴⁶ (hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chỉ đức)

⁴⁷ Công lợi chủ nghĩa là chủ nghĩa chú trọng lợi ích trước mắt của mình, làm việc gì cũng đặt lợi ích của mình lên trên hết.

Sau đó câu hỏi thứ nhì là: ‘Hiện nay nước Mỹ là nước mạnh nhất thế giới, trước kia La Mã cũng phải diệt vong, tương lai nhân tố đầu tiên làm nước Mỹ diệt vong là gì?’.

Phương tiên sinh vô cùng nghiêm túc và trả lời: ‘Truyền hình (TV)’.

Lúc đó mạng lưới điện toán còn chưa phát triển, nếu là bây giờ thì Phương tiên sinh nhất định sẽ trả lời: ‘Mạng lưới điện toán’.

Việc này cùng với vấn đề quý vị đang âu lo chẳng hẹn mà gặp nhau. Chúng ta đối đầu với vấn đề xã hội hiện thực thì phải làm thế nào? Phương pháp của Phương tiên sinh đề ra quả thật có hiệu quả nhưng chẳng thể nào thực hiện được vì bây giờ chẳng thể nào phế bỏ những phương tiện truyền bá, môi giới thông tin này nổi. Nói cách khác chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng thế giới hiện nay đang có chiều hướng tiến tới hủy diệt, tiền đồ là cả một màu đen tối. Một ngày trước khi vãng sanh, lão cư sĩ Lý Bình Nam nói với học trò đang có mặt lúc đó: *‘Thế gian đã loạn rồi, cho dù chư Phật, Bồ Tát, thần tiên hạ phàm cũng chẳng cứu vãn nổi. Chỉ còn con đường sống sót duy nhất tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ’*, đây là lời dạy cuối cùng của ngài.

Những nhà tiên tri ở Đông và Tây phương đều dự đoán cuối thế kỷ hai mươi thế giới sẽ có tai nạn lớn kéo dài hơn hai mươi mấy năm. Sau khi tai nạn chấm dứt thế giới sẽ có một ngàn năm hòa bình. Nhân tố gây ra tai nạn này là những gì các bạn hôm nay đã nhìn thấy.

Trong tình huống như vậy, hy vọng A Di Đà Phật đến làm Cục Trưởng Cục thông tin, A Di Đà Phật đến hay không? Ai có quyền mời A Di Đà Phật đến nhậm chức Cục Trưởng Cục Thông Tin? Đây là việc chẳng ai làm nổi. Cho nên hy vọng các vị đồng tu, ai cũng đều làm đệ tử Di Đà, trong thời đại hiện nay phải trực tiếp đảm đương làm phát ngôn viên cho A Di Đà Phật, chẳng những phải tuyên dương Giáo Nghĩa Di Đà, mà còn phải hết lòng nỗ lực làm gương tốt cho người thế gian noi theo.

Tôi giảng kinh hoàng pháp đến nay đã được bốn mươi năm. Trong bốn mươi năm này mỗi ngày tôi đều đọc kinh, chưa từng rời khỏi cuốn kinh, huân tu trong một thời gian dài, y giáo phụng hành. Nhưng chỉ dựa vào lực lượng của cá nhân mình thì nhất định chẳng thể nào làm được, phải cầu mong chư Phật, Bồ Tát oai thần gia trì. Sự cầu mong này chẳng phải dùng một lời nói suông mà có thể cầu được, phải dùng tâm chân thành và thực hiện giáo nghĩa thì mới cảm ứng đạo giao. Chúng ta làm hết lòng, hết sức, chỉ cần thế gian có thêm một người hiểu được Phật lý, thêm một người nhất tâm niệm Phật thì tai nạn có thể giảm được một phần; cho dù chẳng thể hoàn toàn tiêu trừ thì cũng có thể trì hoãn. Mọi người cùng nhau hết lòng nỗ lực làm thì nhất định sẽ có được hiệu quả.

Mười năm gần đây tôi tuyên dương kinh Vô Lượng Thọ trên khắp thế giới, tôi dùng bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, bản này do lão cư sĩ Lý Bình Nam truyền cho tôi. Năm Dân quốc 39 (1950) thầy Lý giảng kinh này ở chùa Pháp Hoa tại Đài Trung, trên bản kinh này có lời chú giải tường tận của thầy. Chúng tôi đã

in ra bản kinh này cúng dường đại chúng. Và thuận theo lời giao phó của thầy chúng tôi dốc hết tâm lực để giới thiệu và truyền bá bản kinh này khắp nơi.

Sau đó tôi có duyên gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ nhờ tôi đề xướng ‘Tịnh Tông Học Hội’, từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ nghe đến cái tên ‘Tịnh Tông Học Hội’, sau đó mới biết ‘Tịnh Tông Học Hội’ là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư đề ra nhưng chưa có tổ chức. Tôi nhận lời phó thác của cụ Hoàng, ở tại Gia Nã Đại thành lập ra ‘Tịnh Tông Học Hội’ đầu tiên, và ở Mỹ thành lập lần thứ hai, hiện nay trên toàn thế giới đã có gần năm mươi ‘Tịnh Tông Học Hội’. Trước kia đạo tràng Tịnh Tông được gọi là ‘Liên Xã’, hiện nay chúng ta đổi tên ‘Liên Xã’ thành ‘Tịnh Tông Học Hội’. Mỗi hội này đều độc lập, chúng tôi chỉ giúp đỡ và ủng hộ mà thôi, chẳng có quyền cai quản; chúng tôi chỉ làm tròn nghĩa vụ, chẳng có quyền lợi. Hy vọng mỗi Học Hội đều hoàng dương kinh Vô Lượng Thọ và Tịnh Độ ngũ kinh, hết lòng nỗ lực, chắc thật niệm Phật, tự hành hóa tha, cùng nhau vượt qua tai nạn này, đây là việc mà ngày nay chúng ta có thể làm được.

Những năm gần đây chúng tôi cũng bắt đầu dạy học trên mạng lưới điện toán, đem Phật pháp gọi lên mạng lưới điện toán. Xã hội hiện đại là dân chủ, tự do, mở rộng, chẳng thể cấm đoán ngôn luận, sách vở xuất bản tự do lưu thông, chúng ta chỉ có thể giới thiệu chánh pháp của Như Lai và những lời dạy của cổ thánh tiên hiền cho người trong thế gian, để cho mọi người so sánh kỹ càng, tự do tuyển chọn. Hiện nay chỉ có thể dùng cách làm này, nhất định chẳng thể dùng cách ra lệnh, thời xưa có thể dùng phương thức ép buộc người ta, hiện nay chẳng thể [ép buộc người ta] được. Cho dù là cha đối với con, thầy giáo đối đãi với học trò, đều phải xem như bạn bè lẫn nhau, ngồi xuống cùng nhau bàn bạc, đây là quan hệ thực tế giữa người với người trong xã hội hiện đại. Ngày xưa người lớn có quyền uy, người nhỏ tuổi chỉ phục tùng, tiếp nhận sự chỉ dạy. Cách làm này đích thật có lợi ích cho hàng căn tánh trung hạ. Trong xã hội dân chủ, tự do, mở rộng này thì quyền uy đã không còn nữa, người người đều bình đẳng, chỉ có trao đổi ý kiến lẫn nhau, thương lượng lẫn nhau. Trong hoàn cảnh như vậy giáo học khó khăn hơn lúc trước rất nhiều.

Hơn nữa hết thấy chúng sanh đích thật là ác nhiều, thiện ít. Bách Pháp Minh Môn Luận nói Thiệt Tâm Sở gồm có mười một thứ, Ác Tâm Sở gồm có hai mươi sáu thứ; hoàn cảnh bên ngoài cũng là ác nhiều thiện ít. Trong hoàn cảnh như vậy những người biết hồi đầu (*quay lại, quay về*), biết đoạn ác tu thiện quá ít. Chúng ta chỉ có thể cầu mong chư Phật, chư Bồ Tát thường thị hiện trong thế gian này, làm gương tốt cho hết thấy chúng sanh khổ nạn. Chư vị đồng tu giác ngộ và hiểu rõ rồi, chịu phát tâm quên mình và vì người khác, làm gương tốt cho xã hội đại chúng, được vậy thì các bạn sẽ là hóa thân của Phật, Bồ Tát đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn. Bởi vậy nên phải ‘xoay lại cầu chính mình’, bắt đầu làm từ tâm địa của mình. Nếu tự mình hiểu rõ nhưng chẳng chịu hết lòng học tập, y giáo phụng hành, mà lại hy vọng Phật, Bồ Tát đến ứng hóa thì chẳng thể được. Chỉ có thể dùng tâm chân thành, từ bi mới có thể cùng chư Phật, Bồ Tát và thánh hiền đời xưa khởi cảm ứng, tư hào chẳng thể làm giả được.

Hy vọng những cán sự, nhân viên tại Tịnh Tông Học Hội ở Los Angeles có thể tổ chức cùng nhau đến Tân Gia Ba tham học, quan sát, [tôi] tin tưởng như vậy có thể có đôi chút công hiến giúp đỡ cho công việc, sự tu học, và [giảm bớt] sự lo lắng của quý vị. Thiện tâm thiện nguyện của quý vị nhất định sẽ được chư Phật, Bồ Tát tán thán. Hy vọng chúng ta đem ra hành động [thực tiễn] để đối phó với vấn đề này, tìm ra phương pháp giải quyết.

PHỤ LỤC

Trích một đoạn trong bài ‘Tứ Thư Ngẫu Ích Giải – Thiên ‘Học Nhi’ trong Luận Ngữ’

do Hòa Thượng Tịnh Không giảng tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Bắc. Số Hồ sơ 20-1-02, trang 11

(để giải thích thêm về danh từ ‘Tam Cương Bát Mục’ dưới lăng kính Phật pháp.)

Tam Cương là gì? Minh minh đức, Thân dân, Chỉ ư chí thiện. Trong Phật pháp, Minh minh đức chính là Tự Giác, Thân dân là Giác Tha, Chỉ ư chí thiện là Giác Hạnh viên mãn, là học những điều này! Nói tóm lại tức là học ‘Minh tâm kiến tánh’. Nho và Phật đều giống nhau, Minh đức chính là Kiến tánh. Trên ‘Minh đức’ lại thêm vào một chữ ‘Minh’ nữa, có thể nói là Minh đức đã chẳng ‘minh’ rồi. Thế nên mục đích chúng ta Học tức là làm cho ‘Minh đức’ khôi phục lại ánh sáng, là cầu việc này, đây là ‘Tự Giác’, tự thọ dụng. Sau khi mình thành tựu xong mới dạy người khác, đây là việc ‘Giác tha’, là ‘Thân dân’. ‘Chỉ ư chí thiện’ là gì? Tức là hai thứ này chẳng hai, Tự giác chính là Giác tha, Giác tha chính là Tự giác, chẳng phải hai việc mà là một việc, như vậy mới chí thiện. Chia nó thành hai thì chẳng chí thiện. Bạn xem, người Tiểu Thừa tự giác, chẳng giác tha, họ chia thành hai sự việc; Quyền Giáo Bồ Tát giác tha, chẳng biết tự giác, như vậy cũng chia thành hai sự việc; thế nên cả hai đều chẳng chí thiện. Chỉ ư chí thiện là những đại Bồ Tát, Thật Giáo Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, họ là ‘chỉ ư chí thiện’.

Chúng ta dùng cách nói của ‘Tịch và Chiếu’ để giải thích Tự giác. ‘Tịch mà thường chiếu’ là tự giác. ‘Chiếu’ nghĩa là hiểu rõ hết thấy cảnh giới, tâm định. Tự Giác chú trọng trên ‘Thể’, từ Thể khởi Dụng, đây là Tự Giác. Giác Tha nghĩa là ‘Chiếu mà thường tịch’, đây là nhiếp Dụng quy về Thể, tự mình được thọ dụng. Bạn xem, từ Thể khởi Dụng, cũng nghĩa là Tự, Tha đều được lợi ích. Lúc Giác tha, từ Dụng quy đến Thể, vẫn là Tự, Tha đều được lợi ích, Tự, Tha là một chứ chẳng phải hai. Nếu phân Tự, Tha thành hai thì là mê, chẳng giác, có Tự có Tha thì chẳng thể nói đến việc Học; đến khi nào Tự và Tha chẳng hai, Giác Chiếu đồng thời thì đây chính là Chỉ ư chí thiện. Đây là dùng ‘Tam Giác’ để giảng.

Trong pháp Đại Thừa nếu dùng ‘Tam Bồ Đề tâm’ để giải thích thì cũng thỏa đáng. ‘Minh minh đức’ chính là tâm thanh tịnh, đức của tâm là thanh tịnh, ‘*Vốn là chẳng có một vật, chỗ nào có nhuộm bụi trần*’; ‘Thân dân’ là Từ bi, ‘Chỉ ư chí thiện’ là Bình Đẳng. Tâm Bình đẳng là ‘Trực tâm’, ... ‘Tâm đại bi’ là ‘Thân dân’.

Đây là nói Học Phật phải biết cương lĩnh, tôi học những gì? Nói từ ba Tâm Bồ Đề thì càng rõ ràng, đạo lý của sự học vấn chẳng có gì khác, đó chính là ‘tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi’, đây tức là học vấn.

Tam Cương là mục tiêu, dùng phương pháp gì để hoàn thành? Phía sau là Bát Mục, dùng Bát Mục để đạt đến Tam Cương này. Thứ nhất là ‘Cách Vật’, vật là vật dục. Trong ‘Tứ Thập Hoa Nghiêm’ chúng ta đọc đến một đoạn nói rõ tai hại của vật dục. Không những vật dục là thất tình ngũ dục trong thế gian, ngay cả Phật pháp xuất thế gian cũng bao gồm trong ấy; chỉ cần bạn có tham, có ái, đều gọi là Dục. Trong chữ Cách Vật, ‘Cách’ nghĩa là ‘cách trừ’, là ‘cách sát’. Trong ba nghĩa của danh từ ‘A La Hán’, có một nghĩa là ‘Sát Tặc’, ‘cách vật’ chính là ‘sát tặc’. ‘Cách’ là chiến đấu, vật dục chính là giặc cướp, giặc cướp hại bản tánh của chúng ta.

Nếu bạn muốn mình tâm kiến tánh, muốn tu ba tâm Bồ Đề, việc thứ nhất phải làm chính là đoạn phiền não, tức là phải làm công việc ‘cách vật’. Cách vật tức là chúng ta thường nói đến ‘buông xuống’. Mạnh Tử nói: *‘Đạo Học vẫn chẳng có chi khác, mong cầu buông tâm mà thôi’* (Học vẫn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ). Chữ ‘phóng tâm’ này chính là công việc ‘cách vật’. Buông xuống những gì? Buông xuống vật dục, buông xuống phiền não. Khi chúng ta niệm Phật, đã Phật thất thường nhắc đến *‘buông xuống vạn duyên’* tức là cách vật, *‘buông xuống thân tâm thế giới’* cũng nghĩa là ‘cách vật’, được vậy tâm mới có thể thanh tịnh, có thể chuyên nhất.

Thứ hai là ‘Trí Tri’, Trí Tri tức là học pháp môn. Đọc Tụng giảng phía trước tức là câu Căn Bản Trí, đây là ‘chủ tu’. Thế thì vạn pháp còn lại có cần phải học hay không? Phải học, đó là ‘trợ tu’, phải tu cả chánh lẫn phụ (chủ tu và trợ tu). Chư vị phải ghi nhớ điều này. Khóa tụng mỗi ngày, tụng kinh luận là khóa chính, hết thầy pháp môn đều phải học, đó là công khóa. Những pháp môn này còn phải học rõ ràng, nhưng chẳng phải chỉ học trên kinh điển. Hãy nói mỗi ngày tôi tụng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là khóa tụng chính của tôi, mỗi ngày tôi đọc tụng, còn những kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, kinh Phương Đẳng, kinh A Hàm, kinh Bát Nhã mỗi ngày tôi đều xem thoáng qua, ‘pháp môn vô lượng thế nguyện học’ có nghĩa là như vậy phải không? Nếu bạn xem như vậy thì quá hạn hẹp rồi.

Học pháp môn là gì? Là Trí Tri. Nói cho các bạn biết, những gì nói trong Trí Tri khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, cả ngày từ sáng đến tối những gì mắt thấy, tai nghe đều là học vấn, đều là trí huệ, đó gọi là Trí Tri, lớn hơn phạm vi của kinh bản quá nhiều, quá nhiều. Pháp môn vô lượng vô biên! Học là học như vậy, chẳng phải giới hạn trên những kinh sách này thôi.

Lúc học cách này cần phải dụng tâm để học không? Chẳng cần dụng tâm, nhưng phải dùng ‘Chiếu’! Cách vật có thể đạt đến mục đích tịch định, còn Trí Tri là ‘từ Định khởi Chiếu’, tác dụng của khởi chiếu mới có thể thành tựu trí huệ, đây đúng như lời Lục Tổ nói: ‘Sanh tám vạn bốn ngàn pháp môn’, đó là Trí Tri.

Thứ ba là ‘Thành Ý’. Cho các bạn biết tôi lấy những gì nói trong Tứ Hoàng Thế Nguyện phối hợp với điều này thì sẽ thành Phật đạo. Phật là gì? Chỉ là Thành mà thôi! Kinh Vô Lượng Thọ nói đến ‘Tam Bồ Đề Tâm’, thứ nhất là Chí Thành Tâm. Nhà Nho nói ‘Thành Ý’ tức là Chí Thành Tâm, Chí Thành Tâm tức là Bình Đẳng Tâm, tức là Trục Tâm, tức là Phật Tâm. Thế nên chư vị muốn thành Phật phải tu gì? Tu Bình Đẳng tâm, nhà Nho gọi công phu của Thành Ý.

Sau khi Thành Ý, thì nói đến ‘Chánh Tâm’, ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’. Tâm như thế nào mới gọi là Chánh? Thế nào gọi là chẳng Chánh? Có

thể biết vạn vật cùng một thể, Tự Tha chẳng hai, tâm như vậy là Chánh Tâm. Chia Ta và Người, chia Tự và Tha, ly gián thị phi, tâm như vậy là Tà tâm, chẳng chánh. ‘Chúng sanh vô biên thế nguyền độ’, tâm này là Chánh Tâm, Dụng của Chánh Tâm.

Nhưng tự mình phải biết, độ chúng sanh cũng như trong kinh Kim Cang có nói: *‘Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật chẳng có chúng sanh được diệt độ’*⁴⁸. Tại sao vậy? Chúng sanh và mình là một, chẳng phải hai. Trong cái ‘một’ này chẳng có ‘năng độ’ và ‘sở độ’. Trong ‘hai’ thì có ‘năng độ’, có ‘sở độ’; Nhị pháp chẳng là Phật pháp, nhị pháp chẳng là pháp giác ngộ. Thế nên ‘năng’ và ‘sở’ là một, chẳng phải hai; Tam Cương Bát Mục là một, chẳng phải ba, cũng chẳng phải tám. Nếu bạn chia nó thành ba, thành tám thì sai mất, vậy thì mê rồi, chẳng giác nữa.

Bốn điều này là Nội Học, Thật Trí, Tự Giác; nói cách khác, đọc tụng chú trọng tại bốn điều này, hạnh giải tương ứng! Bốn điều phía sau: Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ là Ngoại Học, Quyền Trí, Giác Tha. Bát Mục này giống như tám tầng bảo tháp vậy, tầng dưới là cơ sở cho tầng trên, từ đó có thể thấy công phu phải bắt đầu làm từ ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’, xong rồi mới có thể nói đến ‘Tu Thân’.

Lại nói với các bạn, [tu thân] tức là ‘tu hành’ trong Phật pháp, nhưng nghĩa của ‘hành’ rộng hơn ‘thân’. Vì ý nghĩa của ‘hành’ là hành vi, thân thể đạo đức là hành vi, ngôn ngữ cũng có thể bao gồm trên thân thể, khẩu cũng là một bộ phận của thân; nhưng ngoài thân và khẩu còn hành vi của ý nghiệp. Hành vi của ý nghiệp tức là ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’, có thể gọi như vậy, hành vi của Tu Tâm; từ Tu Thân đến Bình Thiên Hạ đều là hành vi của Tu Thân, cả hai hợp lại tức là Tu Hành.

Sau khi Tu Thân thì mới có thể Tề Gia, gia đã tề nghĩa là cả gia tộc đều chỉnh tề, ngay ngắn. Tề Gia dùng tiêu chuẩn gì để ‘tề’? Là dùng Ngũ Luân, Thập Nghĩa để chỉnh tề. Khổng Tử nói đến ‘Phụ phụ tử tử’, đây là gia tề.

Cha giống một người cha, con giống một người con, ở đây chỉ nêu lên một điều để nói. Từ xưa ‘Quân quân, thần thần’, người quan lãnh đạo giống như một người quan lãnh đạo, thuộc hạ giống như một người thuộc hạ, như vậy thì quốc được trị vậy!

Bình Thiên Hạ nghĩa là gì? Bình là công bình, hết thấy chúng sanh trong thiên hạ đều đạt được công bình. Làm sao mới đạt được công bình? Mỗi người đều giữ bổn phận của mình thì thiên hạ sẽ bình. Thế nên pháp thế gian và xuất thế gian đều vô cùng coi trọng bổn phận. Chẳng giữ bổn phận thì thiên hạ sẽ đại loạn! Những gì mình đáng làm lại không làm, chuyện của người ta thì mình làm, ai cũng làm vậy thì làm sao thiên hạ chẳng loạn được? Xã hội là một đoàn thể sanh hoạt, mỗi người có cương vị làm việc của mình, bạn giữ tại cương vị này thì gọi là giữ bổn phận. Nói thật ra người hiện đại đều chẳng giữ bổn phận, điểm này vô cùng quan trọng...

⁴⁸ (Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả)